



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



VẠN PHÁP QUY NHẤT, NHẤT QUY HÀ XỨ?

24

THÁNG 11.2013



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: **803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704, U.S.A.** — Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Chúc Thiên
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.
Trình bày: Vĩnh Hào
Hình bìa: Nguyễn Việt

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **THƯ CUNG THỈNH LỄ GIỖ TÒ LIẾU QUẦN & CHUNG THẮT CỔ HT THÍCH CHÍ TÍN** (Chùa Phật Đà), trang 7
- ♦ **HÒA HỢP TĂNG ĐOÀN ĐỀ HOÀNG DƯƠNG PHẬT PHÁP** (Ban Tổ Chức Ngày Về Nguồn VII), trang 8
- ♦ **BẠN LỮ** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 9
- ♦ **CÔNG VIỆC TRƯỚC TÁC, PHIÊN DỊCH CỦA TÔ KHÁNH ANH** (TK. Thích Như Điển), trang 10
- ♦ **LỜI TƯỜNG NIỆM CUỐI** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 12
- ♦ **VỀ NGUỒN** (thơ Thích Minh Tuệ), tr. 15
- ♦ **HÌNH ẢNH LỄ KHAI MẠC NGÀY VỀ NGUỒN - HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TÔ SƯ LÂN VII** (Hải Triều Âm), trang 16
- ♦ **THẦY TRƯ TRI CHÙA TỈNH HỘI LONG SƠN, THÀNH PHỐ BIÊN NHA TRANG** (Thích Tâm Hạnh), trang 18
- ♦ **PATACHARA - NGƯỜI KHOÁC ÁO** (Ngọc Bảo), trang 21
- ♦ **HÔI NGƯỜI, ĐÊM GIÓ** (thơ Nguyễn thị Minh Thủy), trang 23
- ♦ **HÌNH ẢNH LỄ BẾ MẠC NGÀY VỀ NGUỒN VII** (Hải Triều Âm), trang 24
- ♦ **ĐẠO PHẬT ĐỀ TIẾP CẬN** (Trần Khải), trang 26
- ♦ **THÔNG BÁO CỨU TRỢ BẢO LỤT MIỀN TRUNG** (TV Từ Thiện XH), tr. 27
- ♦ **QUẢY GÁNH RA ĐI** (Nguyên Siêu), trang 28
- ♦ **ANH THỢ CẮT NHÀ - Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ **NGHỆ THUẬT SƯ PHẠM TRONG NGÔI NHÀ LAM - Câu chuyện dưới cờ** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 33
- ♦ **ĐANG GẦN LẠI, ANH CÓ NGHE KHÔNG, TRÊN ĐƯỜNG** (thơ Nguyễn thị Khánh Minh), trang 34
- ♦ **CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC tt.** (Thích Trí Chơn dịch), tr. 35
- ♦ **THAM THIỀN** (Th. Hằng Đạt dịch), tr. 39
- ♦ **BỜ BỜ MỘT MỐI TƯƠNG DUYÊN** (Uyên Nguyên), trang 42
- ♦ **THIỀN NHƯ THUỐC CHỮA BỆNH** (Huỳnh Kim Quang dịch), trang 47
- ♦ **BÔNG DỪNG** (thơ Mặc Phương Tử), trang 50
- ♦ **BÔNG NGUYỆT LÒNG SÔNG** (Toại Khanh), trang 51
- ♦ **CÓ MỘT CUỘC SỐNG** (Tuệ Như), trang 54
- ♦ **NÓ VÀ ĐÔI HOA VÀNG** (Mặc Không Tử), trang 55
- ♦ **TRỰC ĐÊM VỚI BA** (Mã Nhược Mai), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: CƠM CHIÊN DƯƠNG CHÂU** (Diệu An), trang 57
- ♦ **PHONG CÂM VÀ PHÁP ÂM** (thơ Tâm Thường Định), trang 58
- ♦ **NÀNG CHIỀU, CÂY VÀ ĐẤT** (thơ Diệu Đức), trang 58
- ♦ **ĐỌC BÀI THƠ HOÀNG HẠC LÂU... CỦA LÝ BẠCH** (Lam Nguyên), tr. 59
- ♦ **MẮT CHIỀU** (thơ Hàn Long Ẩn), tr. 61
- ♦ **CHỜ THỜ Ơ, THIỀN SƯ** (thơ Đồng Thiện), trang 61
- ♦ **CHO DÙ BIÊN BIỆT SƠN KHÊ...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 62
- ♦ **HÌNH ẢNH PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG 2 & LỄ KHỞI CÔNG XÂY CẤT CHÙA BÁT NHÃ** (Dzũng Nguyên), tr. 64
- ♦ **Y KHOA PHỔ THÔNG: MẶT ỒNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 66
- ♦ **MÔNG SƠN THÍ THỰC** (Đức Hạnh), trang 68
- ♦ **XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÃ** (thơ Thích Hạnh Tuệ), trang 71
- ♦ **LỄ KHỞI CÔNG XÂY CẤT CHÙA BÁT NHÃ** (Việt Báo), trang 72
- ♦ **SINH NHẬT** (Vĩnh Hào), trang 73
- ♦ **CHUYẾN XE CUỐI CÙNG** (Trịnh Gia Mỹ sưu tầm), trang 74

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 24, tháng 11 năm 2013, do Niệm Phật Đường Fremont (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

LẮNG NGHE

Nếu bảo rằng vì ngôn tự âm thanh đều vô thường nên không muốn đọc, không muốn nghe, thì chẳng khác nào đã điều vùi đầu vào cát (để tránh hiểm nguy, hay trốn chạy thực tế?).

Che mắt, bịt tai, từ ngàn xưa, vốn không phải là hành vi và thái độ của người trí. Người trí là người luôn mở mắt lắng tai để thấy, để nghe, để nắm bắt thực tại. Từ hàng thứ dân cho đến kẻ lãnh đạo (chính quyền, đảng phái, tôn giáo, tổ chức xã hội/dân sự, cơ quan truyền thông...), đều phải mở mắt, lắng tai, mới mong hiểu được sự thực.

Vừa qua, vì thiếu sự lắng nghe, đối thoại và cảm thông giữa hai đảng phái, đã xảy ra việc “đóng cửa” chính phủ. Thực là một thảm họa! Nhưng thảm họa ấy cũng không gì lạ. Trong quá khứ (và mãi đến ngày nay) cũng không thiếu những trường hợp nhắm mắt, bịt tai, không chịu đối thoại, không chịu nhượng bộ và cảm thông của các chính quyền trước ý nguyện của toàn dân, đã dẫn đến (và sẽ dẫn đến) sự sụp đổ cả một hệ thống cầm quyền tưởng là trường trị muôn năm. Cho nên, những nhà lãnh đạo tôn giáo, kể cả các tổ chức giáo hội Phật giáo, nếu cũng nhắm mắt, bịt tai trước tiếng nói của người thân hay kẻ lạ, của người đồng thuyền hay kẻ ngoại môn, thì cũng đồng dạng với các chính thể độc tài, phi dân chủ.

Trong bài sám nguyện “Quy trước điện,” Hòa thượng Thích Trí Thủ có câu mô tả thói quen của kẻ phàm trần: *“Tai thích tiếng mật đường, dua nịnh.”* Thích lời ngon ngọt xu phụ, ghét lời trái tai phật ý, chính là một trong những yếu tố lôi kéo chúng ta đi vào vòng thị-phi, chấp ngã, lăn quẩn trong sinh tử luân hồi. Người con Phật không như thế. Phải biết lắng nghe, như bồ-tát Quán Thế Âm: lắng nghe tất cả âm thanh của chúng sanh các loài, lắng nghe âm thanh của muôn vạn thế giới (dù là tiếng hay hay tiếng dở, tiếng chân thật hay tiếng hư dối, tiếng khen hay tiếng chê, tiếng ca tụng hay tiếng phỉ báng...).

Sự thực của thế gian (thông qua hình ảnh, lời nói) có khi chướng mắt, trái tai (đối với mình), nhưng vẫn là sự thực. Nhân loại ngày nay có nhiều phương tiện và cơ hội để nhìn-thấy và lắng

nghe nhau. Hình sắc và âm thanh hiện đại là bức tranh toàn vẹn của cả hành tinh. Nhưng chúng ta phải biết cận kề quan sát, lắng nghe, mới có thể tiến đến hiểu biết và cảm thông; từ cảm thông mới có hòa hợp.

Bối cảnh tan tác, phân ly của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại trong thập niên trước đã dẫn đến nhu cầu thành lập một Tăng đoàn hòa hợp với danh xưng khiêm tốn là Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại; ước nguyện ngồi lại với nhau không phân biệt giáo hội, hệ phái, tông môn; lấy giới-luật làm Thầy dẫn đường cho hội chúng; nêu cao chí nguyện của kẻ xuất trần làm chất liệu hàn gắn những dị biệt; truy tán công hạnh của Thầy-Tổ nhiều đời làm gương sáng soi chung. Ý nguyện cao đẹp và cấp thiết này được kết tinh và thể hiện qua Ngày Về Nguồn - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư, tổ chức lần đầu tiên vào tháng 9 năm 2007 tại Chùa Pháp Vân, Canada; và đã nối tiếp mỗi năm cho đến năm nay, 2013, là lần thứ 7. Đáng tiếc và buồn cười thay là có những kẻ che mắt, bịt tai, không chịu tìm hiểu, đã cố tình hủy báng, xuyên tạc sự ngồi lại trong hòa hợp ấy. Lãnh đạo sợ mất quyền lãnh đạo. Ngồi cao sợ rơi xuống ghế thấp. Nỗi lo sợ và ám ảnh mất mát của những người này vô tình đẩy con thuyền Phật giáo vào một giòng sông bi kịch phân ly khác.

Nhưng những kẻ xuất trần cao đẹp vẫn tiếp tục dũng mãnh lên đường.

Về nguồn. Về với nguồn cội chân tâm. Về với tự tánh thanh tịnh của tăng đoàn.

Lắng nghe. Tiếng nhiệm màu lung linh ảo diệu. Tiếng vọng về từ thế gian thống khổ. Tiếng thanh tịnh từ bản thể thâm thâm. Tiếng sóng dâng từ đại dương sinh diệt. Tiếng vô hạn vượt ngoài cõi tam thiên.

Lắng nghe. Có những giòng sông nhập vào biển lớn. Có những con thuyền vượt sóng ra khơi. Chẳng có gì phải âu lo sợ hãi. Mở mắt, lắng tai, lòng lòng mà nhìn và nghe. Tiếng gió khua trên ngàn hoa nội cỏ. Tiếng lá chuyển mình đầu mùa thay sắc mới. Lá xanh, lá vàng cùng một cội gốc duyên sinh. Đất trời mênh mông, có bước chân nào mà chẳng dẫm lên con đường vô hạn vô biên!

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

TÍCH LAN: Đại sứ Hoa Kỳ xem các hiện vật quý hiếm của Tích Lan được bảo quản với khoản tài trợ từ Hoa Kỳ

Vào ngày 23-9-2013, Michele Sison, Đại sứ Hoa Kỳ tại Tích Lan, đã viếng Bảo tàng Yatala (ở Tỉnh Miền Trung) để xem những cổ vật quý hiếm được phát hiện trong các cuộc khai quật Bảo tháp Yatala, vốn được Quỹ bảo tồn Văn hóa của Đại sứ Hoa Kỳ tài trợ 30.000 usd.

Đa số các hiện vật được phát hiện và xếp vào mục lục này nhấn mạnh thời cổ đại của văn hóa Phật giáo tại Tích Lan, và cũng phản ánh ngành thương mại địa phương và mạng lưới thương mại quốc tế thời xưa. Các khoản tài trợ như thế từ Quỹ Bảo tồn Văn hóa của Đại sứ Hoa Kỳ được dùng cho việc khôi phục và bảo tồn những bảo vật vượt thời gian.

Đây là một trong 9 khoản tài trợ được trao cho Tích Lan kể từ năm 2001, phản ánh một cam kết tài trợ gần nửa triệu usd dành cho việc bảo vệ và bảo tồn văn hóa Tích Lan.

Đại sứ quán Hoa Kỳ tự hào là có thể đóng góp vào việc bảo tồn di sản văn hóa Tích Lan cho thế hệ mai sau.

(Asian Tribune – September 24, 2013)



Đại sứ Hoa Kỳ Michele Sison xem các hiện vật quý hiếm tại Bảo tàng Yatala - Photo: Asian Tribune

ĐỨC: Das Buddhistische Haus (DBH – Ngôi nhà Phật giáo): Phật tử cổ xưa nhất tại châu Âu

Tọa lạc tại khu ngoại ô Frohnau của thủ đô Berlin, DBH là một khu phức hợp Phật tử được

xây vào năm 1924 và do đó là khu chùa Phật giáo cổ nhất châu Âu. Chùa được điều hành bởi các tăng sĩ Phật giáo Nguyên thủy - giáo phái lâu đời nhất của Phật giáo.

DBH được thành lập bởi Tiến sĩ Paul Dahlke, một nhà triết học Phật giáo và là một người tiên phong của Phật giáo Nguyên thủy tại châu Âu. Vào năm 1957, chùa này được Hội Đạo pháp Đức (GDS) mua từ những người thừa kế của Tiến sĩ Dahlke.

Chùa được chuyển đổi thành một tịnh xá Phật giáo, cung cấp nơi cư trú cho chư tăng đến từ Tích Lan và các nơi khác. Kể từ đó, DBH đã tiếp nhận rất nhiều tăng sĩ có nhu cầu cư ngụ ở đó và truyền bá Phật giáo tại Đức và các nước châu Âu khác. Trung tâm Phật giáo Nguyên thủy xưa nhất và lớn nhất này tại châu Âu đã được các cơ quan công quyền Đức xếp hạng là một Di sản Quốc gia.

(Tipitaka Network – September 24, 2013)



DBH, tịnh xá cổ xưa nhất tại châu Âu - Photo: Inasa Bibic

ẤN ĐỘ: Liên đoàn Phật giáo mới tìm cách đoàn kết Phật tử thế giới

Trong một cuộc phỏng vấn với đài VOA vào ngày 25-9-2013, Lạt ma Lobzang nói rằng một liên đoàn Phật giáo mới sẽ tìm cách thu hẹp khoảng cách giữa Phật tử trên thế giới và sẽ là một tiếng nói cho tôn giáo này tại các sự kiện quốc tế quan trọng.

Ông nói đây là lần đầu tiên trong lịch sử, các thực thể Phật giáo trên toàn thế giới đã đạt được một sự đồng thuận để tạo thành một tổ chức thống nhất đại diện cho tôn giáo của mình.

Lạt ma Lobzang nói, "Trách

nhệm của tổ chức của chúng tôi là sự bảo tồn các di sản Phật giáo, bao gồm hơn 100 thiền động Phật giáo tại các bang của Ấn Độ như là Gujarat, Maharashtra và Madhya Pradesh. Những di tích Phật giáo cổ xưa này, vốn trước đây bị bỏ mặc, nay cần được bảo vệ và bảo tồn".

(VOA News – September 25, 2013)

NHẬT BẢN: Nhà sư khổ hạnh nổi tiếng Yusai Sakai viên tịch

Tu sĩ Phật giáo Yusai Sakai, người nổi tiếng với 2 lần hoàn thành kỳ tích của việc thực hành khổ hạnh vào thập niên 1980, đã viên tịch ở tuổi 87 do suy tim.

Sư Sakai thuộc trường phái Tendai của Phật giáo Nhật Bản. Ông đã đạt được kỳ tích được biết đến như là "sennichi kaihogyo" vào năm 1980, sau 7 năm hành cước vượt khoảng 40.000km xuyên vùng núi của ngọn núi Hiei cao 848m ở Otsu, tỉnh Shiga và trong thành phố Kyoto. Phái Tendai có trụ sở đặt tại chùa Enryaku trên núi Hiei.

Vào năm 1987, sư Sakai đã lặp lại kỳ tích này khi ông 60 tuổi.

Ông là người thứ 3 hoàn thành 2 lần sennichi kaihogyo kể từ khi vị lãnh chúa thời thế kỷ 16 là Oda Nobunaga phá hủy chùa Enryaku vào năm 1571.

(The Japan Times – September 27, 2013)



Sư Yusai Sakai hoàn thành "sennichi kaihogyo" lần thứ hai (1987) - Photo: Asahi Shimbun

HÀN QUỐC: Lễ hội kỷ niệm Kinh Tam Tạng Cao Ly tại Chùa Haeinsa

Ngày 26-9-2013 bắt đầu một lễ hội kỷ niệm kinh Tam Tạng Cao Ly, một bộ sưu tập vô giá của kinh Phật hiện đang được lưu giữ tại Chùa Haeinsa ở tỉnh Nam Gyeongsang. Lễ hội sẽ kéo dài đến ngày 9-11.

Bộ sưu tập này được khắc trên 81.258 mộc bản vào thế kỷ thứ 13, được xếp hạng là phiên bản kinh Phật viết bằng chữ Hán được bảo tồn toàn diện nhất và cổ xưa nhất thế giới. Nó đã được đưa vào Danh sách Di sản Văn hóa Thế giới của UNESCO vào năm 1995.

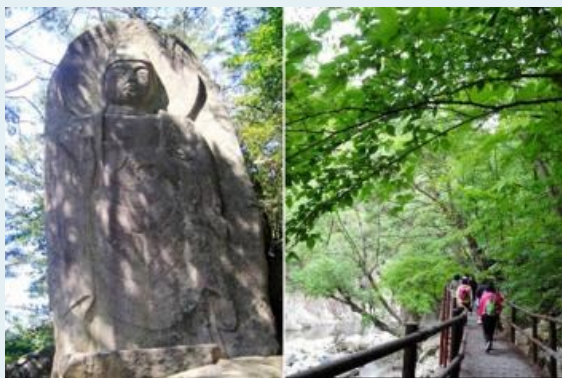
Được bao bọc bởi Núi Gaya cao chót vót, Chùa Haeinsa đã giữ vai trò là ngôi nhà của kinh Tam Tạng Cao Ly kể từ năm 1251.

Trong suốt lễ hội này, một tượng Phật khắc trên đá cũng sẽ được trưng bày cho công chúng chiêm bái lần đầu tiên trong 1.200 năm.

(Englishchosun.com - September 27, 2013)



Mộc bản Kinh Tam Tạng Cao Ly
tại Chùa Haeinsa



NHẬT BẢN: Phim tài liệu "Những linh hồn của Thiên – Phật giáo, Tổ tiên và Sóng thần năm 2011 tại Nhật"

Đó là tên bộ phim tài liệu do Tim Graf và Jakob Montrasio thực hiện, giới thiệu những quan điểm Phật giáo trong cuộc sống hàng ngày của chùa chiền, giáo dục tu viện, thực hành cầu nguyện, nghi thức tang lễ và truyền thống tôn kính tổ tiên của Nhật Bản trong bối cảnh của thảm họa sóng thần ngày 11-3-2011.

Trong một cuộc hành trình dân tộc học từ Tokyo đến các tỉnh bị thiệt hại nặng nề nhất, phim Những linh hồn của Thiên chủ yếu ghi lại những tuệ trí và ý kiến của các học giả, tu sĩ và tín đồ Phật giáo của Thiên phái Tiệm ngộ và Tịnh độ Chân tông.

Những thách thức về tổ chức, giáo lý và tâm lý không quen thuộc mà giới tu sĩ Phật giáo đang đối mặt trong ngày 11-3 tạo thành một tâm điểm của bộ phim. Những thách thức này sẽ được thảo luận trong một bối cảnh của các truyền thống Phật giáo lâu đời, các đối mới về nghi thức và các phản ứng về tôn giáo đối với thảm họa ngày 11-3-2011 tại Nhật Bản.

(Buddhist Art News - October 2, 2013)

TÍCH LAN: Phái đoàn giáo hội Phật giáo Asgiri của Tích Lan viếng Bồ đề Đạo tràng

Ngày 1-10-2013, Hòa thượng B. Mahanayaka của giáo hội Asgiri đã dẫn đầu một phái đoàn đến Ấn Độ với nhiệm vụ kiểm tra mức độ an ninh mà nhà chức trách Ấn Độ dành cho Phật tử Tích Lan hành hương đến chùa Đại Giác ngộ ở Bồ đề Đạo tràng.

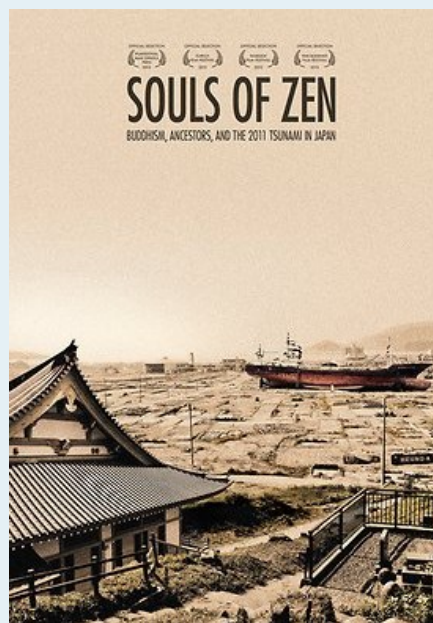
Trong 5 ngày, phái đoàn viếng nhiều địa điểm hành hương Phật giáo nhằm kiểm tra tình hình an ninh và mức độ an toàn hiện nay đối với người hành hương Tích Lan.

Chính quyền trung ương Ấn Độ và bang Bihar đã xiết chặt an ninh đối với Bồ đề Đạo tràng và các thánh địa khác sau các vụ nổ bom tại chùa Đại Giác ngộ ở Bồ đề Đạo tràng.

Tượng Phật khắc trên đá và con
đường theo chủ đề Phật giáo gần
Chùa Haeinsa

<—

Photos: chosun.com



Poster của phim tài liệu 'Những
linh hồn của Thiên'

Một lộ trình mới dành cho các địa điểm hành hương Phật giáo qua thành phố Bangalore, nam Ấn Độ, sẽ được giới thiệu với người hành hương do đánh giá tình hình khó khăn và sự sách nhiễu mà nhiều người Tích Lan đã trải qua khi hành hương đến Bồ đề Đạo tràng theo lộ trình Bang Tamil Nadu (Tích Lan).

(Buddhist Door - October 2, 2013)



Bồ đề Đạo tràng (Ấn Độ) - Photo:
dailynews.lk

HOA KỲ: Triển lãm nghệ thuật Phật giáo quý hiếm tại Met (Bảo tàng Nghệ thuật Thủ đô) của New York

Cuộc triển lãm nghệ thuật Phật giáo mang tên “Những kiệt tác của Nghệ thuật Tây Tạng và Nepal: Những hiện vật được mua lại gần đây” đã mở cửa vào hạ tuần tháng 9-2013 tại Met, New York.

Có 14 hiện vật được trưng bày, bao gồm 5 tác phẩm điêu khắc “thuộc hàng quý hiếm nhất và quan trọng nhất trong số những hiện vật cùng loại có mặt trong một bộ sưu tập phương Tây”, theo Art Daily.

Được tạo tác vào thế kỷ 11 và 17, tất cả các tác phẩm này được Bảo tàng mua lại từ bộ sưu tập của Gia đình Zimmerman. Người phụ trách Met là John Guy nói rằng “hầu hết mọi cuộc triển lãm về nghệ thuật Hi Mã Lạp Sơn được tổ chức trong 4 thập kỷ qua đều nhấn mạnh nét đặc trưng của các tác phẩm từ bộ sưu tập này”. Đây là sự giải thích về ý nghĩa đặc biệt của lần triển lãm này và về địa lý trong sự phát triển của nghệ thuật Phật giáo linh thiêng ở Hi Mã Lạp Sơn.

(Shambhala Sun – October 4, 2013)



Tượng Phật Thích Ca Mâu Ni bằng đồng, điêu khắc ở Tây Tạng vào thế kỷ 12-13- được trưng bày tại Bảo tàng Nghệ thuật Met (New York, Hoa Kỳ) - Photo: Buddha Dharma

ẤN ĐỘ: Cuộc họp 3 ngày về bộ sách Khoa học và Triết học Phật giáo

DHARAMSHALA, Ấn Độ - Đức Đạt lai Lạt ma và khoảng 25 học giả Phật giáo Tây Tạng đến từ khắp nơi trên thế giới đã có một cuộc họp trong 3 ngày (từ 23 đến 25-9-2013) tại Dharamshala về bộ sách 2 tập ‘Khoa học và Triết học Phật giáo’, là công trình mà các vị học giả sắp hoàn thành dự thảo.

Sư trưởng Thontok của Tu viện Namgyal, Trưởng ban biên tập của bộ sách, nói, “Cuộc họp này nhằm hoàn thiện các nội dung của 2 tập sách về khoa học Phật giáo được trích từ các nguyên bản Kagyur và Tengyur, với hy vọng rằng nó có thể phục vụ nhân loại mà không phân biệt tôn giáo và những dị biệt”.

Các biên tập viên nói 2 tập sách về Khoa học Phật giáo này có thể chứng minh là có lợi không chỉ đối với tất cả Phật tử mà còn cho các nhà khoa học và các nhà nghiên cứu vốn đang nghiên cứu về tâm trí con người.

Hai tập sách về Khoa học Phật giáo nói trên dự kiến sẽ được xuất bản trong năm nay, và sẽ được dịch sang tiếng Anh, Hindi, Trung quốc và 17 ngôn ngữ khác.

(Mahabhodi – October 5, 2013)



Đức Đạt lai Lạt ma và các vị học giả trong cuộc họp 3 ngày về bộ sách ‘Khoa học và Triết học Phật giáo’ - Photo: Phayul

MÃ LAI: Các tác phẩm nghệ thuật giúp gây quỹ cho phim tài liệu về Phật giáo

Một cuộc triển lãm thư pháp Trung Hoa với hàng chục họa sĩ trong nước tham gia đã được tổ chức gần đây tại Trung tâm Nalanda ở Seri Kembangan để gây quỹ cho một phim tài liệu về Phật giáo.

Phim tài liệu ‘Hành trình Tự Khám phá’ này sẽ được quay tại Ấn Độ, với chi phí ước tính là 500.000 ringgit Mã Lai.

Là một phần của những nỗ lực gây quỹ, cuộc triển lãm thư pháp nói trên được phát động gần đây bởi ông Datuk Seri Kee Yong Wee, cố vấn Hội Thư pháp Mã Lai, và Tiến sĩ H.S Tan, người sáng lập Hội Phật giáo Nalanda.

Ngoài ra còn có phần trình bày thư pháp của Chủ tịch hội Thư pháp Mã Lai, ông Wong Ho, và nhà thư pháp khách mời Wong Oi Sang.

(Buddhist Door – October 7, 2013)



*Nhà thư pháp Oi Sang đang trình bày tác phẩm
Photo: Sheila Sri Priya*

ẤN ĐỘ: Tranh Thangka được dạy qua internet

Gangtok, Sikkim – Lạt ma Tenzing Wangdak ở Sikkim là một họa sĩ về tranh Thangka Phật giáo.

Lạt ma cho biết, “Tôi được đào tạo vẽ tranh Thangka trong 7 năm tại Tu viện Bon (ở thị trấn Ravangla). Trước đó tôi từng là một người lao động, và điều đó thật vất vả đối với tôi. Tôi đã nỗ lực hết mình để học tranh Thangka, và nay tôi đã thành công”.

Lạt ma Tenzing bây giờ quan tâm đến việc dạy cho những người khác. Ông đã triển khai nhiệm vụ bảo tồn tranh Thangka, và nay ông dạy nghệ thuật Thangka qua internet.

“Những ai quan tâm đến tranh thangka có thể đăng nhập trang web của tôi, và tôi dạy họ miễn phí. Tôi đã dành hết đời mình cho việc vẽ thangka. Tôi kiếm sống nhờ tiền này”.

(Yahoo!News – October 9, 2013)



Tranh Thangka - Photo: bud-dhistartnews

MÃ LAI: Sư cô 61 tuổi tìm được nơi tạm trú cho những con chó lạc chủ

Sư cô Chow Khoon Siew, 61 tuổi, là người điều hành một ngôi chùa kiêm nơi trú ngụ cho 35 con chó lạc chủ tại Sungai Siput.

Do bị hàng xóm khiếu nại vì tiếng chó sủa, sư cô Chow bị Hội đồng Thành phố Kuala Kangsa buộc đến ngày 6-10-2013 phải di dời đàn chó.

Một doanh nhân tốt bụng ở Kampung Baru Sungai Buloh đã cho phép đàn chó tạm trú tại khu trồng cây cọ của ông ta. Ông đã cho dọn một phần của khu đất này để sư cô Chow có thể xây một nơi tạm trú cho đàn chó lạc chủ mà bà chăm sóc. Vào ngày 30-9 sư cô đã gửi thư và hình chụp nơi tạm trú đến hội đồng thành phố và được họ gia hạn thêm một tháng để chuẩn bị di dời.

Khi nhà thầu lấp đất xong hàng rào quanh khu đất trống này, bà sẽ chuyển đàn chó đến ngay. Đồng thời bà sẽ tiếp tục tìm một nơi thích hợp để xây dựng nơi ở thường trú cho đàn chó.

(Buddhist Door - October 10, 2013)



Sư cô Chow và những con chó lạc chủ—Photo: Elween Loke

NEPAL: 'Sư cô ngôi sao nhạc rock', biệt danh mới của Ani Choying Drolma

Năm nay, sư cô người Nepal 43 tuổi Ani Choying Drolma đã được A.R. Rahman, nhà soạn nhạc Ấn Độ đoạt giải Oscar, mời hát bài "Zariya", một trong những sáng tác của ông.

Farah Siraj, một ca sĩ người Jordan đã cộng tác với Drolma trong bài Zariya, nói, "Cô ấy không chỉ là một nghệ sĩ tuyệt vời, mà còn là một con người đáng kinh ngạc."

Đối với Ani Choying Drolma, biệt danh 'sư cô ngôi sao rock', việc hát và trình diễn cùng những nhạc sĩ hàng đầu là một cách để truyền bá tinh hoa của lời Phật dạy đến với thế giới và giúp cho những người có nhu cầu.

Trong 16 năm qua, sư cô Drolma đã thu âm 10 album tụng niệm và đạo ca. Cô nói tiếng Anh lưu loát, nghe nhạc Tây phương (cô đặc biệt thích nhạc Norah Jones và nữ ca sĩ quá cố Whitney Houston) và lái xe hơi.

(Buddhist Door - October 12, 2013)



Sư cô Ani Choying Drolma
Photo: Vishal Arora

HOA KỲ: Triển lãm xá lợi Đức Phật và chư đại sư Phật giáo

Cuộc triển lãm "Các xá lợi cổ xưa và thiêng liêng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và các vị đại sư Phật giáo khác" từ Ấn Độ, Tây Tạng, Hàn quốc và Trung quốc sẽ mở cửa cho công chúng trong 10 ngày (từ 11 đến 20-10-2013) tại Tu viện Từ Vãn ở khu Haymarket, bắc Virginia.

Đây là bộ sưu tập với hơn 1.000 hiện vật, bao gồm 8 xá lợi hơn 2.500 năm tuổi của Đức Phật vốn được Đức Đạt lai Lạt ma cứu khỏi Tây Tạng vào năm 1959. Các xá lợi sẽ được đặt lên đầu khách tham quan khi họ tham gia vào một lễ chúc phúc được tổ chức tại cuộc triển lãm.

Vòng triển lãm xá lợi toàn thế giới này bắt đầu vào năm

2001, và đến nay đã trưng bày tại 67 nước và được hơn 1,8 triệu người chiêm bái.

(Inside Nova - October 12, 2013)



Triển lãm xá lợi Đức Phật và chư đại sư Phật giáo
Photo: Inside Nova

NAM HÀN: Thượng tọa Jaseung tái đắc cử chức lãnh đạo Tông phái Tào Khê

Ngày 10-10-2013, Thượng tọa Jaseung, vị lãnh đạo đương nhiệm Tông phái Tào Khê của Phật giáo Hàn Quốc, đã được tái đắc cử chức lãnh đạo Tông phái Phật giáo lớn nhất đất nước này.

Ông sẽ bắt đầu nhiệm kỳ 4 năm với vai trò là vị lãnh đạo thứ 34 của Tông phái vào ngày 1-11-2013, sau khi được sự đồng thuận của Hội đồng Trưởng lão.

Tông phái Tào Khê công bố rằng Thượng tọa Jaseung đạt được 179 phiếu bầu từ 311 thành viên đại cử tri đoàn - đại diện cho hơn 14.000 tăng sĩ. Ông đã vượt qua bốn ứng cử viên khác, trong số đó bao gồm cả ứng viên có nhiều ảnh hưởng nhất là Thượng tọa Boseon, người đang đảm nhiệm cương vị chủ tịch Hội đồng Tư vấn của Tông phái này.

(The Korea Herald - October 12, 2013)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
CHÙA PHẬT ĐÀ

4333 30th Street, San Diego, CA 92104 - ĐT: (619) 283-7655 - Email: chuaphatdasd@yahoo.com



THƯ CUNG THỈNH

- Lễ Giỗ Tổ Liễu Quán
- Lễ Chung Thất Hòa Thượng Bồn Sư
Thượng TÂM Hạ NHÂN
Tự HÀNH TỪ HIỆU CHÍ TÍN

Nam Mô Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng Già,

Để tưởng nhớ công hạnh sâu dày mà một thời chư vị Tổ Đức, Thiên gia đã hy hiến sự nghiệp tu chứng, giác ngộ làm lợi ích cho chúng sanh. Sự hy hiến này đã trải dài trên dòng lịch sử Phật giáo Việt Nam hơn 2000 năm qua. Đồng thời biểu tỏ hành trạng phụng sự của chư vị Lịch Đại Tổ Sư thấp sáng tinh thần Truyền Đăng Tục Diệm Tổ Ân Trùng Quang cho mãi mãi ngàn sau.

Thừa tiếp gia bảo trân quý ấy, chúng con Tăng Tín đồ chùa Phật Đà kiên thành đánh lễ Cung thỉnh chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni từ bi hoan hỷ quang lâm chứng minh và tham dự **Lễ Giỗ Tổ Liễu Quán** và **Lễ Chung Thất của Hòa Thượng Bồn Sư** chúng con, **Thượng TÂM Hạ NHÂN Tự Hành Từ Hiệu Chí Tín**.

Chương Trình được tổ chức:

*** Thứ Bảy, ngày 02 tháng 11, 2013**

- 05:00 giờ sáng: Thức chúng
- 05:30 - 6:30 sáng: Công Phu sáng
- 07:00 giờ sáng: Điềm tâm
- 08:00 giờ sáng: Khai Kinh bạch Phật
- 10:00 giờ sáng: Tụng Kinh A Di Đà, niệm Phật thiền hành
Cúng Ngọ - Tiễn cúng Giác Linh
- 12:00 giờ trưa: Thọ trai
- 01:00 giờ chiều: Nghỉ trưa
- 02:00 giờ chiều: Tụng Kinh A Di Đà, niệm Phật thiền hành
- 05:00 giờ chiều: Dược thực
- 07:00 giờ tối: Tụng Kinh A Di Đà, niệm Phật thiền hành
- 09:00 giờ tối: Chi Tịnh

*** Chủ Nhật, ngày 03 tháng 11, 2013**

- 05:00 giờ sáng: Thức chúng
- 05:30 - 6:30 sáng: Công Phu sáng
- 07:00 giờ sáng: Điềm tâm
- 08:00 giờ sáng: Tụng Kinh A Di Đà, niệm Phật thiền hành
- 11:00 giờ sáng: Cúng Ngọ - Tiễn cúng Giác Linh - Trai Tăng
- 03:00 giờ chiều: - Lễ Giỗ Tổ Liễu Quán,
- Lễ Chung Thất Hòa Thượng Bồn Sư
(có chương trình riêng)
- 05:00 giờ chiều: Dược thực
- 06:00 giờ chiều: Cúng Mông Sơn Thí Thực nguyện cầu âm siêu dương thái
- Hoàn Mãn

Thành Kính đánh lễ chư Tôn Đức Tăng Ni và kính chúc quý Ngài Phước Trí Nhị Nghiêm Đạo Quả viên thành.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

San Diego, ngày 03 tháng 10 năm 2013

Môn Đồ Pháp Quyển,

Đồng Khê thủ,



Tỳ Kheo Thích Nguyên Siêu



QUAN ĐIỂM

HÒA HỢP TĂNG ĐOÀN
ĐỂ HOẰNG DƯƠNG PHẬT PHÁP

(Diễn văn Khai mạc của Ban Tổ Chức Ngày Về Nguồn - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần VII
tại chùa Cổ Lâm, thành phố Seattle, tiểu bang Washington, ngày 28.9.2013)



Nam Mô Trung Thiên Giáo Chủ Điều Ngự Bốn Sư
Thích Ca Mâu Ni Phật,
Nam Mô Tây Thiên, Đông Độ, Việt Nam, Hải Ngoại
Truyền Giáo Truyền Giới Lịch Đại Tổ Sư,

Hôm nay, trong giờ phút linh thiêng mầu nhiệm của đạo tràng Chùa Cổ Lâm, nơi mà chư tôn Thiền Đức Tăng, Ni từ các châu lục đã y lời Phật dạy tụ họp và thuyết giáo trong thanh tịnh và hòa hợp như Chánh Pháp, chúng tôi xin kiền thành dâng lễ hoan hỷ cung đôn quý Ngài và cầu nguyện mọi Phật sự, Pháp sự và Tăng sự đều được thành tựu viên mãn.

Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ 7 diễn ra trong cảm thức đau thương và mất mát lớn lao trước sự ra đi của Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Nguyên Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại. Chúng tôi kính xin chư tôn Thiền Đức Tăng, Ni và đại chúng hoan hỷ đứng dậy dành một phút mặc niệm để tưởng nhớ đến công hạnh lớn lao mà Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Tâm đã đóng góp cho sự vững bền của bản thể thanh tịnh hòa hợp của cộng đồng Tăng Già Việt Nam tại hải ngoại trong suốt bao năm qua.

Kính thưa quý liệt vị,

Trong giờ phút cuối cùng trước khi nhập Đại Bát Niết Bàn, Đức Thế Tôn đã ân cần khuyến thị rằng:

"Các thầy Tỷ kheo, nếu ai cắt xả thân thể các thầy ra từng đốt, các thầy cũng phải tự kềm chế tâm mình, đừng cho giận dữ. Lại phải giữ lấy miệng lưỡi, đừng để phát ra lời tiếng không tốt. Tâm giận dữ nổi lên là tự hại đạo nghiệp, hư mất công đức. Đức tính của Nhân, giữ giới và khổ hạnh không thể sánh bằng. Thực hành đức Nhân mới được mệnh danh là bậc thượng nhân có sức mạnh. Kẻ nào không thể tiếp nhận cái độc nhục mạ một cách hoan hỷ như uống nước cam lộ, kẻ ấy không thể được ca tụng là người nhập đạo có trí. Tại sao, vì giận dữ thì phá hủy hết thấy thiện pháp và danh tiếng đáng quý, hiện tại vị lai không ai muốn nhìn. Sự giận dữ hơn cả ngọn lửa ác liệt, vì thế mà các thầy phải đề phòng một cách

thường trực, đừng cho xâm nhập tâm trí. Giặc cướp công đức không chỉ hơn giận dữ. Thế gian hưởng thụ dục lạc, không phải là kẻ hành đạo, không có phương pháp để tự khống chế, thế nên giận dữ thì còn có thể tha thứ được. Còn người xuất gia hành đạo là kẻ loại bỏ dục vọng, vậy mà giận dữ thì thật bất đáng; không khác gì giữa bầu trời mây trong mát mà sấm sét lóe lửa là điều không thích hợp."

Lời Di Giáo của đấng Đạo Sư còn đó, còn khắc ghi rành rành trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, như chân lý muôn đời, và rực sáng minh nhiên như vầng thái dương giữa trưa trên bầu trời trong xanh không gợn mây. Chiêm nghiệm Lời Di Giáo ấy của Đức Phật giúp chúng ta nhận thức được rằng, dù sống ngay trong thời đức Phật còn tại thế hay cách Phật hàng ngàn năm sau, nếu người con Phật không tinh tấn tu tập giới-định-tuệ, không làm đúng Chánh Pháp, không sống trọn vẹn với bồ đề tâm, không thực hành hạnh nhẫn nhục, để cho ba nghiệp buông lung theo vọng tâm điên đảo vì danh lợi quyền thế, vì tư kỷ cố chấp, thì đó chính là nguồn gốc của mọi sự bất an và tha hóa từ bên trong và làm nấc thang cho ngoại nhân leo lên chà đạp, công kích, chê bai, nhục mạ Phật giáo.

Chính vì để xây dựng, củng cố và phát triển bản thể thanh tịnh hòa hợp của Tăng Già theo truyền thống mà Đức Phật dựng lập lúc còn tại thế, Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Minh Tâm cùng với chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng tại Châu Âu, Úc Đại Lợi—Tân Tây Lan, Hoa Kỳ và Canada vận động hình thành thành Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại và tổ chức Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần đầu tiên vào tháng 9 năm 2007 tại Chùa Pháp Vân, Canada. Cho đến nay, Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư đã tổ chức được 7 lần và luân lưu qua các châu lục.

Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư không phải là một tổ chức giáo hội, mà chỉ là một tập hợp của cộng đồng Tăng Già cùng nhau ngồi lại để tri ân và báo ân đức Phật và lịch đại tổ sư, để nhắc nhở





hàng Chúng Trung Tôn quay về với bản thể thanh tịnh hòa hợp của Tăng Bảo, với nguồn cội Chánh Pháp; để tạo cơ hội cho chư Tăng, Ni các thể hệ, không phân biệt hệ phái, giáo phái, giáo hội tụ họp trong tinh thần thanh tịnh hòa hợp cùng nhau trao đổi kinh nghiệm hành đạo, củng cố đạo tình, và làm chỗ nương tựa vững chắc cho tín tâm của quần chúng Phật tử các giới quy hướng trên đường tu học và phụng sự Phật Pháp.

Trước bao nhiêu biến thiên, giao động và khủng hoảng từ tâm thức, cơ chế đến hành hoạt trong nội bộ Phật Giáo cho đến cộng đồng xã hội bên ngoài hàng chục năm qua, Cộng Đồng Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại với hoạt động của Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư thật sự đã góp phần xứng đáng vào công cuộc phát huy bản thể thanh tịnh hòa hợp của Tăng Già, củng cố nội lực của Phật Giáo, xây dựng kiên định lập trường trước sau như một của truyền thống hai ngàn năm Phật Giáo Việt Nam, và dựng lập tín tâm của quần chúng Phật tử.

Kính thưa quý liệt vị,

Sự thật lịch sử trên hai mươi lăm thế kỷ truyền bá và tồn tại của Phật Giáo trên thế giới cho chúng ta nhận thức được rằng, bất cứ khi nào và bất cứ nơi nào mà Chánh Pháp và Giới Luật của Đức Thế Tôn còn được trân trọng truyền thừa và thực nghiệm nghiêm túc, thì khi đó và ở đó Phật Pháp còn tồn tại. Cũng trong ý nghĩa này, bất cứ khi nào và ở đâu mà Cộng Đồng Tăng Già còn giữ được bản thể thanh tịnh, còn tụ họp và giải tán trong tinh thần hòa hợp như Chánh Pháp thì lúc đó và ở đó hàng Trưởng Tử của Đức Như Lai còn xứng đáng được tôn kính là Tăng Bảo của thế gian.

Hôm nay, cộng đồng Tăng Già Việt Nam hải ngoại từ các châu lục vân tập về đây trong Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ 7 không ngoài mục đích thắp sáng bản thể thanh tịnh hòa hợp của Tăng Già để cùng nhau thực hành sứ mệnh thiêng liêng cao cả là hoằng dương Chánh Pháp góp phần xây dựng và phát triển con người và xã hội giữa thời đại nhiều nhương, thù hận, và pháp nhược ma cường.

Trong niềm tin đặt trọn vào mục đích cao quý ấy, thay mặt Ban Tổ Chức, chúng tôi xin tuyên bố khai mạc Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Lần Thứ 7.

Thành tâm kính chúc chư tôn Thiền Đức Tăng, Ni hoàn thành viên mãn đại nguyện "tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự;" đồng kính chúc quý liệt vị thân tâm thường an lạc, sở cầu như ý nguyện.

Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo tác đại chứng minh.

BẠN LỮ

*Này bạn lữ, con đường xa trước mặt
Những hàng cây chong mắt ngó liên hồi
Lòng hỡi dạ man man điều oan khuất
Người đưa người, làm lụi đơn côi.*

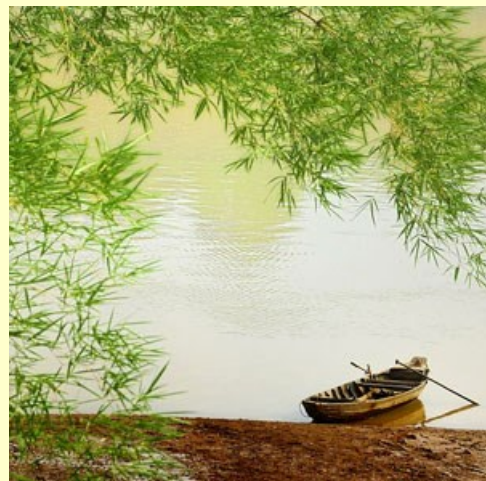
*Bạn lữ hê! trăng chưa sáng
Chén trà lãnh đẳng những màn sương
Lên đồi đón gió reo ngàn dặm
Tắm áo tỳ kheo bay cuối đường.*

*Bạt ngàn hoa đại miền biên địa
Sư ngòi thuyết pháp buổi tà dương
Xôn xao lưng núi mây huyền nghĩa
Lệ bỗng rơi theo những suối nguồn.*

*Thuyền nan từng chiếc trôi phiêu bạt
Bạn lữ chiều nay như lá vàng
Bồng đưng gieo xuống, rơi an lạc
Phút chốc phàm phu chứng niết bàn.*

*Sáng nay bạn lữ nghe chim hót
Ta bước lên đồi hong nắng chơi
Rừng cây một sớm tràn hương mật
Sinh tử chừng như cũng thành thời.*

LÝ THỪA NGHIỆP

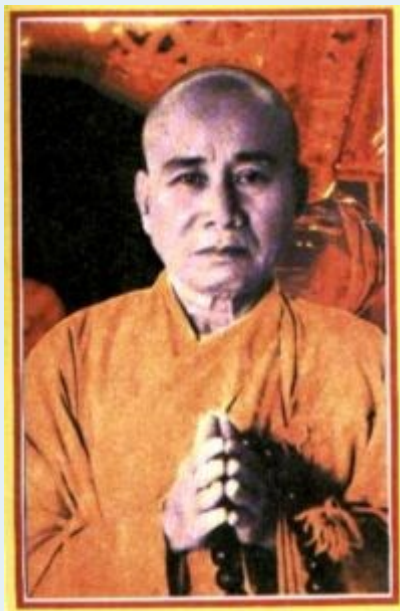


TƯỞNG NIỆM

CÔNG VIỆC TRƯỚC TÁC, PHIÊN DỊCH
CỦA TỔ KHÁNH ANH

TK. Thích Như Điển

(bài thuyết trình trong dịp Ngày Về Nguồn - Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ 7 tại chùa Cổ Lâm Seattle, Hoa Kỳ từ ngày 27 đến ngày 29.9.2013)



Như tất cả chúng ta đều biết Tổ Khánh Anh là người xuất thân từ Quảng Ngãi và từ những năm 1916, Ngài đã quy y Tam Bảo tại chùa Cảnh Tiên và năm 1917 lúc Ngài 22 tuổi đã xuất gia tu học tại chùa Quang Lộc tỉnh Quảng Ngãi với pháp danh là Chơn Quý. Ngài thuộc dòng Lâm Tế Chúc Thánh thuộc thế hệ truyền thừa thứ 7. Ngài sinh năm 1895 và viên tịch năm 1961.

Ngài nhớ có căn bản Hán học vững chắc trước khi đi

xuất gia; nên khi vào chùa ở tuổi 22, khi Ngài dạo qua những kinh điển bằng chữ Hán, với Ngài không khó lắm để hiểu những phần căn bản của giáo lý này. Đây là một lợi điểm của những vị đương thời. Vì thuở ấy những khoa thi bằng Hán văn của triều đình nhà Nguyễn vẫn chưa chấm dứt; nên Nho Học giữ một thể đứng quan trọng trong nhân gian thuở bấy giờ. Chúng ta cũng nên biết rằng năm Ngài xuất gia cũng là năm sắp chấm dứt chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918). Năm Ngài 30 tuổi (1925) sau khi thọ giới Tỷ Kheo và Bồ Tát, Ngài đã trở thành một vị giảng sư Phật Học nổi tiếng lúc đương thời.

Kể từ năm 1927 Ngài đã xuôi Nam và suốt trong những tháng năm còn lại của đời Ngài, Ngài đều trải qua những chức vụ như Trụ Trì tại các chùa Long An hay làm Pháp Sư giảng dạy Phật Pháp cho Tăng Ni cũng như Phật Tử tại các chùa Giác Hoa ở Bạc Liêu hay chùa Hiền Long ở Vĩnh Long. Nơi đâu Ngài trụ cũng như giảng dạy giáo lý Phật Đà, nơi đó có đông đảo chư Tăng Ni cũng như Phật Tử đến đánh lễ để cầu học giáo pháp thâm thâm vi diệu ấy.

Vào những năm 1935 Ngài đã hợp tác với cố Hòa Thượng Khánh Hòa, Hòa Thượng Huệ Quang, Hòa Thượng Pháp Hải v.v... để lãnh đạo Hội Lương Xuyên Phật Học đặt tại chùa Long Phước tỉnh Trà Vinh và Ngài cũng đã chính thức mở Phật Học Đường

ở đây để đào tạo Tăng tài, nhằm truyền trì mạng mạch Phật Pháp cho Tăng Ni cũng như cộng tác với tạp chí Duy Tâm, là cơ quan truyền bá đạo Phật của Hội. Chúng ta nên nhớ rằng thời gian này Nam Kỳ vẫn còn thuộc Pháp. Do vậy việc chủ trương đào tạo Tăng Ni, Phật Tử theo khuynh hướng của Đạo Phật không phải là chuyện đơn thuần. Tinh thần này có lẽ Ngài và Quý Tổ khác đã ảnh hưởng mạnh mẽ con đường cải cách Phật Học của Ngài Thái Hư Đại Sư bên Trung Hoa. Ngài Thái Hư chủ trương rằng: phải cách mạng Phật Giáo bằng ba tiêu điểm; đó là: Cách mạng Giáo Chết, Cách mạng Giáo Hội và Cách mạng Giáo Sản. Đây cũng là những tiêu đề mà Tôn Dật Tiên đã chủ trương cách mạng cho Trung Quốc vào năm Tân Hợi (1911). (lược bớt một đoạn - CP)

Từ đó chúng ta cũng có thể so sánh về con đường phát huy của Phật Giáo tại Trung Hoa cũng như Việt Nam chúng ta ở vào thời kỳ đầu và giữa của thế kỷ thứ 20 ấy. Tuy tinh thần cách mạng của Thái Hư Đại Sư cũng không thành công mấy tại Trung Hoa; nhất là sau khi Trung Hoa đã chính thức trở thành cộng sản vào năm 1949; thế nhưng tinh thần ấy đã có các vị Đại Sư như: Bạch Thánh, Ngô Minh, Tinh Vân, Thánh Nghiêm, Diễn Bồi, Tuyên Hóa.... kế thừa và Phật Giáo đã lan tỏa ra khắp Đông Tây ở các quốc gia vốn lâu nay chỉ có ảnh hưởng của Thiên Chúa Giáo. Ví dụ như Ngài Tuyên Hóa, Ngài Thánh Nghiêm, Ngài Tinh Vân ở Hoa Kỳ. Ngài Diễn Bồi ở Việt Nam, Tân Gia Ba. Ngài Ngô Minh, Ngài Bạch Thánh ở Đài Loan v.v... Tinh thần cách mạng duy tân ấy đã ảnh hưởng đến những phong trào chấn hưng Phật Học của Phật Giáo Việt Nam tại ba Kỳ gồm Bắc, Trung và Nam. Đây giống như một cơn địa chấn lớn, mà hậu chấn động ấy vẫn còn vang vọng cho đến ngày nay, dầu đã trải qua hơn 100 năm lịch sử truyền thừa. Nếu thuở ấy không xuất hiện những bậc danh Tăng như các Ngài vừa kể, thì ngày nay còn đâu để truy tán công đức của các Ngài nữa.

Thời buổi năm 1945 là thời kỳ chuẩn bị chấm dứt chiến tranh thế giới lần thứ hai. Trọng khi miền Bắc Việt Nam bị lâm vào trận đối năm Ất Dậu, khiến cho cả 2 triệu người chết đói vì chính sách cai trị hà khắc của người Nhật tại Việt Nam. Do vậy miền Nam cũng bị ảnh hưởng lây. Cho nên Tổ Khánh Anh đã về nhập thất tại chùa Phước Hậu ở Trà Ôn để tâm nghiên cứu Tam Tạng Thánh Điển. Trong cái rủi ro ấy lại có cái may này. Nếu không có những thì giờ nhập thất và nghiên cứu của Ngài thì ngày nay hậu bối chúng ta đã không có những tác phẩm như:

- Hoa Nghiêm nguyên nhân luận
- Nhị Khóa Hiệp Giải
- 25 bài thuyết pháp của Thái Hư Đại Sư
- Tại Gia cư sĩ luật
- Duy Thức triết học



- Quy Nguyên Trực Chỉ
- Khánh Anh văn sao (3 tập)

Ngày nay các học tăng vẫn còn sử dụng các quyển như: *Nhị Khóa Hiệp Giải*, *Quy Nguyên Trực Chỉ*, *Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận* để học hỏi tại các Phật Học Viện cũng như những Đại Học Phật Giáo.

Nhị Khóa Hiệp Giải chính là sở giải và chú thích rõ ràng từng câu, từng chữ, từng ý, từng lời của hai thời công phu khuya và công phu chiều. Đây được chú dịch từ nguyên bản chữ Hán nhan đề là: *Thiền Môn Nhật Tụng*. Tác phẩm này xuất xứ từ Trung Hoa trong những thế kỷ trước và ngày nay cũng đã được dịch ra tiếng Anh, tiếng Đức v.v... nhằm giới thiệu những bản văn tụng theo truyền thống Phật Giáo Đại Thừa Trung Hoa. Việt Nam chúng ta ảnh hưởng không nhỏ qua lối truyền thừa Phật Giáo từ xa xưa. Do vậy *Nhị Khóa Hiệp Giải* của Ngài Khánh Anh đã làm tỏa sáng niềm tin cũng như cách hành trì của những Tăng Ni Phật Tử thưở ấy và ngay cả ngày nay nữa.

Bên Trung Hoa, Ngài Thái Hư Đại Sư chủ trương người Cư Sĩ cũng phải có giới luật để tu tập. Cho nên Ngài mới cho soạn bộ *Ưu Bà Tắc* giới kinh. Tuy nói là *Ưu Bà Tắc*; nhưng thực tế trong ấy, kinh này đa phần chủ trương theo tinh thần Lục Độ Ba La Mật và Bồ Tát Giới. Căn cứ theo xưa thì người Cư Sĩ Tại Gia vẫn phải thọ Bồ Tát 10 giới trọng và 48 giới nhẹ; nhưng dựa theo tinh thần trong kinh *Ưu Bà Tắc* giới kinh này, Ngài Thái Hư Đại Sư đã tạo thành 6 giới trọng và 28 giới nhẹ để người Cư Sĩ tại gia dễ hành trì. Từ đó Việt Nam chúng ta cũng ảnh hưởng không ít trong vấn đề giới luật của người Cư Sĩ tại Gia trong hiện tại.

Hai mươi lăm bài thuyết pháp của Ngài Thái Hư Đại Sư bằng chữ Hán đã được Tổ Khánh Anh dịch ra tiếng Việt. Ngày nay chúng ta chưa bắt gặp được văn bản chính nào của những tư tưởng này. Tuy nhiên chúng tôi nghĩ rằng cũng không vượt ra khỏi tinh thần của cách mạng giáo chế, cách mạng Giáo Hội và cách mạng Giáo sản như Ngài đã chủ trương. Vì sao phải cách mạng? Vì lẽ cần phải thay đổi. Phật Giáo không thể đứng yên một chỗ để nhìn thấy giáo lý của Đức Phật ngày nay con người ứng dụng không còn đúng phép nữa. Tăng Ni phải có những quy định rõ ràng. Giáo Hội phải có tính cách pháp nhân, pháp lý và tài sản của Giáo Hội là tài sản chung của Đoàn Thể Tăng Già cũng như Phật Tử chứ không phải của riêng một vị Tăng hay Ni nào.

Quy Nguyên Trực Chỉ cũng là một bản văn bằng chữ Hán do Ngài Tông Bản (1020-1099) bên Trung Hoa biên soạn; nhưng đã được Tổ Khánh Anh phiên dịch, trước tác rõ ràng và đã trở thành một tác phẩm gối đầu giường cho những ai muốn nghiên tầm về triết lý tính không của Phật Giáo. Đây là một tác phẩm dựa trên căn bản của *Tánh Không*, của *Đại Trí Độ Luận* và của *Đại Thừa Khởi Tín Luận*. Là một tác phẩm rất quan trọng đối với người xuất gia cũng như tại gia.

Chỉ tiếc rằng 3 tập *Khánh Anh Văn Sao* ngày nay chưa thấy lưu hành. Nếu có được những tập biên khảo này của Tổ Khánh Anh để hậu thế học hỏi, trau dồi kinh nghiệm, thì quả là phước báu vô song.

Nếu cổ Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN (1964-1973) không có nhân duyên được Tổ Khánh Anh cho xuất gia vào năm 8 tuổi (1927) và được Tổ Khánh Anh



ban cho pháp danh là Như Quả, nối dòng pháp thứ 41 của Lâm Tế và thế hệ thứ 8 của Pháp Phái Chúc Thánh thì chắc rằng sự nghiệp biên dịch, trước tác, sáng tác không đồ sộ như ngày nay chúng ta có được. Đây chính là thành quả mà Tổ Khánh Anh đã trực tiếp khai tâm và hướng đạo cho cổ Hòa Thượng Thích Thiện Hoa lúc bấy giờ. Ngày nay ai đó trong hàng ngũ xuất gia hay tại gia, khi nghe đến danh hiệu của Ngài Thiện Hoa đều hiểu rõ; còn như nghe Pháp Hiệu của Tổ Khánh Anh; chúng ta thấy xa mờ; nhưng nếu không có những bóng mờ ẩn hiện trong thời buổi xa xưa ấy, thì chúng ta không có một bình minh lịch sử của Phật Giáo Việt Nam chúng ta tại Hải Ngoại cũng như Quốc nội như ngày hôm nay. Trong *Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận* Ngài cũng đã chỉ rõ ra rằng: Nếu cái này không thì cái kia cũng sẽ không và nếu cái này có thì cái kia sẽ có. Không không, có có ấy là một chuỗi nhân duyên dài nối kết lại với nhau, mà Phật Giáo không đi ra ngoài những định luật của sự tồn tại cũng như quy ẩn ấy.

Người xưa thường nói: "Nhìn con cái thì sẽ biết cha mẹ như thế nào." Ngày nay chúng ta nhìn vào lịch sử cận đại với những Ngài Thiện Hoa, Trí Tịnh, Thiện Hòa, v.v... chúng ta không thể không vinh danh vị Tổ Sư Khánh Anh. Vì lẽ nếu không có Ngài Khánh Anh vào Nam từ những năm 1927 ấy, thì Phật Giáo Miền Nam cũng thiếu đi những bậc chân tu thực đức, mà ngày nay sử sách vẫn còn ghi. Từ tên gọi ấy những ngôi chùa rải rác đó đây trên quê hương đất Việt hay tại Hải Ngoại ngày nay đa phần lấy Đạo Hiệu Khánh Anh của Ngài để đặt tên cho ngôi chùa của mình trụ trì, nhằm xiển dương giáo pháp nhiệm màu của Đấng Như Lai. Trong đó có ngôi chùa Khánh Anh tại Evry Pháp Quốc, do cổ Hòa Thượng Thích Minh Tâm thành lập, cũng không thua kém gì những ngôi phạm vũ huy hoàng của Trung Hoa hay Nhật Bản tại Hải Ngoại ngày nay.

Xin chấp tay nguyện cầu cho giáo pháp của Đức Như Lai luôn bền vững trên quả địa cầu này. Vì chư Phật cũng thường hay dạy rằng: "Kẻ nào hiểu được Pháp, kẻ đó sẽ hiểu Phật và kẻ nào hiểu Phật. Kẻ ấy sẽ hiểu được Pháp."

Kính nguyện Quý Ngài pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ và Phật sự dễ thành.

(Tu Viện Viên Đức Ravensburg Đức Quốc
ngày 4 tháng 9 năm 2013)

Tỳ Kheo Thích Như Điển

Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc.

TƯỜNG NIỆM

LỜI TƯỜNG NIỆM CUỐI

Điều ngự tử Tín Nghĩa

Một giờ sáng, ngày 08 tháng 8 năm 2013, nhằm ngày mồng ba tháng bảy năm Quý Tỵ, Hòa thượng Thích Tánh Thiết, Viện chủ chùa Thiện Minh, tại Lyon, Pháp quốc gọi điện thoại báo tin là Hòa thượng Minh Tâm vừa viên tịch tại bệnh viện ở Phần Lan. Tôi mắt nhắm mắt mở cầm điện thoại hỏi: "Sao vậy?" Chưa nói được gì cả, Hòa thượng Tánh Thiết đã gác máy. Định cầm phone gọi lại thì Hòa thượng Trưởng lão Thích Thắng Hoan gọi vào, ngài bảo hay tin gì chưa? Tôi trả lời: "Dạ có nghe thầy Tánh Thiết cho hay là Hòa thượng Minh Tâm viên tịch." Tôi thưa tiếp: "Hòa thượng có qua dạy Khóa tu học Âu châu kỳ 25 này há!" Hòa thượng bảo: "Có."

Tôi thưa:

"Có nhìn thấy hình ảnh, nhưng không được rõ, nên chưa nắm phần chắc chắn."

Tôi lại tiếp:

"Khi nào Hòa thượng về San Diego, chứng minh Khóa tu học Bắc Mỹ kỳ này?"

Hòa thượng bảo:

"Sáng mai, tức là sáng thứ năm, lúc 10 giờ 30 sáng sẽ có mặt, còn khoảng bảy tiếng đồng hồ nữa, thì tôi sẽ có mặt ở sân bay đúng 8 giờ."

"Tín Nghĩa thì 5 giờ chiều mới có mặt. Có chi rồi Đại chúng và Giáo hội sẽ bàn tính. Từ Âu châu mới về, bây giờ Hòa thượng nghỉ cho khỏe, sáng sớm còn đi tiếp thì mệt lắm."

"Vâng, ngày mai sẽ gặp nhau."

Kể từ giờ phút nhận được hung tin đau buồn đó từ hai Hòa thượng, thể là nước mắt của tôi cứ ràn rụa chảy dài trên gò má, không chịu dừng.

Tôi không tài nào nhắm mắt, vừa ngồi dậy, thì thầy Giác Tín từ Úc gọi qua, cũng hung tin tương tự. Tôi trả lời với thầy là ôn đã biết rồi. Thầy gác máy. Tôi vội gõ cửa gọi Ni sư Hạnh Thanh dậy, bảo:

"Con coi tìm vé cho thầy đi Pháp, Ôn Minh Tâm viên tịch rồi. Tội quá!"

Cô thưa:

"Thầy đi ngủ đi, mai còn phải về lo Khóa tu học Bắc Mỹ, ở nhà

con tìm, nhưng phải chiều Chủ nhật mới đi được, vì thứ Bảy, ngày 10 là chùa mình lo Vu Lan. Và lại, qua điện thoại con nghe là nhục thân của Ôn cũng chưa về tới Pháp. Thầy gọi cho chùa Giác Hoa, bảo họ tìm và thỉnh một vị nào đó thế để lo lễ Vu Lan lần này đi. Chắc họ cũng thông cảm."

Tôi nghe cô nói vậy, tuy yên tâm, nhưng lòng mãi thổn thức không yên, cứ mãi nghĩ về Hòa thượng Thích Minh Tâm. Vì Hòa thượng và tôi từ khi quen biết nhau ở hải ngoại cho đến nay cũng gần 40 năm, có rất nhiều tâm đắc trên bước đường hoằng truyền Phật pháp, dù là hai châu lục khác nhau.

1.- Cùng lên ngôi vị Thượng tọa:

Đại giới Đàn Thiện Hòa do cố Hòa thượng Thích Đức Niệm, Giám đốc Phật Học Viện Quốc Tế tổ chức tại bốn viện; đây là Đại giới đàn đầu tiên, có tầm cỡ của một Đại giới đàn. Quy tụ hầu hết chư tôn đức khắp nơi về tham dự cũng như đảm nhiệm trọng trách trong giới đàn để trao truyền giới pháp cho Tăng ni Giới tử.

Trong Đại giới đàn này, Năm vị Đại đức được tấn phong lên ngôi vị Thượng tọa, đó là:

1. Đại đức Thích Minh Tâm (Pháp quốc)
2. Đại đức Thích Nguyên Đạt (Hoa Kỳ)
3. Đại đức Thích Thiện Trì (Hoa Kỳ)
4. Đại đức Thích Bảo Lạc (Úc Đại Lợi)
5. Đại đức Thích Tín Nghĩa (Hoa Kỳ).

Ba vị Tân thượng tọa cùng chung lòng, chung sức và tương đắc với nhau là: Thượng tọa Thích Minh Tâm, Thượng tọa Thích Bảo Lạc và Thượng tọa Thích Tín Nghĩa, nay đều là ngôi vị Hòa thượng và đảm nhận trọng nhiệm của giáo hội trong ba Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất của ba châu lục; lại là luân phiên nhau với trách



nhiệm Chánh văn Phòng Điều Hợp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu.

Hai ngài Minh Tâm và Bảo Lạc đã hoàn tất nhiệm vụ trong bốn năm vừa rồi. Hòa thượng Minh Tâm, nhiệm kỳ đầu tiên, xong nhiệm vụ ngài quấy gót đăng trình về cõi Phật trong mùa Vu lan, Quý tỵ 2013 này, để lại bao nhiêu thương tiếc trong lòng chư Tôn đức và hàng Phật tử bốn phương. Tang lễ của Hòa thượng vô cùng trọng thể có một không hai ở hải ngoại. Chưa có một tang lễ nào mà chính phủ sở tại đã công cử trên 120 vị cảnh sát, giữ gìn trật tự và an ninh từ chùa Khánh Anh Mới đến nơi làm lễ Trà tỳ. Và, chư Tôn đức Tăng ni trong hàng Giáo phẩm trong bốn Giáo hội cùng về chung lo tang lễ đồng đức như thế. Có lẽ đây là phước báo của Hòa thượng Minh Tâm đã dày công tu niệm, giới đức nghiêm minh và hạnh nguyện độ sanh. Điều đáng cho chúng ta chú ý: Có hai vị, một ở Mỹ, là Hòa thượng Thích Trí Chơn, chuyên xử dụng xe Bus để du hóa độ sanh, nên Tăng ni cũng như Phật tử thường gọi ngài là Hòa thượng xe Bus; hai ở Pháp, Hòa thượng Thích Minh Tâm, không một cuối tuần nào mà không đến các quốc gia lân cận của Âu châu, hoặc ngay trong nước Pháp để giảng dạy Phật pháp hoặc chứng minh đại lễ cho các chùa và hội Phật giáo, dù chùa hay hội Phật giáo ấy vẫn có chư Tăng hay Ni thường trú. Ngài thường dùng máy bay để đi lại, nên hàng xuất gia cũng như tại gia của châu lục này gọi ngài là Hòa thượng máy bay. Cả hai vị đều có bệnh, nhưng không thể hiện là thân bệnh để mọi người lo lắng. Khi công thành thì thân thoái theo nghĩa của thế gian, nhưng đối với Phật Pháp, công viên quả mãn thì xả báo thân, đi vào cõi tịch diệt Vô dư Niết bàn,

không vương bận. Hai Ngài đều có tiếng nói cuối cùng là:

Hòa thượng Thích Trí Chơn, trước khi hầu Phật, sai đồ chúng nhờ Hòa thượng Nguyên Trí chở lên thăm Phật Học Viện; đồng thời, nói với chúng tôi rằng: "Tôi muốn khi thầy về giỗ Hòa thượng Đức Niệm, phải xuống Bát Nhã gặp tôi, tôi có mấy lời cần nói với riêng thầy".

Tôi thưa:

"Hòa thượng yên tâm. Tín Nghĩa đã lấy về rồi. Khi về tới Santa Ana, thì vào gặp Hòa thượng liền."

Ngài còn dặn thêm: "Nhớ nghe, tôi muốn gặp thầy." Nói xong trao điện thoại cho thầy Quảng Định. Và, đó cũng là tiếng nói sau cùng tôi được hầu chuyện cùng ngài. Về tới Bát Nhã không lâu, thì Hòa thượng Nguyên Siêu và Hòa thượng Nguyên Trí cùng gọi điện thoại cho tôi hay là ngài đã xả báo thân.

Hòa thượng Thích Minh Tâm, cũng ban Đạo từ, phát chứng chỉ cho Học viên của khóa tu, rồi nhập viện. Ngài ngồi trên giường và nói với Thượng tọa Pháp Quang:

"Phật pháp nhiệm mầu."

Ngài nói ba lần như thế không lâu, rồi cũng từ từ xả báo thân sau đó.

Trong bài viết: "Những ngày cuối cùng bên Sư Ông", của Đại đức Pháp Quang, ở Đan mạch, có đoạn thuật lại như sau:

.... "Khuya nay, sau thời tĩnh lặng ngắn ngủi này, Ngài rất thông thả, rất từ tốn, rất nhẹ nhàng, Ngài nói nhỏ nhỏ, nhưng rất rõ ràng: **Phật Pháp Nhiệm Mầu**. Rồi chỉ với cánh tay phải, Ngài đưa lên chậm rãi, xả xuống một lần, cùng một lần cúi đầu. Rồi tiếp tục lần thứ hai, Ngài vẫn nói: **Phật Pháp Nhiệm Mầu**. Cũng một lần xả, một lần cúi đầu nữa. Sau cùng lần thứ ba vẫn vậy: **Phật Pháp Nhiệm Mầu**. Lại thêm lần nữa cánh tay phải gầy guộc xả xuống, và một lần cúi đầu cuối cùng. Nhìn Ngài lúc này, thấy tất cả sự thành tâm, sự trang nghiêm. Có điều gì thật thiêng liêng khi Ngài cầu nguyện với Phật, mà ngôn từ hạn hẹp của tôi không thể diễn tả nổi được." ...

2.- Cùng chung lý tưởng Ngày Về Nguồn:

Mặc dầu, danh xưng Ngày Về Nguồn đã có từ lâu và cũng đã được Đức Đệ nhất Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất giảng dạy qua Thông

Điệp Về Nguồn năm Tân Hợi, Phật lịch 2514, dương lịch 1971, với lời mở đầu, Ngài dạy:

... "Kính gởi chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni cùng toàn thể Phật tử và Đồng bào trong và ngoài nước.

Trước Anh linh tổ quốc và Khí thiêng sông núi.

Trước bàn thờ Phật, và khởi từ lòng người thanh tịnh trong cảnh đầu xuân, tôi cầu nguyện cho mọi người một năm mới an lành, và hòa bình sớm được thực hiện trên đất nước chúng ta...

... Một Dân tộc đã được tự chủ, vượt thoát mọi cuộc đồng hóa, ... thì trong hiện tại và tương lai, chúng ta quyết không bao giờ phá vỡ, đi ngược lại truyền thống và đường hướng Về Nguồn và Khởi Đi Từ Nguồn cao đẹp ấy.

Ý Thức Về Nguồn, nếu được mọi người chấp nhận, đó mới là căn bản chính thức của sự Hóa Giải chiến tranh, Hóa Giải hận thù, đem lại nguồn thương yêu và hòa bình dài lâu cho dân tộc ta.

... tôi cầu chúc cho mọi người thành đạt nơi ý thức Về Nguồn ấy."

Sài Gòn năm Tân Hợi, Phật lịch 2514, dương lịch 1971. -

Ấn ký Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết.

Năm Giáp thân - 2004, tại chùa Cổ Lâm, Seattle, WA. (có sự tham dự của Thượng tọa Tâm Hòa, chùa Pháp Vân, Canada, Thượng tọa Nhật Trí, chùa Pháp Vũ, Orlando, FL. và quý Thầy, Cô không thuộc môn phái hiện đang hành hoạt tại Seattle, WA và vùng phụ cận), các vị Thượng tọa Tín Nghĩa, Nguyên An, Ni sư Nguyên Thanh và Sư cô Tịnh Thường được tấn phong theo phương vị; đồng thời, suy tôn Hòa thượng Thích Minh Tâm lên ngôi vị Trưởng môn phái Pháp phái Liễu Quán, thay thế Cổ Hòa thượng Đức Niệm. Và từ đó, Hòa thượng Minh Tâm không những chỉ là Trưởng môn phái Liễu Quán tại Hoa kỳ mà cả hải ngoại nữa. Cũng từ lần Giỗ Tổ Liễu Quán năm thứ tư đó, Hòa thượng Minh Tâm chính thức gắn bó với môn phái trong ngày Giỗ Tổ nhiều hơn, mặc dầu Hòa thượng trú xứ từ Pháp quốc. Cũng trong lần Giỗ Tổ này, chúng tôi đã nghỉ ngay đến một ngày Giỗ Tổ Chung của chư Tổ của các môn



phái thật rộng rãi, để chư Tăng có dịp gặp gỡ nhau. Đồng thời, thỉnh Ngài vào ngôi vị Trưởng ban Điều hợp Tăng ni Hải ngoại.

Cuối năm Bính tuất - đầu năm 2007 dương lịch, tại Phật học viện Quốc tế, sau lần Giỗ Tổ ở chùa Cổ Lâm, Seattle (Người miền Trung thường gọi là Kỵ tổ), quý Hòa thượng Minh Tâm, Trí Chơn và Nguyên Lai cùng môn phái họp lại (lần này rất đông chư Tăng trong và ngoại môn phái Liễu Quán, có chư Tăng từ Canada tham dự nữa; đồng thời Thượng tọa Thích Nguyên Trí được tấn phong lên ngôi vị Hòa thượng). Tất cả đồng thanh tìm một phương thức mới để chư Tăng có dịp gặp gỡ nhau, sách tấn nhau trên bước đường tu tập và làm Phật sự ở một xứ văn minh, rộng rãi, mặc dù hằng năm có An cư Kết hạ, nhưng không có chư Tăng từ các châu lục. Đại chúng đồng thanh chọn danh xưng là "**Ngày Về Nguồn**" và Thượng tọa Thích Tâm Hòa, Trụ trì chùa Pháp Vân, Canada được Đại Tăng cung thỉnh làm Trưởng ban Tổ chức đầu tiên.

Tháng 9 năm 2007, tại chùa Pháp Vân, Canada, chính thức tổ chức "**Ngày Về Nguồn lần I**." Nhờ uy tín và sự khéo léo cũng như sự thương thương của chư Tăng Ni, nên Ngày Về Nguồn đầu tiên này đã quy tụ hầu hết chư Tăng Ni ở Canada, còn có chư Tăng Ni khắp cả các châu lục là 96 vị, ngoại trừ Á châu không có vị nào tham dự. Kết quả thành công mỹ mãn trong tinh thần lục hòa, đạo vị. Nhưng cũng chính lần này, không những

chỉ Thượng tọa Tâm Hòa, chùa Pháp Vân mà tất cả chư Tăng ni Phật tử có tham dự Ngày Về Nguồn đều bị bóp méo, xuyên tạc ác ý một cách thậm tệ. Chẳng qua là trước sự gần bó của Tăng đoàn khắp năm châu bốn bể mà những thế lực xấu-ác đã ra sức ngăn cản, dùng biện pháp hành chánh và truyền thông để cố làm vô hiệu hóa sự sinh hoạt của Ngày Về Nguồn hằng năm.

3.- Tinh thần hướng dẫn Phật pháp và xây dựng tuổi trẻ học Phật:

Tuy bản thân chúng tôi (Tín Nghĩa), vì bận Phật sự tại địa phương, phần hoàn cảnh chùa chiền đơn chiếc, nên chỉ tham dự hướng dẫn được hai khóa Phật pháp Âu châu mà thôi. Thành thạo cũng có qua chứng minh thuyết giảng những Đại lễ lớn, nhưng đa phần là tại chùa Thiện Minh, Lyon. Tuy nhiên, dù ở Lyon, Đức, Đan Mạch, Na Uy hay Bỉ đều có gặp nhau ít nhất là hai hoặc ba ngày. Trước khi trở lại Hoa kỳ, thì chúng tôi lưu trú tại chùa Khánh Anh cũ, số 14 đường Henri Barbusse, Bagneux, gần Paris. Mỗi lần như thế, chính chúng tôi có dịp trao đổi và học hỏi thêm những kinh nghiệm ở nơi Hòa thượng Minh Tâm rất nhiều. Vì Ngài là lớp đàn anh lớn, du học ở Nhật sớm, làm việc ở quê nhà cũng như hải ngoại lâu năm; có cơ duyên tiếp cận với những giới chức có uy tín ở xứ người. Đặc biệt là Âu châu, Liên Hiệp Quốc, v.v... Và, không khi nào Hòa thượng đến Hoa kỳ mà chúng tôi lại không gặp nhau. Tuần nào cũng gọi phone qua thăm hỏi sức khỏe, trước hoặc sau khi đi thuyết pháp về. Trước thời gian Khóa Phật pháp Âu châu khai giảng độ ba ngày, chúng tôi gọi phone và vui với Hòa thượng qua điện thoại.

Tôi thưa:

"Chà, chuyến này Hoa kỳ qua ba vị Hòa thượng cao cấp, ngon lành quá. Thưa Hòa thượng, có một vị Hòa thượng tân quốc tịch (tức là tân công dân Mỹ) gần hai tháng, nên vui về dẫn phái đoàn khá đông cùng đi tham dự Khóa tu hơi sớm và dài ngày hơn."

Hòa thượng Minh Tâm cười qua điện thoại và nói thêm:

"Hoa kỳ và Âu châu như môi với răng. Môi hở thì răng lạnh. Nhiệm màu của Phật pháp là vậy."



Hai chúng tôi đồng cười trong điện thoại rồi cùng gác máy. Đó là âm ba cuối cùng hòa âm thanh nhờ điện thoại qua một khoảng không gian gần 9 tiếng đồng hồ ngồi máy bay kể từ thành phố Dallas đến Paris.

Ngài và chúng tôi có cùng chí hướng là làm thế nào để:

Chánh pháp được thấm sâu vào tuổi trẻ hải ngoại. Nguyên chưa thành thì Ngài lại quấy gót đăng trình. Đi xa, và xa lắm. Chúng tôi ở lại với muôn vạn khó khăn.

Hôm nay, Ngày Về Nguồn VII, toàn thể chư Tôn đức Tăng ni của bốn Giáo hội, cùng hàng ngàn Phật tử quy tụ về chùa Cổ Lâm để gặp nhau, san sẻ cho nhau những kinh nghiệm hoằng dương Phật pháp với những điều thuận nghịch ở xứ người. Thông thường trong giờ Khai mạc, ngoài những lời tâm tình của vị Trưởng ban tổ chức; kế đó, là Diễn văn Khai mạc của Hòa thượng Trưởng ban Điều hành Tăng ni Hải ngoại là Ngài. Hôm nay lại khác thường. Một bầu không khí trầm buồn và chính sau lễ Khai mạc chính thức lại là Lễ cúng Chung thất cho chính Ngài. Những giây phút trầm lặng và thấm buồn hôm nay, làm cho chúng tôi nhớ lại ngày Đức Phật còn tại thế, cũng trong ngày Lễ Tự tứ, chúng Tăng thọ tuệ, thì đức Thế Tôn dạy:

"...Hôm nay, trong ngày lễ trọng đại này, Thế tôn thấy bầu không khí trống vắng, vì Xá Lợi Phất không còn hiện hữu với

chúng ta nữa..."

Cũng thế, hôm nay vào các ngày 27, 28 và 29 tháng 09 năm 2013, Ngày Về Nguồn VII và Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư, được trang trọng tổ chức tại chùa Cổ Lâm, thành phố Seattle, tiểu bang Washington, chư Tôn đức Tăng ni từ các Châu lục quy tụ về 140 vị lại thiếu hẳn hình ảnh sống động của một vị Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Hải Ngoại, đó là Thầy. Tất cả đứng trước hình ảnh bất động của Thầy để làm lễ Chung Thất, cúng Thầy để tưởng niệm ngày Thầy quấy gót đăng trình về cảnh giới của Phật. Tất cả Đại chúng biết vậy mà không thể không bàng hoàng, xúc động.

Tín Nghĩa kính viết lên đôi dòng gọi là lời cuối kể từ đây không được cùng Thầy đồng hành trong mọi Phật sự. Kính mong Thầy chúng giám và gia hộ cho toàn thể Tăng ni hiện đang hành hoạt tại hải ngoại đồng mãnh tinh tiến trên bước đường vân du hóa độ.

Kính bái biệt Hòa thượng.

Nam Mô Tiếp dẫn Đạo sư A Di Đà Phật, phóng quang tiếp độ: Từ Lâm Tế Chánh Tông tứ thập tứ thế, Chủ tịch Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, Khai sơn Khánh Anh tự Đường thượng hựu thượng Nguyên hạ Cảnh, tự Minh Tâm Giác linh Hòa thượng, liên tọa chứng minh.

Hoa Kỳ, Mạnh thu Quý tỵ - 2013
Pháp đệ Điều ngự tử Tín Nghĩa



VỀ NGUỒN

Như nước trăm sông đổ đại dương
Hàng trăm tu sỹ khắp bốn phương
Tụ đến Cổ Lâm, đồng tham dự
Hiệp Kỳ Tổ Sư - Ngày Về Nguồn.

Quyên tảo trầm hương Phật chứng minh
Thành tâm đánh lễ chư Giác Linh
Lịch đại Tổ Sư truyền Chánh Pháp
Kết nối thừa đương suốt hành trình.

Bồ Tát Quảng Đức - Lửa Từ Bi
Thắp sáng niềm tin, sáng lương tri
Trái Tim Bất Diệt trang sử Phật
Trong tâm hậu học mãi khắc ghi.

Chấn Hưng Phật Pháp, Tổ Khánh Anh
Học đường Phật Pháp ở Lưỡng Xuyên
Chuyên tu, giảng dạy dịch Kinh Điển
Tuệ Giác sáng soi khắp ba miền.

Hòa Thượng Trí Thủ Chùa Già Lam
Tình thương ban rải thật vô vàn
Đứng mũi chịu sào bao sóng gió
Khuyến tấn chư Tăng hướng “Về Nguồn”

Đệ Tam Tăng Thống vẫn hoài mong
Gửi bức tâm thư tỏ nỗi lòng
Tăng Ni hải ngoại nên ngôi lại
Tương kính bên nhau, giải tâm đồng.

Đệ Tứ Tăng Thống Thích Huyền Quang
Chịu bao thử thách với gian nan
Cả đời lao lý cho công lý
Thông điệp ân tình đọng chứa chan.

Ngài Thích Thiện Minh suốt đời mình
Sá gì bạo lực, chịu hi sinh
Giữ đúng tinh thần cho Phật Giáo
Đắp bồi Đạo Pháp được xương minh.

Hòa Thượng Minh Tâm đã ra đi
Gương sáng còn treo trước Tăng Ni
Trải khắp bốn phương xây mỗi Đạo
Kết tinh nguyện lực với Từ Bi.
Cùng nhau ôn lại gương Tổ Sư

Đôi diện ma quân, dạ nhất như
Hi hiển dần thân vì sanh chúng
Hành trạng người xưa sáng thiên thu.

Cùng nhau bái Sám buổi ban mai
Câu Tăng chỉ giáo những chỗ sai
Tịnh hóa thân tâm đồng tu tiến
Trợ thủ công phu, ngọc dồi mài.

Cùng nhau tản bộ với uống trà
Bao nhiêu năm tháng đã cách xa
Phước lành gồm đủ, duyên hội ngộ
Về lại nơi đây Ta với Ta

Bảy Pháp bát thời Phật truyền ban
Dựng xây đoàn thể được vững vàng
Lục Hòa chia sẻ tình huynh đệ
Hội họp ra về thấy hân hoan.

Hồi người cùng tử giữa trần gian
Quanh quần đường xa, mãi lạc đàng
Quay đầu trở lại quê hương cũ
Nói lại tình xưa, gặp họ hàng.

Uống nước thì Ta phải nhớ nguồn
Quán niệm hàng ngày Từ Trọng Ân
Sống cho phải Đạo tròn sau trước
Tiếp dòng sinh mệnh của Tăng Thân.

Gia Phong Phật Tổ thật huy hoàng
Xuất Trần Thượng Sỹ sáng thế gian
Ôn cố tri tân thêm năng lực
Hoàn thành sứ mạng vốn cưu mang.

Đường xưa mây trắng, dấu Như Lai
Thử thách gian nan, gắng miệt mài
Trần thế thị phi, Ma Vương nhiều
Sơ tâm cầu Đạo chẳng đơn sai.
Rời mai hành giả mỗi nẻo đường
Kỷ niệm hôm nay góp tư lương
Ta vẫn gặp nhau trong chí hướng
Cho đời hạnh phúc với yêu thương.

Cảm tác trong Ngày Về Nguồn 28/09/2013
Chùa Cổ Lâm, Seattle, Washington, PL 2557

THÍCH MINH TUỆ

**LỄ KHAI MẠC NGÀY VỀ NGUỒN - HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ LẦN THỨ VII
NGÀY 28.9.2013 TẠI CHÙA CỔ LÂM, SEATTLE, TIỂU BANG WASHINGTON**



**LỄ CHUNG THẤT CỐ HT. THÍCH CHÍ TÍN, CỐ HT. THÍCH MINH TÂM TRONG
LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ LẦN VII TẠI CHÙA CỔ LÂM, SEATTLE, 30.9.2013**



TƯỞNG NIỆM

THẦY TRỤ TRÌ CHÙA TỈNH HỘI LONG SƠN, THÀNH PHỐ BIỂN NHA TRANG

Thích Tâm Hạnh

Được sự chấp thuận của Hòa Thượng Đồng Minh, tôi xuất gia tại Phật học Viện Hải Đức Nha Trang và làm đệ tử của Hòa Thượng Trùng San - Hải Tuệ. Từ đó, cuộc đời học tăng của tôi dưới sự nuôi dưỡng và dạy bảo của Hòa Thượng Trùng San nhưng quá trình học hành ở các Phật học Viện lại do Hòa Thượng Đồng Minh quyết định và hướng dẫn. Trước khi về với Phật, Hòa Thượng Trùng San giao tôi lại cho Hòa Thượng Đồng Minh và Ngài trở thành vị Hòa thượng thứ hai của tôi. Tại chùa Long Sơn, Nha Trang, suốt gần hai mươi năm, trong khi tôi được thân cận, học hỏi và phụ tá Hòa thượng Đồng Minh với công tác điều phối, phiên dịch và chứng nghĩa Đại Tạng Kinh Việt Nam do Thầy Tịnh Hạnh bảo trợ và Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam do các vị cư sĩ ở Mỹ bảo trợ thì Hòa Thượng Trụ trì Thích Chí Tín đã nuôi dưỡng, chăm sóc tôi như một người mẹ.

Khi tôi cư trú ở chùa Long sơn, Nha Trang, Thầy Trụ trì đã

trang bị cho tôi tất cả những gì cần thiết trong sinh hoạt hằng ngày của một tu sĩ. Cứ vài hôm, Thầy lên phòng, thấy tôi cần gì, Thầy liền tự mua hay cho người mua đem lên. Trong thời gian tôi đi dạy ở các trường Cơ bản Phật học, rồi vào dạy phiên dịch ở Pháp Bảo, Thủ Đức của Thầy Tịnh Hạnh; dạy Luật ở Viên Giác và Trường Cao cấp giảng sư ở Saigon; làm việc và giảng dạy ở Viện Nghiên cứu Vạn Hạnh Saigon, thì hầu như những chi phí sinh hoạt đều do Thầy trụ Trì giúp đỡ. Mỗi lần tôi xuống chào Thầy để đi vào Saigon làm việc là Thầy dúi vào túi xách tôi một nắm tiền. Thầy cho tiền nhưng không đếm. Không chỉ riêng tôi mà tất cả tăng ni nào đi học, đến chào là được Thầy hỗ trợ. Có những buổi trưa nắng, khi tôi đang làm việc, dịch thuật, Thầy mang lên cho tôi một ly nước chanh hay một bình chè Huế tươi do chính Thầy làm. Tôi rất ngại ngùng và lo lắng vì mình chỉ là học trò của Thầy. Thấy tôi không

dám nhận, Thầy cười bảo: "Mỗi người làm một việc. Các thầy dịch kinh sách, tôi không làm được thì làm nước chanh, nấu nước chè cho các thầy uống." Nghe Thầy dạy như vậy, chúng tôi chỉ còn biết y giáo phụng hành. Bây giờ, nhớ đến những chuyện này, nước mắt tôi chực trào ra. Mỗi khi tôi gặp phải chuyện buồn, trở ngại, Thầy không dạy tôi bằng kinh điển, sách vở mà kể cho tôi nghe những kinh nghiệm trong đời của Thầy, giúp tôi vượt qua những giai đoạn khó khăn nhất của đời mình. Hằng ngày, sau bữa cơm chiều, tôi lại được ngồi bên cạnh bóng mát của Thầy, nghe Thầy kể chuyện. Thầy là người mẹ hiền của tôi dù Thầy là một vị trưởng lão đáng kính và cũng là bốn sư truyền giới của cha tôi.

Được sống trong các truyền thống Phật giáo khác nhau ở Việt nam và các nước khác, tôi may mắn gặp và thân cận nhiều vị cao tăng nhưng ngoài hai Thầy Hòa thượng của tôi ra, thầy Trụ trì chùa Long Sơn đã dạy cho tôi rất nhiều bài học không bằng kinh điển mà bằng chính đời sống rất đặc biệt của Ngài, đời sống của bậc Đại sĩ vượt trên khuôn mẫu hình thức của đời thường. Ngài rất bình dị, chưa bao giờ tôi nghe Ngài xưng hay viết về mình bằng hai chữ hòa thượng mà chỉ viết "Chí Tín." Có rất nhiều phật tử đến chùa tìm hòa thượng trụ trì nhưng khi gặp Ngài, họ tưởng là ông già làm công quả vì sự đơn giản của Ngài. "Thưa bác, cho chúng tôi gặp thầy trụ trì." Khách hỏi. Sau khi mời họ uống nước, Ngài nói: "Các bác cần gì, tôi sẽ thưa với thầy trụ trì."

Khi ở chùa Long Sơn, chúng tôi không nghe các vị trưởng lão dùng từ Hòa Thượng xưng hô với nhau mà chỉ nghe khi giới thiệu trong buổi lễ nào đó. Chúng tôi cũng không gọi quý Ngài ở chùa Long sơn là Hòa Thượng mà chỉ gọi là Thầy dù trực tiếp hay gián tiếp như Thầy Trụ Trì, Thầy Đồng Minh, thầy Thiện Bình, v.v.... Tất



nhiên, chúng tôi và các phật tử sẽ bị quý Ngài rầy khi chúng tôi gọi quý Ngài là “Hòa thượng” trong sinh hoạt hằng ngày. Có lần, một vị khách tăng đến chào Ngài Đồng Minh và gọi Ngài là hòa thượng; Ngài Đồng Minh ngăn lại và bảo với họ, gọi là “thầy” với nhau được rồi. Tôi chưa bao giờ nghe quý thầy, quý chú trong chùa kể cả phật tử gọi Ngài Trụ Trì hay Ngài Đồng Minh là “Hòa Thượng” mà chỉ thưa “Thầy.”

Có lần, tôi hỏi về từ ngữ “hòa thượng,” Ngài Luật sư Đồng Minh giảng giải, có hai hạng hòa thượng là “hòa thượng từng lâm” và “hòa thượng hành chính.”

Hòa thượng từng lâm là gọi theo giới phẩm, theo luật để gọi một vị tỳ kheo đủ mười hạ, không phạm giới trọng, nguyên vẹn bản thân tỳ kheo, thông suốt luật tăng và ni và một số tiêu chuẩn khác; vị này được làm hòa thượng truyền giới sa-di hay tỳ kheo cho vị khác. Từ “Hòa Thượng” chỉ dùng trong giới đàn, không dùng ở ngoài. Như vậy, có khi một vị tỳ kheo là hòa thượng của sa-di hay tỳ kheo này mà không phải là hòa thượng của vị khác.

Hòa thượng hành chính hay giáo phẩm là trong một tổ chức Phật giáo nào đó, mọi người suy tôn nhau lên hòa thượng như là một chức vụ. Đôi khi, vị được suy tôn ấy không có các tiêu chuẩn trên nhưng vẫn là mang danh hòa thượng vì do người trong nhóm của họ đưa lên.

Ngài còn dạy, Đức Phật đã bỏ ngài vàng đi tu thì tại sao người xuất gia lại đi lượm lại những danh và lợi ấy. Có chức thì phải kèm theo lương, chúng ta “ăn lương phật tử” mà chức tước gì. Ngài nói đùa, trong trường hợp mười vị hòa thượng ngồi với nhau, vị nào lớn nhất là thượng tọa. Sau 1963, Phật giáo Việt nam có dùng từ Hòa thượng cho các vị cao tăng thạc đức, giới phẩm trang nghiêm nhưng không phải là chức vụ. Nếu chúng ta dùng những danh từ đó để trở thành chức vụ chạy theo danh lợi thì có thành Phật thành thánh gì đâu.

Sở dĩ phải nói rõ danh xưng Hòa thượng ở trên là vì sau phần này, tôi muốn dùng từ “Thầy” để viết về quý vị trưởng lão ở chùa Long Sơn, nhất là Thầy Trụ trì. Đây cũng là cách để chúng tôi nhớ lại sinh hoạt của quý Ngài ở chùa Long Sơn Nha Trang một cách rất trung thực.

Hồi đó, mỗi buổi sáng sớm,

thầy Đồng Minh, thầy Thiện Bình, Minh Thông, Đức Bốn, Nguyên Quang và tôi đều ăn sáng ở phòng Thầy trụ trì và do chính Thầy nấu, gồm ba món cơm, cháo và mì vì mỗi vị thích ăn mỗi món khác nhau. Khi các chú ở trường Phật học cơ bản vào công phu khuya trong chùa thì Thầy trụ trì pha cà-phê sữa. Khi tụng kinh ra, mỗi chú được một ly cà phê có khi thêm cái bánh. Những chú học tăng được uống cà phê thời ấy có cả thầy Quảng Long (nay ở Las Vegas); Quảng Kiên và Quảng Trực (ở Tu viện Kim Sơn San Jose bây giờ). Lâu lâu, có quý sư cô ở các chùa ni như Ni Viện, chùa An Tường, chùa Thiên Hòa đem thức ăn sáng đến. Thường thì Thầy trụ trì bảo các cô về thưa lại với sư bà là lần sau không phải đem lên nữa, để thời giờ mà đi học.

Thầy rất chú trọng đến sự học hành của tăng ni ở Nha Trang. Vì nào đi học mà cần sự hỗ trợ thì đều được sự giúp đỡ của Thầy. Một hôm, ngồi trên chánh điện, nhìn những bàn thờ chạm trổ cầu kỳ, Thầy bảo tôi, Thầy không muốn chùa Hội dùng những cái chạm trổ này vì nếu không lau chùi thì bụi bặm khó coi nhưng nếu các chú lau chùi cho sạch thì đâu còn thời gian để học. Bất cứ người nào đến chùa chịu đọc sách, chịu ngồi thiền là Thầy tự dọn cơm cho ăn rồi cho sách vở. Hằng tháng, Thầy in rất nhiều sách Phật học để đọc không phân biệt tông phái, phát không cho mọi người, cho du khách mà không cần nhận lại gì cả. Khác với các điểm du lịch tại thành phố Nha trang, chùa Long Sơn là một điểm du lịch nổi bật nhất nhưng du khách đến đây chỉ nhận mà không tốn một chi phí gì cả. Có lần, sở Du lịch TP Nha Trang đặt vấn đề thu lệ phí du lịch vào chùa và họ sẽ thanh toán lại cho chùa sau khi trừ các chi phí nhưng Thầy đã không đồng ý. Thầy bảo, cửa chùa rộng mở mà. Có lần, trong văn phòng giáo hội đặt ở chùa, có thầy làm khó khăn với tăng ni và phật tử về thủ tục hành chính gì đó... Hôm ấy, tại bàn ăn, Thầy hỏi giữa chúng (có cả vị thầy kia): “Đây là cửa thiền hay cửa quyền?”

Tuy là một vị trưởng lão giới luật thanh tịnh trang nghiêm nhưng đôi lúc Thầy cũng hài hước với mọi người. Một buổi chiều, tôi xuống phòng Thầy. Có

hai bà Phật tử khệ nệ bưng mấy thùng mì gói đến cúng. Thấy hai bà ngồi lựa ra từng gói, Thầy hỏi: “Các bác làm gì đó?” Họ đáp: “Dạ, người ta để lẫn vào mấy gói mì gà, con lựa bỏ ra.” Thầy cười nói: “Thôi bỏ vào hết đi, các bác ăn cả con không sao. Chúng tôi ăn có cái nhãn hiệu mà cũng không cho.”

Vào những buổi trưa, chiều, Thầy mua trái cây, đem tiền mang xuống bệnh viện cho bệnh nhân Thầy cho không phân biệt nam nữ, tôn giáo nhưng thường chú trọng các bệnh nhân người dân tộc nghèo ở vùng núi cao xuống. Người nhận thường không biết Thầy là ai, ở đâu. Có lần, tôi gặp một phụ nữ và mấy người con từ nước ngoài về, đến thăm thầy. Họ nói với tôi, sau 1975 họ nghèo lắm, bệnh nặng nằm ở bệnh viện, thường được sự giúp đỡ của Thầy nhưng họ không biết Thầy ở đâu. Sau khi định cư ở Mỹ, họ mới biết đó là Thầy trụ trì chùa “Phật Trắng Long Sơn” và khi về thăm gia đình, họ đến thăm thầy. Tôi còn nhớ, mỗi khi có người ở nước ngoài về hỏi, “Bach Ôn, trước đây con có nhớ người cầm sổ tiền... đến cúng, Ôn có nhận không?” Dù có nhận hay không, Thầy luôn trả lời, thầy đã nhận rồi và cảm ơn họ.

Thầy thường làm những việc mà với tâm vị kỷ thì chúng ta cho là ngược đời. Một buổi xế trưa, Thầy về chùa trên chiếc xích lô với biết bao nhiêu thứ linh kinh mà Thầy mua ở chợ Đầm Nha trang. Sau khi phụ Thầy mang những thứ ấy vào chùa, tôi hỏi Thầy, “Thưa thầy, Thầy mua mấy thứ méo mó này làm gì, còn mấy đồ đất này nữa, bình thiếu nắp, ấm đất nứt vỡ, ai mà dùng.” Thầy cười cười trả lời: “Những thứ này, mình không mua thì ai mua cho họ.” Nghe Thầy nói vậy, tôi thấy mình thật nhỏ nhoi với tâm lượng của Thầy.

Sau 1975, thời gian mà cái gì cũng thiếu, Chùa là nơi được những người thiếu ăn chiều cổ nhiều nhất. Họ trộm lấy bất cứ cái gì bán được và cũng có khi bị bắt. Sau một đêm bị bắt, họ lại được thả ra vì đồn công an cũng không có cơm cho họ và họ lại đến chùa xin cơm. Dù biết họ là ai nhưng Thầy vẫn lấy từng tô cơm lớn cho họ ăn. Trông thấy thế, vài người lên tiếng với Thầy, đừng cho mấy thằng ăn trộm này ăn thầy ơi. Thầy từ tốn trả lời: **“Mình cho người đói ăn chứ đâu có cho người ăn trộm ăn.”** Câu trả lời

của Thầy tuy ngắn gọn nhưng còn sống động hơn, rõ ràng hơn, đầy đủ hơn cả cuốn sách dày nói về tâm xả.

Có lẽ đến bây giờ, số lượng người ăn xin tụ tập ở chùa Long Sơn vẫn đông nhất trong các tụ điểm du lịch tại thành phố Nha Trang. Tất nhiên, nơi nào có họ tụ tập thì phức tạp vô cùng. Một thầy trong chùa đề nghị yêu cầu thành phố không cho những người ăn xin này hoạt động ở chùa nữa. Thầy cười nói: **"Thôi thầy, họ ăn xin ở dưới đất còn mình ăn xin trên bàn. Đều là 'khất sĩ' cả, đuổi nhau làm gì."**

Tăng chúng trong chùa không ai biết rõ ngày kỵ giỗ song thân của Thầy mà chỉ đoán. Thường vào ngày kỵ giỗ, Thầy đưa tiền nhà bếp nấu một bữa ăn thật ngon cho quý thầy trong chùa. Chúng tôi có hỏi vì sao Thầy không nói rõ để chúng con cúng ông bà. Thầy cười đáp: **"Tôi tu chứ ba mẹ tôi có tu đâu mà phiền các thầy phải cúng. Hằng ngày, tôi ngồi thiền hồi hướng đến cha mẹ nào phải đợi đến ngày giỗ mới cúng."**

Có lần chúng tôi đề nghị tổ chức lễ sinh nhật mừng thọ cho Thầy. Thầy cười đáp: **"Tôi thấy chùa này thường tổ chức cho lễ cưới với xe trăm năm hạnh phúc (xe đám cưới) đi trước rồi sau đó xe vô cùng thương tiếc đi sau (xe tang lễ). Mình dạy Phật tử về vô thường sinh tử mà tổ chức sinh nhật mừng thọ để làm gì."**

Chùa Long Sơn có bốn vị Trưởng lão, Ngài Trí Nghiêm, Ngài Trụ trì, Ngài Đồng Minh và Ngài Thiện Bình sống với nhau gần năm mươi năm nhưng chưa bao giờ quý Ngài có biểu hiện bất hòa với nhau. Đây là một bài học rất quý giá cho chúng tôi nương theo.

Sống với Thầy gần hai mươi năm, ăn cơm cùng Thầy, nói chuyện với Thầy nhưng chưa bao giờ tôi nghe Thầy nói chuyện không tốt của ai cả. Khi có một chuyện gì của ai đó xảy ra trong chùa, tuy biết rõ, nhưng Thầy vẫn từ bi tha thứ, ẩn ác dương thiện giúp cho họ nhìn lại mình và đi lên. Tôi cũng chưa bao giờ nghe một ai than phiền về Thầy cả. Thầy thực sự là tàng cây mát che trùm cả tăng ni và Phật tử ở thành phố Nha Trang. Chúng tôi luôn luôn học và cảm nhận năng lực từ bi hỷ xả từ những hành động bình thường hằng ngày của Thầy.



Đời sống của Thầy như vậy đó, không đăng đàn thuyết pháp; pháp tòa là chiếc xích đu với tấm chiếu rách bên hành lang của chùa để ai cũng có thể gặp được. Thầy không dùng ngôn ngữ kinh văn mà thể hiện giáo pháp bằng những hành động bình thường hằng ngày. Thầy không dùng nghi lễ rườm rà, không hình thức bề ngoài, không y hồng hay y gấm, không đội mào, không mang hài, quanh năm chỉ một bộ y bằng vải thường, vài bộ quần áo ngắn nhưng hành trạng của Thầy thì uy phong cao viễn, giới đức trang nghiêm không sao nói hết được, không sao viết ra hết. Tuy là trụ trì của một ngôi chùa lớn nhất Nha Trang, là bậc trưởng lão niên cao lập trường nhất tỉnh Khánh Hòa nhưng Thầy không có của cải riêng tư, tự mình giặt quần áo, tự mình chăm sóc cho mình không phiền đến ai cả. Tuy chuyên môn về nghi lễ nhưng Thầy không theo nghi thức cúng kiếng gì cả. Thầy dạy, Đạo Phật là đạo trí tuệ chứ không phải là đạo cúng kiếng nghi lễ.

Mỗi khi về thăm Huế, Thầy cho tôi đi theo như là một thị giả. Đầu tiên, Thầy đến chùa Từ Đàm, đánh lễ Ngài Thiện Siêu. Sau đó, Thầy vào chùa Thiền Tôn, đánh lễ tháp Hòa Thượng Thiện Minh. Ngồi bên tháp, Thầy rơi lệ, rất thành kính, kể cho tôi nghe về hành trạng của Ngài Thiện Minh mà Thầy xem như là vị ân sư của mình. Thầy về thăm chùa Từ Hiếu, nơi Thầy xuất gia học đạo, tôi nhớ không nhầm là trước cả Ngài Nhất hạnh Làng Mai. Nhà song thân của Thầy ở bên cạnh cổng ngoài chùa Từ Hiếu, đường đi làng Tự Đức. Đứng trong sân nhà cũ, Thầy kể

cho chúng tôi nghe về song thân về tuổi ấu thơ của Thầy với tình cảm của người con về thăm cha mẹ. Tôi đi theo Thầy với nhiệm vụ là một thị giả nhưng lại được Thầy quan tâm như một người mẹ đối với con cái. Ngoài Hòa Thượng Trừng Sơn ra, với Thầy Đồng Minh, tôi vẫn là một chú điều nhỏ, luôn luôn tôn sư trọng đạo, cúi đầu nghe Thầy dạy mà chưa bao giờ dám nói lại hay nhìn thẳng vào Thầy. Thầy Đồng Minh như người cha của tôi theo cách của văn hóa Việt Nam. Với Thầy Trụ trì, tôi rất thoải mái tự nhiên nói chuyện trao đổi, cười vui với Thầy như với người mẹ. Thời gian ở chùa Long Sơn với hai Thầy, thật là thời gian hạnh phúc nhất mà tôi đã có.

Tôi đi sang Mỹ đã sáu năm nhưng Thầy vẫn giữ nguyên phòng tôi ở như cũ. Năm ngoái, thầy trò tôi về thăm, Thầy hỏi: "Thầy mới về lúc nào, ăn cơm chưa để tôi lấy chút gì ăn." Thầy không hỏi tôi chút gì về nước Mỹ, chỉ hỏi tôi các thầy bên đó khỏe không; sau đó, Thầy nói chuyện như tôi vừa trên phòng xuống hay từ Saigon về chứ không phải đã xa Thầy đến sáu năm. Vừa rồi, cách đây ba tháng, tôi lại về thăm Thầy. Ngồi bên bóng mát của Thầy, nghe Thầy nói chuyện, tôi lại có cảm giác đang bên cạnh mẹ mình.

Khi tôi từ già, Thầy đưa tôi cuốn *"Ngôi nhà thực sự của ta"* của Ngài Ajah Chah—bản Việt ngữ của Phạm Kim Khánh và Lê Thị Sương, và bảo tôi giữ gìn sức khỏe. Đây có phải chăng, cuốn sách nhỏ này là vật "Thay lời muốn nói" của Thầy cho tôi lần cuối cùng.

Tôi viết về Thầy Trụ Trì chùa Long Sơn bằng sự thật với kỷ ức, trân quý, tôn trọng, trong cảm xúc thương nhớ vô biên của tôi về hành trạng một vị Trưởng Lão vừa là Thầy, vừa như mẹ của tôi thì không sao mạch lạc được, xin người đọc lượng thứ cho.

Thưa Thầy, con nhớ Thầy rất nhiều. Thầy đã cho con quá nhiều. Cả cuộc đời này con cũng không thể nói hết được thì làm sao báo hết ân của Thầy. Con xin sám hối là không về được để hầu Thầy ra báo tháp. Con xin nguyện suốt đời cố gắng sống theo những bài học vô ngôn của Thầy. Con thành kính lạy Thầy.

Pháp tử Tâm Hạnh

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

PATACHARA - NGƯỜI KHOÁC ÁO

Ngọc Bảo

Patachara là con của một vi trưởng già đáng kính trong vùng. Cha nàng đã sắp đặt để hứa hôn cho nàng với một người đàn ông lớn tuổi chưa từng biết mặt, nhưng thực ra nàng đã lỡ yêu một gia nhân trong nhà. Khi sắp đến ngày cưới, hai người rủ nhau bỏ trốn đến một thành phố xa, ở bên kia con sông.

Theo phong tục, khi một người đàn bà kết hôn thì rời bỏ gia tộc của mình và nhập vào dòng họ của chồng. Nhưng chồng Patachara tú cổ vô thân, chẳng có gia đình gì cả, lại nghèo rớt mùng tơi. Kết hôn với người ở ngoài giai cấp, lấy nhau vì tình – đó là điều tủi hổ nhục nhã trước mắt mọi người. Đã vậy, lấy người chồng không có gì bảo đảm cho cuộc sống thì thật là điên rồ. Patachara đã lia bỏ tất cả khi nàng bỏ trốn đi với người tình.

Ngôi làng bé nhỏ của họ có bờ rào chung quanh, với những cánh cổng đóng vào ban đêm. Đời tình nhân sống trong một túp lều tranh vách đất nhỏ bé, chỉ có một cửa ra vào và một cửa sổ, đồ đạc chỉ có một cái giường và một ít nồi niêu để đựng thức ăn.

Patachara đã chọn một đời sống kham khổ nhưng êm ấm. Mỗi ngày nàng đi bộ ra hồ sen sách nước, nơi có đầy đầy những thứ động vật như trâu, cua, cò, hạc, và muối. Nàng ăn uống đạm bạc, quét tước làm việc nhà, và sống hạnh phúc bên chồng. Cuộc sống của họ không bao giờ có dư thừa đồ ăn, nhưng cũng không đến nỗi đói.

Khi có thai lần đầu, Patachara muốn trở về nhà cha mẹ đẻ, nhưng chồng nàng không muốn đưa đi. Năm sau lại có thai lần nữa, kỳ này nàng càng thêm mong ước được có mẹ ở bên cạnh. Nhưng chồng cứ lần lữa mãi, cho đến khi gần quá trễ rồi mới khởi hành. Tuy nhiên, dù trong người mệt mỏi, nàng vẫn cảm thấy vui sướng khi bắt đầu cuộc hành trình đi bộ trở về.

Khi họ đến bờ sông, trời bỗng nổi cơn giông tố tới bởi. Chồng nàng để nàng ngồi đợi với đứa con nhỏ, trong khi đi tìm cây cọ dừa cắt lá để lợp chỗ trú mưa. Đúng lúc chồng không có mặt, Patachara bỗng chuyển bụng sanh

con. Trong khi đó, người chồng đang loanh quanh gần một cây cọ dừa, đụng phải một con rắn độc, bị nó cắn chết ngay.

Đợi mãi không thấy chồng về, nhưng Patachara không cách gì để đi tìm, vì nàng đang đau đẻ và không thể đứng lên được nữa. Nàng sanh con một mình trong đêm tối, dưới mưa gió ngập trời, vừa cố gắng che chở cho một đứa con thơ, vừa hạ sanh một đứa khác. Cuối cùng, khi trời sáng, mọi sự đã yên rồi, nàng mới bọc hai đứa con trong áo của mình và đi tìm chồng. Khi thấy xác chồng, nàng ngã quỵ xuống trong cơn đau khổ chết ngất, và cứ ở như vậy bên chồng liên một ngày một đêm. Nàng vừa cho con sơ sanh bú, vừa đi hái trái cho đứa con trai, cố gom hết sức lực để lên đường trở về nhà cha mẹ, sống cuộc đời góa bụa.

Nhưng cơn mưa bão hôm qua đã làm cho nước sông dâng lên thật cao, khiến nàng không thể ôm hai con vượt sông cùng một lúc được. Patachara suy nghĩ thật lâu, cuối cùng nàng bỏ đứa bé trai lại bên bờ và bồng đứa con mới sanh lội qua sông, cố gắng dơ đứa bé lên cao. Qua đến bờ rồi, nàng đặt đứa con sơ sanh cẩn thận trên một miếng lá dừa, rồi quay lại đón đứa con đang chập chững. Khi lội

trở lại qua sông, nàng bỗng cảm thấy thật bồn chồn lo lắng cho đứa con mới sanh bên kia bờ. Nàng vừa lội vừa quay lại để trông chừng nó. Bỗng một con chim điều hâu từ đâu đến xà xuống cặp đứa bé đem đi. Patachara vội vàng la lớn, kêu gào thảm thiết, hai tay chới với vẫy lia lịa trong khi con chim bay lên trời thật nhanh, thật xa. Trong khi đó thì đứa con nhỏ bên kia bờ nhìn thấy mẹ dơ tay lên lại tưởng gọi mình. Nó bèn bước xuống sông và bị nước cuốn trôi, biến đi mất tích.

Tê dại vì đau khổ, Patachara đi lang thang cho đến khi nàng gặp một người làng trước kia. Ông ta nhận ra và gọi tên nàng. Nàng nói:

“Ông ơi, tôi đang trở về nhà đây. Cha mẹ tôi thế nào? Và em trai tôi nữa?”

“Cô ơi, thôi đừng hỏi làm gì.” Ông ta trả lời thật thảm nào.

“Nhưng tôi chỉ cần biết điều đó thôi” nàng khóc, “hãy nói cho tôi nghe tin tức của họ đi”.

Khi thấy nàng thực tình muốn biết, ông ta mới kể rằng trận bão lúc trước đã làm sập mái nhà, tất cả đều chết hết, và ngay lúc này người ta đang thiêu xác họ trên đàn hỏa.

Nghe vậy, tâm trí Patachara bắt đầu sụp đổ như những sườn đồi lở xuống từng mảng trong cơn mưa, rã rời, tan nát. Nàng khóc nức nở: “Tôi vừa mất hai đứa con, chồng thì chết bỏ chết bụi, cha mẹ anh em cũng đang bị hỏa thiêu. Thật tôi chẳng còn gì trên cõi đời này nữa!”

Có một hạng người sống ngoài lề xã hội, họ còn thấp hơn cả giai cấp hạ đẳng sudra, đến nỗi không được liệt kê vào giai cấp nào nữa. Đó là những kẻ không ai muốn đụng vào, họ hiện hữu như không phải là con người, bị xã hội ruồng bỏ xem như không có một chút phẩm giá nào cả. Đó là những tên đao phủ, những người đồ tể, những người làm xe và đan giỏ, làm nghề thuộc da, bán rượu, những kẻ quét đường, thợ săn, đánh cá và phu đào mộ. Họ làm những công việc xấu xa cần thiết cho thế giới này. Những kẻ cùng đinh này chỉ được phép mặc



những quần áo lấy từ những xác chết, chỉ được dùng những dụng cụ bằng sắt và những đồ dùng bằng sứ đã rạn nứt. Giết một kẻ cùng đình cũng không khác gì giết một con chó. Khi đi ngoài đường, họ phải đánh mõ lên để những người có giai cấp cao hơn biết mà tránh xa. Ngay cả cái bóng của những người cùng đình, cái không khí chung quanh họ cũng bị ô nhiễm. Nếu một người có giai cấp cao hơn thấy một kẻ cùng đình, dù chỉ là bất ngờ, người ấy cũng phải lấy nước thơm rửa mặt ngay và phải ăn chay một đêm để tẩy uế.

Khi Patachara mất hết cả gia đình, nàng trở thành một kẻ điên rồ, một con người bị ruồng bỏ ngay trong những con người bị ruồng bỏ, một người không ai muốn đụng tới ngay trong những kẻ không ai muốn đụng tới. Quần áo nàng rách tả tơi, thân thể lở lổ nên bị gọi là "người khoác áo" (patachara). Người ta chế nhạo nàng, ném bùn và rác vào người và la hét đuổi đi. Nhưng nàng không hiểu gì cả – tâm hồn nàng giờ như đã chết, đã tê liệt, không còn một ý thức gì về bản thân của mình, còn thua một con chó bị người ta đá vào nữa. Sự đau khổ đã xâm chiếm toàn diện con người nàng từ trong ra ngoài – nàng không còn thấy được gì khác ngoài nỗi đau của mình.

Cứ thế nàng đi lang thang một thời gian dài, thân hình gầy gò tiêu tụy, bần thiêu và bệnh hoạn. Nàng vượt qua những cánh đồng lúa, những rừng dừa trên con đường dẫn đến Varanasi, một thành phố nhỏ hẹp bên bờ sông với những con đường trơn trượt, đầy người và súc vật, không khí thoảng mùi phân hôi thối. Những tòa nhà nằm ngay cạnh bờ sông, những cột nhà, những mái thấp nhón và khung cửa sổ bằng đá tự lại chen chúc bên bờ nước. Thu-yên bè qua lại nườm nượp, chim chóc đậu trên những cái sào chằm chú nhìn xuống nước rình cá để bắt. Giòng sông rộng lớn, nước mờ đục trong bầu trời u ám. Patachara đã đi đến tận bờ sông. Nước loang loáng trước mặt nàng, như gợi nhớ điều gì thật thương đau. Con rồ dại nổi lên, thúc dục nàng phải làm gì đó để trả thù lại cái đã gây ra sự đau khổ cho nàng. Nàng bắt đầu đánh vào nước, hai tay vùng lên đập loạn xạ, miệng kêu gào chửi bới.

Đức Phật, lúc đó đang ở gần, đã âm thầm theo dõi nàng, biết rằng căn cơ của nàng đã chín mùi

để được cứu độ. Sự mất mát đau khổ đến tận cùng sẽ là một động cơ mạnh mẽ cho sự chuyển hóa bản thân. Ngài bèn tiến lại gần nàng, trong khi các đệ tử đi theo phàn nàn phản đối.

"Thế Tôn mặc kệ bà điên ấy đi, đừng đến gần bà ta!" Họ nài nỉ Đức Phật. Nước bắn tung tóe từ chỗ Patachara văng tới, khiến áo của họ cũng bắt đầu thấm ướt. Một vài người bỏ đi ra xa. Đức Phật nói:

"Đừng tránh bà ta". Ngài bước vào nước, chạm vào vai nàng nói: "Này cô, hãy tỉnh lại đi!"

Chỉ vài chữ đó thôi, nhưng lời nói từ kim khẩu của Đức Phật đã khiến nàng sức tỉnh. Đôi mắt lơ đãng, nàng nhìn quanh ngơ ngác, thấy Đức Phật đang đứng trước mặt, thấy những khuôn mặt nhẵn nhụi chung quanh, những tòa nhà phố thị, bờ nước bên sông – rồi nàng chợt nhìn lại mình, một con người bần thiêu, lở lổ. Xấu hổ, nàng gục xuống dưới đất, cố che giấu thân thể lại. Một vị tăng thương hại đưa cho nàng chiếc áo ngoài của ông. Patachara chaoáng áo đó vào rồi quỳ xuống dưới chân Đức Phật, khóc lóc kể lại câu chuyện của mình. Trong phút chốc, nàng đã nhớ lại tất cả, như một người bị thương nhớ lại cơn đau, khi thuốc tê đã hết tác dụng.

"Thế Tôn cứu con!" nàng van xin, "Xin ngài hãy cứu con khỏi sự đau khổ này!"

Đức Phật nói: "Này Patachara, ta không thể cứu người khỏi sự đau khổ được. Không có gì có thể cứu chúng ta khỏi những mất mát và đau khổ. Gia đình ta rồi một ngày nào đó sẽ không còn. Bà con thân thuộc cũng sẽ không còn. Thế giới này là như vậy, thế giới sau cũng như vậy. Người đang cố nắm giữ lấy điều không thể nắm giữ, điều không bao giờ có thể giữ được."

Ngài mỉm cười, nụ cười thật bất ngờ và trong sáng, khiến nàng ngừng khóc, im bất. Ngài đỡ nàng đứng dậy, nói tiếp:

"Đấy không phải là lần đầu người khóc vì con chết. Từ bao nhiêu kiếp nay, người đã khóc biết bao lần vì những người thương yêu của mình chết đi – nước mắt ấy còn nhiều hơn cả nước đại dương bốn biển trên thế giới này nữa. Đó là vòng luân hồi mà chúng sinh phải trải qua. Khi một người mệnh chung, người ấy không thể nương tựa, cầu cứu nơi con cháu – không họ



hàng thân thuộc nào có thể giúp họ thoát khỏi cái chết được. Vậy sao người tự hủy hoại chính mình trong sự sầu khổ này?

Chỉ có một con đường giải thoát: đó là con đường Bát Chánh Đạo chỉ cho ta sự thật của đời sống, đưa đến Niết Bàn."

Phật dạy:

*Các con, cha, bà con,
Không phải chỗ nương tựa
Khi thân hoại, mệnh chung
Bà con, huyết thống người
Không thể che chở người
Thấy được sự thật này
Kẻ trí sống giới đức
Và mau chóng thành tựu
Con đường hướng Niết Bàn.*

Nghe Đức Phật nói xong, Patachara tức thời thức tỉnh, chứng được quả Dự Lưu – nàng xin phép được xuất gia, và được Đức Phật chấp thuận, cho nàng đến nơi các Tỷ Kheo Ni nhập chúng.

Từ đó, ngày ngày ni tinh tấn tu hành, giữ giới luật nghiêm minh, nhưng tiến bộ rất chậm chạp, chưa bao giờ đạt đến sự an bình hoàn toàn như mong muốn. Trong tiềm thức, nỗi ám ảnh của những bất hạnh xưa vẫn còn vương vấn, như một khối u ẩn trong lòng chưa hóa giải được. Vẫn biết có sanh là phải có tử, nhưng tại sao có những người vừa sinh ra như đứa con của ni chưa kịp sống đã phải chết đi? Phải sống thế nào để tự tại được trong dòng sinh tử đầy bất trắc này?

Một hôm, khi lấy nước rửa chân, ni chợt để ý thấy nước chảy

một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Ni lại đổ thêm nước nữa, thấy khoảng đường nước chảy dài hơn. Lần thứ ba đổ thêm, khoảng đường nước chảy lại dài hơn nữa, nhưng rồi nước cũng biến mất vào lòng đất. Ni chợt suy tư, nghĩ đến sinh mệnh của con người cũng như dòng nước. Dòng nước đổ mỗi lần khác nhau, do đó mà chảy những đoạn ngắn hay dài khác nhau – sinh mệnh con người có khi chết trẻ, có khi chết trung niên, có khi chết già. Tất cả là do nghiệp lực – chúng sinh tạo nghiệp, nghiệp lại tạo chúng sinh. Sinh mệnh chúng sinh như chiếc lá nhỏ nhoi bị cuốn theo cơn gió của nghiệp lực trong đời sống trùng trùng duyên khởi. Trong tâm trí ni hình ảnh con diều hâu chợt hiện ra, đói khát, đang tìm cách kiếm mồi đem về cho những con chim nhỏ của nó. Ni thấy đứa con thơ chập chững chìm vào dòng sông như nước chìm vào mặt đất. Thân phận con người thật mong manh, như bèo dạt mây trôi, như giấc mộng thoáng qua, không có gì là bền vững, không gì có thể bám víu vào được. Nhưng chính khi nhận thức được sự thật của đời sống, là đã mở ra một lối thoát vượt ra ngoài sự đau khổ.

Tối hôm đó, khi tắt đèn đi ngủ, ni đã ngộ được hoàn toàn bản chất hư ảo của mọi sắc tướng – không còn thấy đó là thảm kịch và sự mất mát. Nhìn ánh sáng chập chờn của ngọn đèn bé nhỏ trong căn phòng tối, ni cảm nhận đó như sự mong manh của đời sống – và trong tất cả những sinh diệt vô thường của vạn pháp, điều duy nhất luôn luôn tồn tại và không biến đổi lại chính là sự vô thường. Ngọn lửa mong manh đó từ đâu tới, và khi tắt rụi đi sẽ đi về đâu? Quán chiếu ngọn đèn, ni chợt ngộ ra sự đồng nhất của không và sắc – tất cả sắc tướng vốn là không, và không cũng chính là sắc tướng duyên hợp. Không và Sắc đều là một với nhau, không thể tách rời nhau. Ni nhớ lời Đức Phật:

"Patachara, làm người ai cũng phải chết, vậy phải sống làm sao để thấy được sự sinh diệt vô thường của ngũ uẩn. Dù chỉ thấy được một ngày hay một giờ, cũng hơn là sống một trăm năm mà không giác ngộ được sự thật ấy!"

Ngay hôm đó, Patachara đã chứng được quả A La Hán. Nghĩ đến quá trình tu tập gian lao của mình trong nhiều năm, cuối cùng đã đạt được kết quả, Ni nói kể

HỎI NGƯỜI, ĐÊM GIÓ

*gió rít từng cơn, rợn âm u
mưa tuôn mờ mịt cuốn hư vô
đêm nay chắc là rơi gần hết
biết lúc anh về có còn thu!*

*mai một anh về - đã lỡ thu
mùa thu của nắng vàng ôn nhu
của lá điểm trang, thêu vách núi
của chớm tàn phai rực nhiệm màu!
gom hết đất trời - gửi tặng nhau
một mùa thu cũ của thiên thu
thiên thu cũng vẫn trời đất ấy
thu của tình đôi đẹp bao lâu?*

*thu tình ta, nay chắc ủa màu
(chẳng câu dâu bể, cũng phù du)
đêm nay gió lộng, mùa quay gót
người về - mai, một - có thương thu?*



NGUYỄN THỊ MINH THỦY

như sau:

*Với cây, khi làm ruộng
Gieo hạt giống trên đất
Loài người được tài sản
Nuôi dưỡng vợ và con
Sao ta giới đầy đủ
Làm theo lời Đạo sư
Không giải đãi, giao động
Lại không chứng Niết Bàn
Khi ta đang rửa chân
Làm cho dòng nước chảy
Thấy được nước rửa chân
Từ cao chảy xuống thấp
Nhờ vậy tâm được định
Như ngựa hiền khéo luyện
Rồi ta cầm cây đèn
Bước vào ngôi Tịnh xá
Nằm trên chiếc giường nhỏ
Ta nhìn đèn quán chiếu
Rồi lấy cây kim nhỏ
Đim tim đèn xuống đầu
Thấy cây đèn Niết Bàn
Tâm ta được giải thoát.*

Patachara trở thành một ni trưởng kiệt xuất có ảnh hưởng lớn, đem Pháp Phật đến cho nhiều phụ nữ đang đau khổ. Nhiều đệ tử của ni cũng trở thành những người giảng Pháp. Ni được giao quyền quy y thể phát cho người khác, và đã

chuyển hóa quy y cho hơn năm trăm nữ Phật tử. Hầu hết họ là những người đã mất con. Khi có một phụ nữ nào đến khóc lóc, ni cầm tay người đó hỏi rằng:

"Hãy tự hỏi mình đi, con của chị từ đâu đến đây trong đời này chỉ một thời gian ngắn ngủi rồi đi? Tất cả là do nhân duyên mà thôi. Chúng ta có mặt trên đời này là do nhân duyên hợp, khi nhân duyên hết rồi thì tan. Trong thế giới này, mỗi người đều đến và đi khỏi cuộc đời một mình, không ai theo ai được. Chúng ta đến theo một con đường, rồi đi theo một con đường riêng biệt. Sinh ra rồi chết đi, và lại tái sinh trong một kiếp sống khác, đó là sự thật của cõi luân hồi sinh tử, ta phải biết như vậy."

Những phụ nữ này, khi nghe những lời chân thật của Ni, đều cảm thấy dịu đi những nỗi đau, được an bình nơi tâm, và tất cả đều tán thán Ni như một vị thầy của lòng từ bi và trí tuệ.

Ngọc Bảo

(trích Danh Ni Truyện)

**LỄ BẾ MẠC NGÀY VỀ NGUỒN - HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ LẦN THỨ VII
NGÀY 30.9.2013 TẠI CHÙA CỔ LÂM, SEATTLE, TIỂU BANG WASHINGTON**



LỄ TƯỞNG NIỆM & THỌ TANG TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH CHÍ TÍN TẠI CHÙA PHẬT ĐÀ, SAN DIEGO, NGÀY 22.09.2013



Lễ Tưởng Niệm & Thọ Tang Cố HT Thích Chí Tín 22/9/2013 Tại Chùa Phật Đà - Hoavouu.com



Lễ Tưởng Niệm & Thọ Tang Cố HT Thích Chí Tín 22/9/2013 Tại Chùa Phật Đà - Hoavouu.com



Lễ Tưởng Niệm & Thọ Tang Cố HT Thích Chí Tín 22/9/2013 Tại Chùa Phật Đà - Hoavouu.com



Lễ Tưởng Niệm & Thọ Tang Cố HT Thích Chí Tín 22/9/2013 Tại Chùa Phật Đà - Hoavouu.com



Lễ Tưởng Niệm & Thọ Tang Cố HT Thích Chí Tín 22/9/2013 Tại Chùa Phật Đà - Hoavouu.com



Lễ Tưởng Niệm & Thọ Tang Cố HT Thích Chí Tín 22/9/2013 Tại Chùa Phật Đà - Hoavouu.com



Lễ Tưởng Niệm & Thọ Tang Cố HT Thích Chí Tín 22/9/2013 Tại Chùa Phật Đà - Hoavouu.com



Lễ Tưởng Niệm & Thọ Tang Cố HT Thích Chí Tín 22/9/2013 Tại Chùa Phật Đà - Hoavouu.com

ĐẠO PHẬT ĐỂ TIẾP CẬN

Trần Khải

Khuynh hướng thế tục hóa ngày càng mạnh trong xã hội hiện nay. Ngay cả như ở Nhật Bản, nơi đại đa số dân chúng theo Phật giáo và cũng là nơi Thiền Tông đã trở thành máu thịt của văn hóa Nhật Bản – để thành trà đạo, võ đạo, kiếm đạo...

Những con số về Phật giáo tại Nhật Bản không còn chính xác nữa, vì dân chúng Nhật Bản cũng mơ hồ khi tự nhìn về họ. Khi được hỏi, "Bạn có phải Phật tử hay không?" rất nhiều người Nhật sẽ ngần ngại một chút và rồi nói, "Có lẽ thế," hay là, "Vâng, nhiều phần là tôi theo Đạo Phật..."

Do vậy, Nhật Bản hiện có 90 triệu Phật tử, hay 127 triệu Phật tử, hay ít hơn nữa?

Một thống kê trên Tự Điển Wikipedia phần Anh văn cho biết, có khoảng 90 triệu dân tại Nhật tự nhận rằng họ là một người tu học theo Phật giáo, hay là tín Phật – chiếm 70% dân số.

Nhiều người dân Nhật vừa là Phật tử vừa theo Thần Đạo, một hiện tượng cũng tương tự nhiều ở nhiều nơi tại VN, khi một số Phật tử cũng nói rằng họ theo Đạo Mẫu, một tín ngưỡng dân gian có nhiều đền cổ tại Miền Bắc và có cách thực hành tín ngưỡng qua việc lên đồng, tiếp cận với chư thiên.

Trong khi đó, Tự Điển Bách Khoa Mở bản Việt ngữ cho thống kê khác về Nhật Bản:

"Theo "Niên giám tôn giáo" của Cục Văn hóa Nhật Bản thì Nhật Bản là một quốc gia Phật giáo lớn nhất thế giới với 127 triệu Phật tử, 250 ngàn tăng ni. Với khoảng 75000 đền chùa và hơn 30000 tượng Phật các loại, đây là con số vô cùng lớn khi đem so sánh với các nước Phật giáo khác. Ngôi chùa gỗ cổ nhất thế giới Horyuji (Pháp Long Tự) và những văn thư kinh điển xưa nhất thế giới đều nằm ở Nhật. Mặc dù vậy đại bộ phận người dân Nhật Bản hiện nay đều không theo một tôn giáo, tín ngưỡng cụ thể nào, và cũng rất ít người tự xem mình là Phật tử." (hết trích)

Mặt khác, một bài viết trên mạng Buddhnet cho biết có khoảng 80% dân Nhật làm hôn lễ

trong đền thờ nghi thức Thần Đạo hay trong nhà thờ nghi thức Thiên Chúa giáo; và 90% làm tang lễ trong một ngôi chùa Phật giáo. Nghĩa là Thần Đạo, một tôn giáo xưa cổ gắn liền với nhiều huyền thoại của dân Nhật Bản, cũng y hệt như Đạo Mẫu (còn thờ Bà Chúa Liễu Hạnh, có nơi thờ Mẹ Thánh Gióng, có nơi thờ Tứ vị Thánh nương...) là đạo của đời sống của dân Nhật, và Phật giáo là nơi để dân Nhật tìm về khi bước qua thế giới bên kia.

Trong hoàn cảnh đó, Phật giáo đang gặp cơ nguy tách lìa với đời sống của dân Nhật.

Ngày 2-9-2013 đã ghi nhận về nỗ lực mới của các vị sư Nhật Bản để đưa đạo gắn liền với đời. Bản tin tựa đề "Các quán cà phê mang Phật giáo tới với cư dân thành thị Nhật Bản."

Báo *Wall Street Journal* cũng tường thuật qua bản tin ngày 2-9-2013, tựa đề là "Quán Cà phê Nổi Kết Các Sư với Dân Thành Thị."

Hai bản tin tường thuật hơi khác nhau, theo cách nhìn của hai phóng viên. Nhưng cùng nói lên một sự thật là các sư đang phải tiếp cận tới dân thành thị, chứ không chỉ ngồi trong chùa mà chờ Phật tử tới lễ Phật.

Tổng phái Phật giáo xưa cổ nhất Nhật Bản – Shingon, thường được dịch là Chân Ngôn Tông – trong nỗ lực đưa đạo vào đời đã mở một tiệm cà phê ngay trung tâm Tokyo.

Quán cà phê có tên Koyasan Café – tức là Tiệm Cà Phê Không Dã Sơn, nếu dịch ra Việt ngữ, lấy theo tên một ngọn núi trước giờ tông phái này đặt làm tổ đình ở tỉnh Wakayama.

Quán Koyasan Café đặt ở tầng lầu thứ 7 của tòa cao ốc Shin-Marunouchi Building, đối diện với ga xe lửa Tokyo Station, sẽ mở ra hoạt động trong 10 ngày thôi. Quán đã khánh thành ngày Thứ Sáu 30-8-2013.

Đây là mùa hè thứ 8 của quán này ở Tokyo, được đồng bảo trợ bởi công ty xe lửa Nankai Electric Railway. Trong khi quán cà phê này mở cửa, khách có thể

ngồi ăn các món chay do nhà bếp của quán nấu, rồi uống trà, lắng nghe tụng kinh, nói chuyện với các nhà sư và tập chép kinh – tức là, lấy bút giấy để chép lại Kinh Phật, một việc được tin là mang nhiều công đức.

Nhà sư Kunihiko Yabu, cũng là giám đốc quan hệ cộng đồng của Koyasan, nói rằng trong mấy năm qua, "chúng tôi có nhiều khách thăm – nhiều thiếu nữ trong tuổi 20s và 30s."

Hironobu Watanabe, người phụ trách kế hoạch kinh doanh ở chi nhánh Tokyo của hãng xe lửa Nankai, nói rằng quán này thu hút từ 7,000 tới 8,000 người mỗi đợt mở cửa trong hai mùa hè qua.

Một số nhà quan sát nói rằng khuynh hướng gần đây là các thiếu nữ Nhật Bản ưa chuộng Phật giáo, có lẽ hơn một thế hệ trước họ. Nhà sư Yabu nói, điều quan trọng là các cô tiếp cận với Phật giáo, vì "trước giờ Phật giáo bị ngộ nhận là đạo của tang lễ. Nhưng giáo pháp thực ra là cho người sống, không phải cho người chết. Đó là về cách mà chúng ta có thể sống đời của mình trọn vẹn. Chúng tôi sẽ hạnh phúc khi thấy quán cà phê này là cổng vào đạo cho nhiều người."

Hideo Usui, một chuyên gia tài chánh ở Tokyo chuyên tham vấn cho các hội đoàn tôn giáo, nói rằng không chỉ các nhà sư Chân Ngôn Tông về thành thị, mở quán cà phê để gặp Phật tử, mà ngày càng có nhiều nhà sư Phật giáo các tông phái khác cũng mở quán cà phê và cả quán rượu trong khi tìm cách tiếp cận cộng đồng, "Đó là một khuynh hướng lặng lẽ từ 10 tới 15 năm qua."

Sau Thế Chiến 2, đời sống dân Nhật biến đổi gay gắt, nhiều người ngưng cúng dường cho các vị sư, trong khi người khác cúng giãmbớt, theo lời Usui.

Nhiều ngôi chùa vắng Phật tử hơn và do vậy, các vị sư lúng túng với tình hình tài chánh – và họ phải nghĩ cách tiếp cận Phật tử.

Trông người, nên nghĩ tới ta. Nhật Bản và Việt Nam có nền văn hóa gần nhau, và trong khi xã hội Việt Nam biến đổi theo những tốc độ kinh tế, cách tiếp cận của Phật giáo cũng cần được biến đổi.

Dĩ nhiên, có thể sẽ không cần mở quán cà phê... nhưng hẳn là, không thể cứ mãi như xưa nữa được.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
TỔNG VỤ TỪ THIỆN XÃ HỘI

Tu viện An Lạc – 901 S. Salicoy Ave., Ventura, CA 93004 – U.S.A. | Tel.: (805) 659-9845 | (805) 816-8799
Email: missionanlac@yahoo.com

Phật Lịch 2557

Số 01/TVT-TXH/TB/TVT

THÔNG BÁO

Về Việc Cứu Trợ Đồng Bào Lũ Lụt Nạn Nhân Thiên tai Miền Trung Việt Nam
Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính gửi: Chư Tôn Đức Tăng Ni, và toàn thể Đồng bào Phật tử

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng, Ni,

Kính thưa quý Đồng bào Đồng hương Phật tử,

Trong những ngày đầu tháng 10 năm 2013, những cơn bão đã thổi vào lục địa Việt Nam và gây thiệt hại nặng nề về nhân mạng cũng như tài sản cho đồng bào các tỉnh miền Trung Việt Nam. (Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam-Đà Nẵng và Quảng Ngãi) đã bị 2 trận bão lụt rất lớn: Wutip và Nari, Hàng chục người bị tử vong, mất tích. Hàng chục ngàn ngôi nhà bị hư hại nặng, hàng trăm ngàn hecta hoa màu bị tàn phá và hàng trăm ngàn người phải sống trong cảnh màn trời chiếu đất Trước thảm cảnh máu chảy ruột mềm, để chia sẻ một chút lòng với những đồng bào kém may mắn trong cơn hoạn nạn này, để kịp thời cứu giúp. Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội, của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Chúng tôi thiết tha kêu gọi chư tôn đức Tăng Ni và toàn thể đồng bào, đồng hương Phật tử hoan hỷ nhanh chóng mở các cuộc lạc quyên tại địa phương, kêu gọi đồng hương Phật tử và những tấm lòng từ ái đóng góp tịnh tài, cùng san sẻ nỗi đau khổ của nạn nhân và gia đình đồng bào kém may mắn tại quê nhà.

Mọi đóng góp tịnh tài cứu trợ nạn nhân Lũ Lụt xin gửi về một trong 2 địa chỉ sau đây:

* Nam Cali: CHÙA BÁT NHÃ
 803 S. SULLIVAN ST.,
 SANTA ANA, CA. 92704
 Tel. (714) 571-0473

* Bắc Cali: CHÙA DUYÊN GIÁC
 97 FOSS AVENUE
 SAN JOSE, CA. 95116
 Tel: (408) 828 5707

Phần Memo xin ghi rõ: “Cứu trợ nạn nhân Lũ Lụt. Miền Trung”

Thành kính tri ân sự đóng góp quý báu của chư quý liệt vị, và thành tâm kính chúc chư quý liệt vị thân tâm an lạc, sở cầu như nguyện.

Kính thông báo,
San Jose, ngày 15 tháng 10 năm 2013,
 Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTNHK,
 TL. Hòa Thượng Tổng Vụ Trưởng,
 Tổng Vụ Phó

Tỳ Kheo Thích Nhựt Huệ

Nơi nhận:

- Chư tôn túc trưởng lão Hòa Thượng Chứng Minh để “kính thăm tường,”
- Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK để “kính tường,”
- Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK để “kính tường”
- Chư tôn đức Tăng, Ni và quý Cư sĩ thành viên các Hội Đồng, các Tổng Vụ để hỗ trợ
- Các cơ quan truyền thông báo chí để giúp phổ biến
- Hồ sơ lưu.

Quầy gánh ra đi

NGUYỄN SIÊU

Hướng về rừng núi xa, đôi cây xanh, Thầy quầy trên vai hai túi đồ, có lẽ một túi đựng đồ dùng cá nhân và túi kia là y hệu, đôi cuốn sách đọc... đếm từng bước trên con đường mòn của miền thôn dã. Đầu đội chiếc nón lá. Thân mặc áo khoác. Chân mang đôi dép mền, trông như một bộ hành trên con đường thiên lý không quán trọ để nghỉ chân. Thầy đi. Quầy gánh ra đi. Đi như một định mệnh. Một sứ mệnh. Một sự vận hành của quê hương, dân tộc. Hay đi là một khốn cùng của tâm thức bị vây hãm bởi bóng người. Bóng đêm của phố thị. Quầy gánh ra đi để thấy từng viên đá cuội nằm bên lề đường, chịu nắng mưa năm tháng. Để thấy hoa đồng cỏ nội chen chúc với đám lau xanh. Để thấy mây trời bay trên đầu và bụi đường hoàn đổi chân. Ra đi mới thấy núi cao, hùng vĩ. Mới thấy rừng xanh, cây xanh. Lá xanh. Thầy quầy gánh ra đi như một vượt thoát của dòng duy tư lâu đời bị kim hãm. Ra đi như một sự nổ tung của ý thức trước bóng đêm tăm tối. Ra đi để hòa quyện với hương rừng, sương đêm, nắng

sớm. Sự vùng dậy của ý thức như tiếng hú vọng về tử sườn non, vách đá, như tiếng gọi của núi rừng, một phương trời mộng còn cách xa.

Sáng nay, sương mù phủ kín miền cao nguyên. Những ngọn lá xanh cúi đầu thâm lặng. Trời không gió. Chàng nắng vàng. Sương đêm còn đầy đặc. Ngồi ngủ trước cổng chùa, Thầy vỗ đầu sư tử xin được tá túc qua đêm. Quấn mình trong chiếc y, co ro dưới bụng sư tử đá, như một gã ăn mày lang bạc, đầu đường, xó chợ đâu không phải là nhà - vô trụ xứ Niết bàn, hay tùy sở trụ xứ thường an lạc của một tâm hồn an nhiên, tự tại. Tùy duyên hóa độ, Bồ tát hóa thân dưới mọi hình tướng. Ngài Hàn San, Thập Đắc lưỡng đầu đà thường ăn cơm thừa, canh cặn của Tăng chúng, tối lại kéo nhau xuống nhà bếp ngủ, sáng thức dậy lang thang ngoài đường. Áo quần rách bươm, lem luốc. Người đời nhìn đâu có ai biết là hai vị Bồ tát hóa thân. Cõi đời ác năm trước này được gọi là Ngũ thú tạp cư địa hay còn gọi là

phàm thánh đồng cư độ. Người phàm, bậc thánh sống chung với nhau. Đâu ai phân biệt được Thánh phàm khi chưa chứng đắc lục thông - Thiên nhãn thông, để nhìn thấy và biết, đây là bậc quân vương nhưng còn qua nhiều tham, sân, dục vọng và đây là người cùng tử xin ăn, nhưng đã giảm thiểu quá nhiều đa tâm, tạp tưởng. Kể cùng tử ấy trở về ngôi nhà xưa để tiếp nhận gia tài. Đâu là phàm. Đâu là Thánh. Nhận diện tướng mạo, chân dung? Trục chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật. Văn học Thiên đã dạy như thế. Vô niệm. Vô ngôn. Vô sở trụ. Vô phân biệt.

Hành trang của Thầy hóa thân vào đời là vậy đó. Như Thầy đã nói trong lời "Gate Gate": *"Tôi đi lang thang theo đám mây trời, phương trời vô định. Bờ sông, hốc núi, đây cũng là chỗ vui thầy. Một chút duyên còn ràng buộc thì có cơ hội ngộ, đời này hoặc đời sau. Thị Ngạn Am vô trụ xứ, tàn thu, Tân Mão, 2555. 10/21/2011. Tuệ Sỹ."*

"Tôi đi" mà không phải anh đi, người ta đi hay ai đó đi. Lời nói này đã khẳng định chủ từ "Tôi". Tôi là biệt lập với anh, với em, với tất cả hình thù, dáng dấp mọi sự vật. Hữu tình. Vô tình. Động vật. Thực vật. Khoáng vật. Nhưng nếu bức "Tôi" ra, biệt lập với tất cả thì "Tôi" ấy cũng chẳng thành cái gì hết. Vì tương duyên, tương sinh. Do cái này có, nên cái kia có. Do cái này sanh, nên cái kia sanh. Do cái này diệt, nên cái kia diệt. Một chuỗi duyên sinh trùng trùng vô tận. Vậy "Tôi" của Thầy là "Tôi" trong vô lượng cái "Tôi". "Tôi" trong giáo pháp duyên khởi. "Tôi đi" có nghĩa là, "Tôi" duyên khởi đi. Duyên sinh đi. "Tôi" là triết lý sống của vũ trụ vạn hữu. "Tôi" là sự tự tồn của sự sự vật vật - nhân sinh và vũ trụ.

"Tôi" là tất cả, thì Thầy là tất cả. Tất cả là "Thầy". Sự liên hệ duyên sinh mật thiết nên vận mạng của quê hương, sứ mệnh của quê hương, sự hao mòn của tuổi trẻ, sự dơ đầy của dân tộc, chính là của chung tất cả, trong đó có Thầy. Nên *"Tôi đi chốn chinh sơn hà. Hồng rơi vánh đá mù sa thị thành"* là vậy. (Tĩnh Thất. 2000 -2001). Một khi đã khẳng định "Tôi đi" có nghĩa là những người khác không đi. Những người khác ở lại. Ở lại với "Tôi" của họ. Biết vậy, chúng ta thử coi cái "Tôi đi" của Thầy như thế nào. "Lang thang", "đi lang thang" có nghĩa là không điểm tới. Không điểm khởi đầu.





Không điểm chung cục. Đi như gió thổi bụi bay. Đi như gió cuốn hoa bay. Đi như gió đẩy mây bay. Đi tự nhiên. Đi mà tâm không cầu. Tâm không mong. Tâm không vướng bận. Tâm không ràng buộc bởi bất cứ cái gì. Đi bằng an nhiên tự tại. Hình dung hai chữ "*lang thang*" như kẻ không nhà. Vô trụ xứ. "*Lang thang theo đám mây trôi*" có nghĩa là "*đám mây trôi*" về đâu thì Thầy lang thang "*theo đám mây trôi*" đó. Mây trôi về phương Nam thì Thầy theo về phương Nam. Phương Tây. Phương Đông... lòng nhẹ như mây, bình bồng giữa hư không. Nói đến đám mây là nói đến sự không ràng buộc. Sự tùy thuận. Sự dễ hợp mà cũng mau tan, biến thái nhiều về hình tướng. Tùy duyên mà thành. Cũng tùy duyên mà tan. Hợp tan là lẽ thường tình.

Qua ý thứ hai của sự ra đi là "*phương trời vô định*". Không nhất định một phương trời nào. Tùy duyên thì đến mà cũng tùy duyên để đi. Thật là ngoạn mục cho một tâm tư phiêu bồng, nhẹ như mây và vô định phương trời. Chúng ta đọc lại *Ngục Trung Mị Ngử* sẽ thấy lại những tư tưởng này. Bài **Trách lung**:

"*Trách lung do tự tại
Tân bộ nhược nhàn du
Tiểu thoại độc cảnh hưởng
Không tiêu vĩnh nhật sâu.*"

Dịch:

Lồng chặt

"*Lồng chặt vẫn tự tại
Qua lại như nhàn du*"

*Nói cười chơi với bóng
Tiêu sái từ thiên thu"*

Khi xưa còn ở tù, mà vẫn tự tại, nhàn du, nói cười chơi với bóng. Nếu không có một chất liệu sống an nhiên, tự tại, vượt thoát tất cả mọi sự ràng buộc, kể cả cái chết, thì khó có được tâm hồn siêu thoát như vậy. Siêu thoát như "*đám mây trôi*", "*phương trời vô định*". Một tâm hồn lớn của bậc xuất trần.

Trong bài *Tự vấn*:

"*Vấn dư hà cổ tọa lao lung*

*Dư chỉ khinh yên bán ngọc
khung*

*Tâm cảnh tương tri kinh lữ
mộng*

*Cổ giao già tỏa diện hư
ngung."*

Dịch: Hỏi mình

"*Hỏi mình sao phải lao tù?*

*Song thưa cửa ngục có tù
được mấy?*

Kiên trì cuộc lữ vàng bay

*Lời xưa còn đó phút giây
không sờn."*

Song cửa tù không thể nhốt được mây. Cảnh cửa nhà tù không thể nhốt được tâm tư của Thầy. Vì tâm tư của Thầy nhẹ nhàng như mây. Vô trụ như mây, bình bồng như mây. Thờ mộng như mây. Cửa tù làm sao nhốt được tâm tư ấy. Mặc dù thân ở trong tù nhưng tâm thì ngao du sơn thủy, nay thì đỉnh núi nọ, mai thì gềnh biển kia. Thân bị nhốt trong tù mà tâm thì an nhàn, tịnh lạc như ở các cõi Thiên. Trong *Ngục Trung Mị Ngử*, bài thơ *Biệt Cẩm Phòng*:

"*Ngã cư không xứ nhất trùng
thiên*

Ngã giới hư vô chân cá thiên

Vô vật vô nhơn vô thậm sự

*Tọa quan thiên nữ tán hoa
miên."*

Dịch: Tù xa lim

"*Ta ở tầng trời Không vô Biên*

Nơi ấy tịnh nhiên Thiên thật

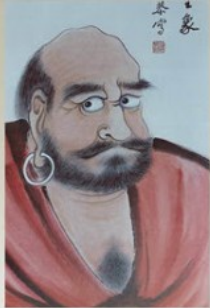
Thiên

*Không vật không người không
đa sự*

*Nhìn xem hoa vũ bởi tiên
thiên."*

Tất cả những ý trên là chân thân hằng hữu. Tâm thức tuyệt cùng của lý tánh nhất như. Vô trụ. Bất thủ như "*đám mây trôi*". Như "*phương trời vô định*". Một tâm hồn lớn. Tâm hồn của Bậc Đại Sĩ.

Đọc tiếp "*Gate Gate*" để thấy những hình ảnh, những ảnh tượng, những sắc thái. Hình thù đơn điệu, cổ liêu trên mặt đất. Hình ảnh ấy như là: "*Bờ sông, hốc núi, đầu cũng là chỗ vui thầy.*" Vui thầy có nghĩa là khóa lấp, chôn cất cái thân đã chết. Cái thân không còn cử động. Không đi. Không đứng. Không nằm. Không ngồi. Không biết thương yêu, thù tạc. Cái thân do tứ đại hợp thành bất động. Cái thân do ngũ uẩn hợp thành bất động. Thân chết. Thân vô tri. Vô giác. Nhưng tại sao Thầy lại nói "*Bờ sông, hốc núi, đầu cũng là chỗ vui thầy?*" Làm người đọc phải suy tư dữ lắm mới có thể hiểu đôi chút ý nghĩa của lời nói này. Tại sao khi chết - Thầy chưa chết, không ở một chỗ đằng hoàng, có vòng hoa phúng viếng, có liên đới chia buồn, có điệu văn phân ưu, có lời Kinh siêu độ, có quý Thầy môn đồ pháp quyến cầu nguyện siêu sanh Thượng Phẩm, mà phải "*vui thầy*" nơi "*bờ sông, hốc núi*"? Thì ra, cái chết là bình đẳng. Dù chết ở đâu. Chết trên long sàng. Chết trong nệm ấm, chăn êm. Chết trên giường bệnh. Chết dưới gốc cây. Tất cả cái chết đều giống nhau. Một ông vua chết giống như một người dân nghèo chết. Một anh hùng chết giống như một tên lính chết. "*Thông minh tài trí anh hùng, ngu si dại dột cũng chung một gò*". Có khác chi đâu. Nếu có khác chẳng, thì khác ở người sống. Nghĩa thứ hai là vô thường. Đang đi có thể chết. Đang ngồi có thể chết, và đang là có thể chết. Từ sự chết ấy nơi bờ sông, nơi hốc núi bằng tâm vô phân biệt của Bồ tát thì đâu cũng là nơi xả bỏ bảo thân tịch tịnh, Khi xưa đức Thế Tôn xả bảo thân nơi rừng Sa la Song thọ. Dưới những gốc cây Sa la trái mùa hoa nở.



Nhưng khi đức Thế Tôn thân nhập diệt, Niết Bàn vô dư thì hoa rừng nở rộ để cúng dường. Khi đức Thế Tôn quyết định nhập Niết bàn nơi rừng Kusinara - Câu Thi Na, thì bao chư vị Thánh đệ tử, bao nhiêu vua quan, đại thí chủ, thưa thỉnh đức Thế Tôn nên nhập Niết bàn trong thành Vương Xá, Ma Kiệt Đà... là những thành phố lớn có đông dân, giàu có, sang trọng, để cho Lễ trà tỳ, phần chia xá lợi được đông đảo người, chiêm bái, cầu nguyện. Nhưng đức Thế Tôn đã từ chối. Ngài nhập Niết bàn giữa vùng núi rừng thanh vắng. Thầy đã học theo cái hạnh của đức Thế Tôn. "Bồ song, hốc đá" là nơi thanh vắng. Nơi yên tĩnh, thích hợp cho sự xả bỏ báo thân, dưới cái nhìn của bậc Thượng sĩ. Một ý nghĩa khác mà chúng ta có thể hiểu, Thầy chẳng quan trọng gì cái chết. Nhẹ như lông hồng. Nhẹ như bông. Nhẹ như tuyết. Thân có sinh ra thì thân có chết. Chết là điều tất nhiên. Chết nơi phố thị kiêu sa. Lầu son gác tía. Nơi cung vàng điện ngọc, hay rừng vắng núi sâu. Tất cả đều chết. Với ý nghĩa chết này, Thầy đã bao lần nghĩ tới. Trong bài thơ Trầm Mặc:

"Anh ôm chông sách cũ
Trầm mặc những đêm dài
Xót xa đời lữ khách
Mệnh yếu thể mà hay"
(Giấc Mơ Trường Sơn)

Trong Giấc Mơ Trường Sơn, Thầy muốn "mệnh yếu thể mà hay" nhưng mệnh vẫn không yếu.

Cho đến thời gian ở tù, Ngục Trung My Ngữ, Thầy lại muốn "mệnh yếu" nữa, qua bài thơ Tác Thi Sư:

"Tự tâm tự cảnh tự thành chương
Tự đối bi hoan diệc tự thường
Tha nhật Nhan Hồi tọa tán ngẫu
Tâm ty cát đoạn tán thương thương."

Dịch: Làm thơ

"Cô độc canh tâm thơ tự xuất
Tự ngắm buồn vui tự thương
thức

Nhan Hồi gặp gỡ trong lòng
đất

Cắt nhỏ tơ tâm tung không
trung"

Mệnh yếu thể mà hay để gặp Nhan Hồi trong lòng đất. Vì Nhan Hồi - chết yếu. Còn Thầy thì đâu có "mệnh yếu" mà "thọ mệnh" để vượt lòng mi làm thơ. Trong bài *Mộng khứ mộng lai*:

"Bán niên cấm cố mộng thành ty
Đạp biển giang hồ phóng nhiệm
quy
Mộng khứ mộng lai thân ngoại
vật
Mộng tàn ngốc tọa bát trường
mì."

Dịch: Mộng đến mộng đi

"Nửa năm cấm cố thanh tỳ
Đi khắp non sông giảng
huyền cơ

Mộng đến mộng đi thân
thành mộng

Mộng tàn kẻ vượt mi làm
thơ."

Vượt mi làm thơ để lại cho đời thưởng thức những đêm đen lộng gió. Những buổi chiều tà hoàng hôn buông phủ. Những bọt sóng nhấp nhô gào thét giữa đại dương. Những đỉnh núi cao. Những gành biển sâu. Những hàm tàng một "nguồn thơ thâm viễn u u..." Do vậy, thi sĩ Bùi Giáng đã đề nghị sau khi đọc bài Khung trời cũ: "Tôi hoảng vía đề nghị: Đại Sư nên gác bỏ viết sách đi. Và làm thơ tiếp nhiều cho, nếu không thì nên thi ca Việt mất đi một thiên tài quá lớn." Vậy, sự sống, sự chết nơi đây được coi như là huyền, mộng, bào, ảnh của pháp hữu vi, thì sá gì "bồ song, hốc núi" đâu chẳng là nơi Bồ tát xả báo thân. Như Tôn giả A Nan bay lên hư không, ở giữa sông Hằng dùng lửa Tam muội thiêu thân, tro rơi xuống sông Hằng trôi ra đại dương tan biến hòa nhập vào bản thể thiên nhiên, vũ trụ và cuối cùng của lời "Gate Gate" là câu kết rất có hậu. Rất có tình.

Có nghĩa. Có lòng thương tưởng của hạnh nguyện độ sinh. Của tâm Bồ tát cứu khổ độ mê mà không quay lưng bỏ lại mặc ai sống ai chết. "Chút tình mang xuống tuyến đài chưa tan." Tan sao được khi mà hạnh nguyện độ sinh chưa tròn "chúng sinh độ tận, phương chúng Bồ đề." Do vậy mà: "Một chút duyên còn ràng buộc thì có cơ hội ngộ, đời này hoặc đời sau." "Một chút duyên" ấy nhưng nó mãi miên man đến vô cùng, vô tận. "Cái phút ban đầu lưu luyến ấy, ngàn năm chưa dễ đã ai quên." Hay "Cái tình là cái chi chi, đầu chi chi cũng chi chi với tình." Ấy là chuyện thể nhân nói nghe vui chơi. Còn cái "duyên" của Bồ tát thương chúng sanh còn nặng nhiều hơn nữa. Còn lâu dài "ràng buộc" nhiều hơn nữa, thì đầu thể gọi là "có cơ hội ngộ" mà là hạnh nguyện độ sinh. Là bốn phận. Là trách nhiệm. "Đời ác nằm trước, con xin nguyện vào trước, để độ chúng sinh. Ngày nào còn có một chúng sinh chưa được hóa độ, thì con nguyện không chúng nhập quả vị Nê-hoàn." Lời của Ngài A Nan thưa thỉnh nơi đức Thế Tôn chứng minh. "Một chút duyên" mà tự tánh muôn trùng. Ràng buộc "chút duyên" ấy như mắc lưới để châu, phạm vông. Chút duyên "sinh vô lượng duyên." "Có cơ hội ngộ" hay vô lượng lần hội ngộ, cho đến cùng tận biên tế thời gian và vô cùng của không gian. Do vậy, "có cơ hội ngộ, đời này hoặc đời sau" chỉ là ngôn từ để nói. Để phô diễn. Để đùa giỡn của cái hữu hạn với cái vô cùng mà thôi. Phương tiện để nói nhưng cứu cánh không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn ở chỗ, Thầy nói:

"Lặng lẽ nằm im dưới đáy mồ
Không trăng không sao mộng
vẫn vơ

Tại sao người chết, tình không
chết?

Quay mấy vòng đời môi vẫn
khô"

Thân xác "nằm im dưới đáy mồ", có nghĩa là con người đã chết. "Tại sao người chết" còn "tình không chết" vì tình ấy là Đại bi tâm. Tình ấy là Từ bi tâm, Bồ đề tâm. Giải thoát tâm... làm sao chết được. Nếu "tình" cũng chết theo "người" thì "tình" ấy là "tình" của thế gian. Của nhơn ngã bỉ thử. "Tình" của sự so đo tính toán. "Tình" sai biệt trong dòng đời sinh diệt. "Tình" hơn thua. "Tình" hận thù. "Tình" cho đi và muốn lấy lại.

Đây là đôi dòng nói vắn vơ của hình tượng ngôn ngữ. Còn cái gì muốn nói thì không thể nói. Dù



muốn nói về "đám mây trôi", "phương trời vô định", "đời này", "đời sau", hay "một chút duyên có cơ hội ngộ". Tất cả là thế ấy. Từ từ, chậm rãi của sự suy tư!

Giờ này, người viết thấp ba cây hương cắm vào lư hương để trước mặt. Ngồi ngắm làn hương quện tỏa, lan dần, lan dần rồi tan vào hư không. Ba cây hương đã cháy hết hơn nửa, mà cứ đọc tới đọc lui lời của người tường thuật về chuyến đi của Thầy. Đọc hoài mà nghĩ không ra. Càng đọc càng bí lối. Vồn vện chỉ có bảy, tám hàng chữ viết mà sao thấy nó mênh mông vô tận. Mênh mông ở chỗ người hiện thân vào cát bụi để gần gũi với cát bụi. Và vô tận ở chỗ là một thân mà liên hệ đến vô lượng thân. Sự mênh mông, vô tận của người tường thuật: "Em nói nó bình thường đến mức mình không tưởng tượng nổi là ý nghĩa như vậy: đúng nghĩa "giang hồ"! Chị tưởng tượng được không, em gặp lại một ông già râu xồm xoàm, mặc áo mưa, đầu đội nón lá, vai gánh cây gậy tre (ông lượm được dọc đường) một đầu là cái giỏ nylon để cái vòng và mấy thứ linh tinh, đầu kia cái dây thầy tu đựng y và sách! Nghe ông kể chuyến đi mà rung mình không hiểu sao ông chịu đựng nổi, cứ như một quyển tiểu thuyết. Ông đi bộ trung bình mỗi ngày 30 km, qua các đoạn đường đèo, đường

rừng, tối ngủ đình, miếu cô hồn, có hôm nằm ngủ trên sạp bán bún riêu khi người ta đã bán xong và dọn hàng về. Có đêm ngủ trong chòi kiếm lâm trên rừng, có đêm ngủ bên xe bị bảo vệ ra đuổi, lại xách gói đi tiếp.v.v... Nhưng mừng là ông rất khỏe, da rậm nắng nhưng hồng hào, nét mặt tươi rất thanh thần thoải mái, và đặc biệt giọng nói rất mạnh, to, chứng tỏ một nội lực được tích lũy lớn."

Lò hương đã lụn. Khói hương đã tan. Tàn hương đã nguội mà bao hình ảnh cứ lũ lượt kéo về trong tâm tư. Một ông già râu tóc dài. Đầu đội chiếc nón lá rộng vành. Vai quây gậy trúc. Thân người mảnh khảnh như thân cây sậy - cây sậy có tư tưởng, lang thang trên khắp nẻo đường. Khi thì ngồi nơi góc chợ, để xem người đi qua, lúc thì ngủ nơi miếu cô hồn bên vách núi. Có phải là hóa thân của Bồ Đại Hòa Thượng, của Bồ tát Quán Thế Âm, của Đại Tạng Vương Bồ Tát chống tích trượng vào ba đường ác mà thể hiện lòng từ, thương người, cứu vật, chia sẻ nỗi khổ đau trong đời. Rồi lắm lúc ngồi tựa dưới gốc cây, bên bờ suối mà ngắm mây trôi, trong rừng già mà nhìn lá rụng, bên dòng sông thấy nước lững lờ. Bên đồng rạc thấy trẻ mưu sinh và còn nhiều hình ảnh ẩn tàng trong tâm thức của ông già râu tóc xồm xoàm ấy. Một trong những hình ảnh lưu lộ và luôn tuôn chảy dạt dào trong lòng của Thầy là ý thức để nhận chân tuổi trẻ, một năng lực sinh tồn mãnh liệt của dòng sử mệnh Phật Việt và Tộc Việt. Thầy viết trong "Suy Nghĩ Về Hướng Giáo Dục Cho Tuổi Trẻ" như sau: "Tuổi trẻ học Phật không có mục đích trở thành nhà nghiên cứu Phật học, mà học Phật là tự thực tập khả năng tư duy bén nhạy, linh hoạt, để có thể nhìn thẳng vào bản chất sự sống. Cho nên, sự học Phật pháp không hề cản trở sự học thế gian pháp; kiến thức Phật học không xung đột với kiến thức thế tục. Duy chỉ có điều khác biệt, là học Phật khởi đi từ thực trạng đau khổ của nhân sinh để nhận thức đâu là hạnh phúc chân thật. Bị và trí là đôi cánh chắc thật sẽ nâng đỡ tuổi trẻ bay lượn vào suốt không gian vô tận của đời sống."

Quầy gánh ra đi không phải chỉ riêng cho mình, mà ra đi chung cho một vận hội, dù sự ra đi ấy có vùi thây nơi "bờ sông", "hốc núi." Sự quầy gánh ra đi là

thể hiện lòng yêu thương cho mình, cho người. Ra đi như bỏ lại bụi đường sau lưng, hướng về núi xanh phía trước để sống với cái hồn nhiên. Thiên nhiên. Man nhiên như tự thuở nào. Tự thuở tâm người thánh thiện. Lòng người chân như. Bức thư gửi Gia đình Lam, đã gói trọn tình yêu thương, tính bất biến của Phật pháp được diễn đạt trong bức thư ấy. "ACE thân mến, Xuân muộn, hoặc xuân trễ. Tùy theo mùa mai nở. Mà cũng còn tùy ước hẹn của tình riêng. Muộn hay trễ, tôi vẫn muốn gửi đến Anh Chị, trong và ngoài Gia đình Lam một cành mai. Gốc mai già cỗi. Tương truyền cũng đã mấy ngàn năm. Giữa mùa đông giá lạnh, trong đêm đen, ngoài kia sương rơi, hay mưa bão, không biết. Tôi giặt mình như gốc mai già. Vội vã lần ra trước sân. Gốc mai già vẫn còn đó. Bè một cành hoa để dành bằng hữu. Lỡ khi sương gió không thương tình, thì mình còn giữ được chút tình nào, để tặng những người mình yêu?"

Thao thức chờ mặt trời mọc. Tôi mang cành mai ra tặng Mặt trời. Bây giờ, tôi còn mơ hay đã tỉnh, để khi nhìn lại, cành mai trong tay thật, hay giả, mà chỉ có sắc, không hương? Thật hay giả, soi bóng mặt trời, vẫn không nhận thức được. Nhưng dù thật hay giả, tôi vẫn gửi đến Anh Chị. Vì, ngoài cái thật, và cái giả, còn có một tấm lòng!" (Trước cổng vườn xuân Tân Ty - Tuệ Sỹ - Đình Tiền Tạc Dạ Nhất Chi Mai)

Quầy gánh ra đi trên đôi vai gầy. Trên thân mỏng manh, gầy guộc, nhưng trong tâm thức tồn trữ một lượng sống người nhấp nhô, hùng vĩ, xô dạt, phá tung mọi thành trì ngăn chặn, như vách đá, tường đồng, để hiện thân trên cánh đồng hoang lổ nhô những dấu chân người của thời tiền nhân. Quì xuống, gào thét cho bùng vỡ cuộc say của nhân thế. Cho đêm trường tỉnh mộng đi hoang, mà vực dậy những gì đã mất. Lấy lại những gì đã vượt ra khỏi tầm tay cho một quê hương, dân tộc nhiều đau đay.

Một lần quầy gánh ra đi, để rồi không đi nữa. Vì đã có một quê hương thanh bình. Quê hương đó được tưới tắm bằng tình yêu thương chân thật. Bằng lý tưởng sống thanh cao. Bằng phẩm chất Phật tử bi, hỷ xả.

Nguyễn Siêu



ANH THỢ CẮT NHÀ

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)



— như vậy thì làm sao gọi là “của ta” được? Chúng ta có thể nhớ lại, khi đức Phật thành đạo, ngài đã nói lên một bài kệ bất hủ — ngài nói với “người làm nhà” nghĩa là người xây nên căn nhà ngũ uẩn, bằng các chất liệu của Vô minh, Ái Dục, Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi v.v... Đây là những Phật ngôn đầu tiên khiến cho Trời, Người đều tán thán và cảm phục:

*Như Lai đã chứng nghiệm quả Vô Sanh bất diệt
Và Như Lai đã tận diệt mọi Ái dục...*

Thưa Anh Chị Em,
“Anh thợ cắt nhà” này ở đâu? — chính là ẩn tàng trong mọi người chúng ta — Đó chính là Ái dục, thành phần cốt lõi làm nền tảng của căn nhà, chính vì Ái dục mà chúng sanh đời đời trôi lăn trong biển Sinh Tử... Cái sườn của căn nhà chính là những tâm bất thiện: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Tà Kiến, Phóng dật, v.v... Cây đòn dông của căn nhà là Vô minh. Đức Phật đã bằng Trí Tuệ phá vỡ được Vô minh nên đã phá sập được căn nhà ngũ uẩn.

Bước đầu, chúng ta hãy tập bỏ thói quen nói và chấp “Ta” và “của ta”... rồi tập quán chiếu từ vật chất đến tinh thần... từng món trong Thân/Tâm để thấy được “vô ngã” ở mặt ngoài, rồi từ từ đi sâu hơn: mỗi chúng ta sẽ tự thấy được không chỉ là con người mà tất cả mọi sự vật, hiện tượng trong đời này đều “vô ngã” như vậy, tất cả đều do nhân, duyên sinh...

Thân kính chúc Anh Chị Em và gia đình sức khỏe và an lạc.

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Có một anh bạn kia, sau một tai nạn giao thông thân thể bị dập nát nhiều chỗ, may thay chiếc chân gãy nát đã được ghép vào bằng một chiếc chân lành mạnh do một người chết hiến xác. Được đi lại bình thường, anh ta rất vui nhưng mỗi lần nhìn đến cái chân thì anh ta lại thấy rờn rợn vì nghĩ đến người đang nằm dưới mộ... mà cái chân lại ở đây! Một hôm tự nhiên thấy sợ quạ, anh hốt hoảng chạy lên chùa kể cho sư phụ của mình nghe về cảm tưởng dễ sợ trong lòng.

Sư phụ hỏi: “Con cho rằng chỉ có cái chân đó không phải là của con thôi sao? Con hãy xem kỹ lại đi, cái gì trong thân và tâm con là “của con” nào? ta đợi câu trả lời của con đây!”

Anh ta chợt tỉnh ngộ, nào có cái gì là “của ta” trong thân và tâm này đâu? —Nếu anh bạn này là một Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử thì anh sẽ không lo nghĩ viễn vông và sợ hãi vô lối như vậy! Vì anh chị em chúng ta đều học qua ngũ uẩn rồi! Thân tâm này chỉ là một tập thể của năm thứ hợp lại: Sắc (body, form), Thọ (feelings), Tưởng (perception), Hành (mental formation), Thức (consciousness) — chúng hợp lại không do lệnh của “ta” và tan rã cũng không theo ý muốn của chúng ta; chúng hợp lại thì chúng ta “có” mà chúng tan rã thì chúng ta “không có” hay “mất” — không do ý muốn của chúng ta

*Xuyên qua nhiều kiếp sống trong vòng luân hồi,
Như Lai đi lang thang, đi mãi, đi mãi...
Như Lai mãi đi tìm mà không gặp
Như Lai đi tìm người thợ cắt cái nhà này.
Lập đi lập lại đời sống quả thật là phiền muộn
Này hỡi người thợ làm nhà,
Như Lai đã tìm được người
Từ đây người không còn cắt nhà cho Như Lai nữa
Tất cả sườn nhà đều gãy
Cây đòn dông của người dựng nên cũng bị phá tan*





Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

NGHỆ THUẬT SƯ PHẠM TRONG NGÔI NHÀ LAM



Thưa Anh Chị Em Lam Viên
bốn phương,

Giáo dục GDPT ngày xưa cũng đồng dạng với nền giáo dục trong nhà trường—có phần nào theo tinh thần “quân sư phụ” của giáo dục Khổng Mạnh, nghĩa là chú trọng nhân, lễ, nghĩa, trí, tín và “kính lão đắc thọ” (kính trọng người lớn tuổi) v.v... Khi quan điểm giáo dục Khổng Mạnh gặp nền văn minh Tây phương thì sinh ra một sự “xung đột” vì khác biệt, cho nên sau năm 1975, khi làn sóng người tị nạn Việt Nam đến các nước Âu Tây thì vấn đề khác biệt giữa các thế hệ (cha mẹ/con cái) trở nên trầm trọng.

Thật ra sự khác biệt do khoảng cách tuổi tác (generation gap) cho dù trong cùng một nền văn hoá cũng đã xảy ra từ những năm 60, nhưng nó càng rõ nét hơn trong những đại gia đình Việt Nam sinh sống ở hải ngoại.

Chúng ta không đủ khả năng bàn đến vấn đề rộng lớn này trên qui mô xã hội, mà chỉ khoanh vùng trong tổ chức GDPT chúng ta mà thôi.

Thưa Anh Chị Em,

GDPT chúng ta là một tổ chức giáo dục Thanh Thiếu Nhi, gồm Bác Già Trưởng, Huynh Trưởng, và Đoàn sinh nên gồm đủ mọi tầng lớp xã hội, đủ mọi lứa tuổi... thế nhưng chưa bao giờ có chuyện “xung đột” giữa các thế hệ, đó là vì sao? — Xin thưa vì một trong những đặc điểm của giáo dục GDPT là tính khai phóng

và tính tự giác, kèm theo những phương pháp giáo dục Phật giáo: Lắng nghe, quán chiếu và thực hành...

Là một nền Giáo dục khai phóng nên Giáo dục GDPT không chỉ đóng khung trong luân lý Á Đông mà vẫn cho các em tiếp xúc, tìm hiểu và làm quen với những phong tục tập quán Tây Phương để thu thập những cái hay, cái đẹp, cái mới của họ; dạy các em biết lắng nghe, suy nghiệm và thực hành; nếu thấy có lợi ích thì mới áp dụng trong đời sống; nói theo danh từ Phật giáo là Văn, Tư, Tu.

Từ Huynh trưởng đến Đoàn sinh đều có Giới, Luật phải tuân theo nên không thể có “xung đột” giữa các thành viên mà chỉ có “Anh bên Em, Em bên Chị... vui làm” để xây dựng đơn vị vững mạnh mà thôi. Vì được giáo dục không để bị chủ nghĩa cá nhân chi phối (tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách) nên các em ngay từ nhỏ (lứa tuổi Oanh Vũ) đã học tập tinh thần vô ngã qua hành động:

**Em tưởng nhớ Phật
Em kính mến cha mẹ và
thuận thảo với Anh Chị Em
Em thương người và loài vật**

“Chủ từ” là “EM” nhưng những việc em làm không vì riêng mình mà vì lợi ích của tập thể (gia đình, xã hội, chúng sanh); đó là lý do tại sao tuổi trẻ GDPT được huấn luyện không háo thắng, không ganh tị, không kỳ thị không coi thường cha mẹ cho dù ở Trường, ở Đoàn, v.v... các em học được những điều mà đôi khi có nhiều bậc cha mẹ cha mẹ không hiểu được. Tất nhiên, bất cứ ở đâu và vào thời đại nào cũng có những thành viên cá biệt—những con “ngựa chứng”—nhưng điều này rất ít thấy trong GDPT.

Thưa Anh Chị Em,

Chúng ta phải tự hào về điều này: trong tổ chức chúng ta, chỉ kể đến ngành Thanh thôi, chưa nói đến Thiếu và Oanh Vũ, đã có đủ 4 thế hệ, theo sự phân chia

của các quốc gia Tây phương ngày nay, đó là:

- 1) **Thế hệ thứ 1: những Huynh trưởng cao niên** sinh từ 1923 đến 1943 (từ 70 đến 90 tuổi)
- 2) **Thế hệ thứ 2: những Huynh trưởng trung niên và trẻ** sinh từ 1944 đến 1964 (từ 49 đến 69 tuổi)
- 3) **Thế hệ thứ 3: những Huynh trưởng trẻ**, thành thạo kỹ thuật hiện đại, rất năng động, sinh từ 1965 đến 1979 (từ 34 đến 48 tuổi)
- 4) **Thế hệ thứ 4: thế hệ này rất đa dạng, thuộc lứa tuổi ngành Thanh và Huynh trưởng rất trẻ**, tự tin, thực tế, lạc quan và phần đông sinh ra và lớn lên ở hải ngoại, ảnh hưởng chủ nghĩa cá nhân nhiều hơn, sinh từ 1980 đến 1994 (từ 19 đến 33 tuổi).

Như vậy, GDPT chúng ta có thể coi như một ngôi nhà đông hơn cả “ngũ đại đồng đường” vì gồm có 5 thế hệ sống chung hòa bình dưới cùng một mái nhà LAM, không có xung đột vì cùng chung một lý tưởng, cùng theo một mục đích mà không cần hưởng một lợi lộc vật chất nào cả. Lý tưởng là thành tựu một quốc độ sống và thực hành Phật Pháp, mục đích là hướng dẫn dắt em đi theo lý tưởng của mình. Trong ngôi nhà Lam, những Anh Chị Huynh trưởng lớn luôn lắng nghe ý kiến mới mẻ, những sáng kiến về khoa học, kỹ thuật đem áp dụng vào sinh hoạt GDPT... của những Huynh trưởng trẻ, còn những Huynh trưởng trẻ luôn vâng lời Anh Chị lớn về những kinh nghiệm, sự khôn ngoan, về cách giữ gìn, phát triển những nét đẹp truyền thống của đạo Phật, của nền văn hoá dân tộc Việt, v.v... để, dù sống nơi đâu cũng không quên nguồn gốc của mình, nòi giống của mình...

Chính vì vậy, mặc dù sự khác biệt về tuổi tác có thể tạo nên những khác biệt về tâm lý, hành động và đối xử, nhưng trong GDPT vẫn được trên thuận dưới



hòa, như châm ngôn Hòa Tin Vui của ngành Oanh Vũ vậy. Ngoài ra Huỳnh Trưởng trực tiếp sinh hoạt và điều khiển Đoàn sinh luôn có độ tuổi thích hợp chứ không bao giờ có chuyện một Huỳnh trưởng 60 tuổi làm Đoàn trưởng sinh hoạt thường xuyên và điều khiển đoàn Oanh Vũ 6, 7 tuổi cả!

Mỗi thế hệ cách nhau từ 20 đến 30 năm là thời gian trung bình để con người lớn lên và thật sự trưởng thành (cũng giống như Khổng Tử đã nói “tam thập nhi lập” —30 tuổi là tuổi trưởng thành— vậy!).

Do đó, vấn đề “xung khắc hay “xung đột giữa các thế hệ” (generation gap) là vấn đề đã và đang xảy ra ở cả hải ngoại và quốc nội, có khi rất trầm trọng, nhưng trong GDPT chúng ta thì điều ấy không xảy ra. Mỗi người chúng ta luôn làm mới chính mình, làm mới các phương pháp giáo dục truyền đạt của tất cả các bộ môn, để các em tiếp thu dễ dàng: dễ học, dễ hiểu, dễ nhớ... từ các bài hát, các trò chơi, cho đến các bài học về Phật Pháp, Chuyên Môn, Hoạt Động Thanh Niên, v.v... sao cho các em có cảm tưởng “Học mà Chơi, Chơi mà học” đó chính là nghệ thuật sư phạm, là đề tài để suy gẫm của người Huỳnh Trưởng GDPT thế hệ hôm nay.

Thân kính chúc Anh Chị Em Huỳnh Trưởng một Mùa Trăng Trung Thu tràn đầy hương Đạo, và một tuần lễ an lạc, thanh thoi.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam

DANG GẦN LẠI

*Đang mở ra những khung cửa sổ
Đang thức dậy. Con đường. Nhà. Phố
Dưới bước chân đang gần lại của bạn mai
Đang mở ra những điều tôi thấy
Đang mở ra trang giấy
Dưới bước chân đang gần lại của tôi
Dường như
Đó là những bước chân
Đang đi dần tới hạnh phúc*

ANH CÓ NGHE KHÔNG

*Trong tình cờ gặp
Trong xô xao tìm
Trong khoái cảm rơi
Đôi khi chỉ một chớp xanh
Tôi hòa âm màu sắc
Đôi khi chỉ là bọt bong bóng
Tôi vỡ mình sóng dâng
Đôi khi trong khoảnh khắc lửa
Những ngôi sao ánh sáng vỡ
Là điều... anh có nghe không*

TRÊN ĐƯỜNG

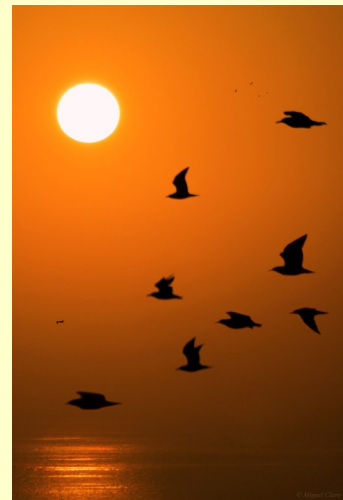
*Ôi tiếng hót của chim
Phả ban mai bước nhảy

Ôi tiếng nở của hoa
Đất từ hương thức dậy

Ôi tiếng reo của nắng
Lựa vàng trời ngày thơm

Ôi tiếng đi của bước
Ngàn ấy những hạt sương

Ôi tiếng thầm của lệ...
Mà dậm xa, con đường*



NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC

Nguyên tác: “THE BLUEPRINT OF HAPPINESS” by Ven. ANOMA MAHINDA

Người dịch: HT. Thích Trí Chơn

(tiếp theo kỳ trước)

NHỮNG DẤU HIỆU CỦA SỰ SỐNG

Những Dấu Hiệu Của Đời Sống đôi khi được biết như Tam Pháp Ấn, là những định luật bất biến chi phối tất cả mọi chúng sanh. Ba Pháp Ấn hay định luật này là *Anicca*, *Dukkha*, và *Anatta*. Chúng có nghĩa là Vô Thường, Khổ và Vô Ngã (không có Ta hay Linh Hồn). Mọi chúng sanh, không trừ ai, đều bị ba pháp ấn này chi phối. Chúng tạo thành các định luật tự nhiên của thế giới vật chất và rất khoa học trong mọi lãnh vực.

Anicca, hay thuyết vô thường, vượt quá phạm vi của những chúng sanh, và được ứng dụng vào mọi vật trong vũ trụ. Không vật gì có hình dáng mà có thể tồn tại lâu dài. Sớm hay muộn, nó sẽ bị hư mòn, nứt rạn, hủy diệt hay tan rã, tạo thành vật chất; để từ đó một hình thức mới được sinh ra. Định luật này hoạt động không có giới hạn, từ hạt bụi nhỏ nhất đến hành tinh vĩ đại nhất trong vũ trụ.

Mọi vật ở trong tình trạng luôn luôn thay đổi liên tục, sinh ra rồi mất đi. Không có vật gì duy trì được trong giây lát, cho nên không vật thể nào có thể tồn tại thường còn. Chỉ qua con mắt của chân tâm (mind's eye), chúng ta mới thấy tưởng tượng như yên tĩnh và không thay đổi. Còn tất cả hiện tượng và định luật thiên nhiên đều là kết quả của dòng sinh diệt và biến đổi này.

Dukkha, hay khổ đau đã được giải thích ở phần Tứ Diệu Đế. Tuy nhiên, nó sẽ hữu ích để suy xét tại sao tất cả mọi người luôn luôn không thấy rõ sự khổ. Con người như chúng ta biết dù họ đã trải qua “cảnh sống địa ngục” trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời thường làm chúng ta kinh ngạc, khi chúng ta nghe họ bảo rằng đời sống (kiếp người) xét cho cùng, là không quá khổ đau.

Để tìm hiểu thái độ kỳ lạ này, và cũng rất phi lý là những kẻ đau khổ nhất thường là hạng người ít mong tìm cách thoát khỏi sự khổ, chúng ta cần phải xét đến khía cạnh lừa dối ở nội tâm (con người).

Có vấn đề máy móc đáng chú ý ở nơi tâm niệm khiến chúng ta quên hết mọi điều và những kinh nghiệm khổ đau. Chúng ta hãy lấy bất cứ ví dụ cá nhân nào vào lúc đau khổ hay phiền muộn nhất và rồi so sánh chúng ở giai đoạn khác sau đó.

Ông A vừa cãi nhau với người bạn gái của ông ta. Trước mặt mọi người, ông tỏ ra như không chịu đựng nỗi sự buồn khổ. Khi các bạn bảo hy vọng ông sẽ sớm tìm lại nguồn vui, ông trả lời rằng ông muốn chết. Riêng ông nhận thấy vào lúc buồn nản đó, ông sẽ không bao giờ, không bao giờ quên nỗi đau đớn ấy được.

Vài tuần sau, chúng tôi gặp lại ông A, nhưng ông không còn để lộ vẻ mặt buồn rầu và đau thương của mấy tuần trước nữa. Ông ta giờ đây đang vui cười, và bộ mặt sầu khổ đã biến mất. Vì ông đã có trong vòng tay ông một cô bạn gái mới.

THE SIGNS OF LIFE

The Signs of Life, sometimes known as the Three Characteristics, are the immutable laws which conditions all beings. These three Signs, or laws, are, *Anicca*, *Dukkha*, *Anatta*. These mean Impermanence, Suffering, Without Self or Soul. All living beings, without exception, are subject to these three characteristics. They constitute the natural laws of the physical world and are scientific in all their aspects.

Anicca, or impermanence, goes beyond the scope of living beings and applies to everything in the universe. Nothing which takes form can endure for eternity. Sooner or later it will be worn away, broken, destroyed or disintegrated, providing the material from which new forms come into being. This law operates without limit, from the tiniest grain of dust to the largest star in the universe.

Everything is in a constant state of flux, coming into being and passing away. Nothing is still for a moment and therefore nothing can be enduring or permanent. Only in the mind's eye do we conceive things as still or stationary. All phenomena and all natural laws are the result of this flux or movement.

Dukkha, or suffering, has already been discussed under the Four Noble Truths. It will, however, be of value to consider why suffering is not always so obvious to all human beings. People, whom we know have been through 'livinghell' in the manifold aspects of life, often astound us when we hear them say that life is not so bad after all.

To understand this strange attitude, and also the incongruity that those who suffer most are seldom the ones who are seeking an escape from suffering, we must consider the delusive instrument that the mind can be.

There is a very interesting mechanism in the mind which makes us forget unpleasant things and experiences. Let us take any single individual at the moment of great suffering or sorrow and compare them in a later period.

Young Mr. A has just had a quarrel with his girl friend. He makes himself unbearable to everybody by his misery. When his friends tell him he will soon recover from his sorrow, he responds with a desire for death. He alone knows, in that moment of anguish, that he will never, never, recover from his grief.

A few weeks later we meet Mr. A but he no longer presents the sad and abject figure of a few weeks ago. He is now smiling and is anything but a picture of unhappiness. He has a new girl on his arm.

Let us turn to Mrs. B. Her face is red, her eyes are swollen and every few moments she gives vent to a pitiful howl. The mother of Mrs. B, subject to the law of impermanence, has just died. Her loving

Một ví dụ khác về bà B. Mắt bà đỏ với cặp mắt sưng lên, và giờ phút nào bà cũng trút ra lời kêu gào thảm thiết. Thân mẫu của bà B, theo luật vô thường, vừa mới qua đời. Bà B luôn luôn đau khổ, và bà không bao giờ thích điều đó. Bà nói với những người quen "Bạn có thể mai táng tôi luôn đi," vì "Tôi không muốn sống mà không có mẹ." May mắn là không ai nhận làm theo lời bà B yêu cầu, và bà vẫn tiếp tục sống để nguôi quên (nỗi buồn).

Sáu tháng sau, bà B đưa giỡn về đám tang và ngay đến "bà mẹ già quá cố" của mình.

Ồ! Đây là trường hợp bất hạnh khác, vội vàng xảy ra trên đường phố. Ông C, người đã bị lôi cuốn theo cuộc sống, tự thấy mình đi làm trễ. Vì biết người chủ hãng dùng đồng hồ chính xác để kiểm soát sự đến và về của ông, nên ông đã gấp rút đi nhanh quá mức bình thường mong cố gắng bù lại thời gian đã mất. Trong lúc vội vã rui ro vượt qua đường phố, ông đụng phải một người khác, cũng đã phải bon chen - vì sự sống, nhưng có phần lợi hơn là đang lái một chiếc xe nhỏ. Mặc dù tai nạn xảy ra chớp nhoáng, kết quả thật bị đất cho ông C, người đã chịu thiệt thòi tổng quát là, với một cánh tay gãy, một chân gãy, nhiều xương sườn bị dập nát, chưa kể đến các vết cắt, thương tích trên người, làm tăng thêm màu bi đát cho cảnh buồn thảm này.

Người tài xế chiếc xe nhận thấy rằng, sự lái xe nhanh của mình cũng là một khí giới giết người, và ông hứa nguyện sẽ không bao giờ lái ẩu như thế nữa. Ông ta nghĩ tưởng chắc rằng ông C sẽ chết, và chính ông là kẻ sát nhân, giết hại một người đã có gia đình đông con.

Những tháng sau, ông C ra khỏi bệnh viện và bình phục, với một phần tiền bạc của ông đã phải chi ra qua hãng bảo hiểm. Ông đang cười, bồn chồn về những người đại khờ tưởng rằng ông sẽ chết, nhưng giờ đây họ đã quên điều đó, và ngay cả ông C cũng vậy. Sự khốc lốc, than van không còn nữa, và nụ cười đã nở trên môi ông.

Người lái xe cũng biểu lộ một thái độ khác với tâm trạng trong ngày xảy ra tai nạn. Giờ đây, ông đang vui cười và ăn uống với những bạn bè (lái xe) của ông, và thuật lại cho họ nghe câu chuyện "người khách bộ hành đã đi xa."

Giờ này buồn thảm, phút sau lại cười. Điều gì đã xảy ra cho những người đó? Tại sao thảm họa ngày hôm nay có thể trở thành trò vui đùa cho ngày mai? Câu trả lời dĩ nhiên là do sự biến đổi huyền diệu nơi tâm niệm (con người) đã khiến chúng ta quên hết mọi điều. Nếu tâm chúng ta không có khả năng làm như vậy, chúng ta sẽ đánh mất sự sống và lý trí, vì tâm con người không thể chịu đựng sự khổ đau như thế, suốt tuần này đến tuần kia, và tháng này qua tháng nọ. Cho nên, khả năng này của tâm thức, nhằm bảo vệ sức khỏe và sự lành mạnh của chúng ta, đã đánh lừa khiến chúng ta nghĩ tưởng rằng cuộc đời là hạnh phúc hơn thực tế (khổ đau) của nó. Vào lúc tốt cùng của đau khổ, con người hoàn toàn nhận thức được sự phù du và vô nghĩa của cuộc sống; nhưng khi nỗi buồn khổ qua đi, và đã hoàn toàn quên hết, lúc ấy, cuộc đời với mọi đối trá của nó, lại phơi bày một hình ảnh khác hẳn.

Thiên định giúp tâm của ta giác ngộ được sự chân thực của đời sống và diệt trừ hết những điều giả dối này.

Sự khổ, trong cuộc sống, xuất phát từ ba nguyên nhân chính:

- a) Con người xung đột với thiên nhiên.
- b) Con người tranh đấu với những kẻ khác; và



daughter has often been unhappy, but never quite like this. "You can bury me too," she tells her audience, "I don't want to live without mother." Fortunately they do not concede to her request and she lives to recover.

Six months later she is cracking jokes about the funeral and even about the 'old lady.'

Ah! Here is another unfortunate case, hurrying along the road. This is Mr. C, who, caught up in the wheel of life finds himself late for work. Since his employer keeps a well-oiled clock to check his coming and going, it becomes necessary to move beyond the normal hurried pace and try to make up the lost time. In a desperate hurry to cross the road, he meets another gentleman who also is caught up in the wheel of life but has the advantage of driving a small car. Though the meeting is very brief, it ends badly for Mr. C, whose total gains are, one broken arm, one broken leg and several crushed ribs, without mentioning numerous cuts and bruises to add color to an otherwise dismal scene.

The driver of the car, realizing that his vehicle of rapid transport is also a lethal weapon, vows he will never drive again. He is convinced that Mr. C is dead and that he himself is a murderer of a married man with a large family.

Months later Mr. C has been discharged from hospital and has recovered, in part, his financial losses through insurance claims. He is laughing and joking about the fools that thought that he would not live, but has quite forgotten that, at the time, he also thought so too. The weeping and wailing has died away and laughter reigns supreme.

A huge percentage of the suffering we experience is brought about through man's inhumanity to man. It can

The driver of the car, also presents a different aspect to the one on the day of the accident. Here he is now, laughing and drinking with his friends (also car drivers) and relating to them the story of 'the pedestrian who got away.'

One moment tragedy, next moment laughter. What has happened to these people? Why is it that the disaster of today can become the jest of tomorrow? The answer is, of course, this mysterious mechanism of the mind which makes us forget. If it were not for its ability to do this, we would either lose our life or reason because the human mind

c) Con người chiến đấu với chính mình.

Phần lớn nỗi đau chúng ta biết đến, xảy ra do hành động dã man giữa con người với con người. Nó có thể tự bày tỏ như những trò cưỡi của một tên hề, đã núp dưới cái mặt nạ của sự điều cốt đứng đắn và lương thiện, để gây nên bao khổ đau cho đời sống các bạn bè và gia đình của anh ta. Hoặc chúng ta tìm thấy sự đau khổ đó trong cả nhân gặt gồng muốn chia xẻ nỗi bất hạnh của y với những kẻ khác. Cực điểm của những khổ đau này là sự xung đột giữa con người với con người mà họ thấy đều chưa bao giờ quen hay gặp nhau, để gieo rắc sự chết chóc và hủy diệt trên quy mô rộng lớn khắp toàn thể giới. Đó là bản chất của vạn vật.

Cuộc chiến tranh này của con người đã tiếp diễn hàng nghìn năm qua, và cuộc chiến đó xảy ra ngay cả trong thế giới loài vật. Việc giải quyết không nằm trong sự cải tạo thế giới nói chung, nhưng mà cải đổi chính nơi chúng ta. Phật Pháp (Dhamma) sẽ đặt chúng ta trong sự tương quan tốt đẹp hơn với mọi vật mà chúng đang hiện hữu và sẽ hướng dẫn chúng ta (tu tập) theo con đường ấy cho đến khi sự khổ đau được chấm dứt. Đức Phật đã chỉ bày cho chúng ta con đường đó, và mặc dù chúng ta nên giúp những kẻ khác tìm ra con đường đạo, chúng ta không thể tạo ra hoặc cung cấp sự giải thoát cho họ. Trong ý nghĩa này, Phật Giáo là một tôn giáo và triết lý đầy tự lực, bởi vì mọi người phải tự đi theo con đường ấy, và tự mình chứng đắc Niết Bàn (Nibbana).

Anatta, hay vô ngã được áp dụng cho mọi vật hiện hữu, nhưng ở đây chúng tôi đề cập chính yếu liên quan đến các chúng sanh. Mọi sinh vật sống không có linh hồn hay tự ngã; không có tự ngã hay bản ngã (personality) tồn tại và thường còn. Linh hồn hay tự ngã là quan niệm triết lý về phần vô hình của con người, mà nó có thể tạo nên sự sống cũng gây ra sự chết và hủy diệt của thân xác.

Khoa học ngày nay không ủng hộ truyền thuyết tin tưởng này, nhưng thừa nhận sự tồn tại của một tự ngã hay bản ngã nơi con người như một khía cạnh của tâm thức. Thật là điều kỳ diệu khi thấy tư tưởng khoa học ngày nay đang tiến sát gần với Phật Giáo. Người chưa giác ngộ thường hiểu lầm tự ngã hay bản ngã như là linh hồn hay linh tính. Cả tính này không có quan hệ gì với thuyết linh hồn, vì khi chúng ta có thể thừa nhận đặc tính không chắc chắn và hay thay đổi của bản ngã, một linh hồn hay linh tính thường còn thực chất không thể nào tồn tại được.

Người Tây Phương thường gặp nhiều bất lợi khi bắt đầu nghiên cứu về thuyết vô ngã của đức Phật. Bởi ngay từ nhỏ, họ đã được xây dựng và giáo huấn chấp nhận lý thuyết linh hồn và một vài người biết rằng không dễ gì phủ nhận. Nhưng ai cảm thấy sự khó khăn đó hay bất cứ vấn đề gì khác của Phật Pháp, không nên lo ngại vì mọi vật sẽ tự chứng tỏ cho thấy là chúng đang diễn tiến.

Trong khi linh hồn được xem như một bản thể biệt lập, chúng ta biết rõ Phật giáo thuyết minh rằng tự ngã hay bản ngã không thể nào hiện hữu tách rời khỏi sự hoạt động của tâm và thân (con người). Thật ra, chỉ có sự hoạt động của tâm chứ không phải là thực thể. Tự ngã này có thể đóng vai chủ yếu trong việc tạo ra nghiệp lực (tốt hoặc xấu), nhưng nó không thể tránh khỏi sự chết, và lại tái sinh trở lại.

Điều quan trọng nhất là nó tạo ra nhận thức sai lầm về cái "Ta," "tôi" và "của Tôi". Trong sự tương



could not stand such suffering, week after week and month after month. Yet this faculty of the mind which preserves our health and sanity, also deludes us into thinking that life is much happier than it actually is. At the height of a tragedy, people are quite willing to acknowledge the futility and uselessness of life, but when the sorrow is passed and almost forgotten, then living and all its delusions present a very different picture.

Meditation awakens the mind to the realities of life and clears away these delusions.

Suffering, in this life, comes from three main causes:

- a) man in conflict with nature;
- b) man in conflict with other human beings; and
- c) man in conflict with himself.

Science today does not support this legendary belief but recognizes the existence of the human ego or personality, as manifest itself as the antics of the practical joker, who under the cloak of good clean honest fun, makes the lives of his friends and family miserable. Or we find it in the surly individual who wishes to share his unhappiness with others. At the extreme end of the chain are men in conflict with men they have never known or met, raining death and destruction on a world-wide scale. Such is the nature of things.

Yet this war among humans has gone on for thousands of years and even has its counterpart in the animal kingdom. The solution is not in reforming the world at large, but in reforming ourselves. The Dhamma will place us in a better relationship with things as they exist and will guide us along the road until suffering ceases. The Buddha has shown us that although we should help others to find the path, we cannot earn or give salvation to others. In this sense, Buddhism is a very personal religion or philosophy because each must walk this path for himself and win his own Nibbana.

Anatta, or soullessness, applies to everything that exists but we are concerned with it mainly in relation to living beings. All things that live are without a soul or self, without a permanent and enduring ego or personality. Soul or self is philosophical conception of an immaterial part of man which survives and endures death and destruction of the body.

Science today does not support this legendary belief but recognizes the existence of the human ego

quan giữa chúng ta và những kẻ khác, tự ngã này là một trong những động lực chủ yếu nhất.

Tâm lý học hiện đại, trong những năm qua, đã thực hiện được nhiều khám phá kỳ diệu, nhưng Phật giáo đã biết các điều ấy từ ngàn xưa.

Bác sĩ Graham Howe, một trong những nhà chữa bệnh tâm thần hàng đầu tại Anh quốc, và là chuyên gia chữa trị ở phố Harley, đã phát biểu:

“Đọc một ít giáo lý của đức Phật, chúng ta nhận thấy rằng, (hơn) 2.500 năm trước, người Phật tử đã hiểu biết rộng xa hơn về các vấn đề tâm lý hiện đại của chúng ta. Họ nghiên cứu các vấn đề này từ trước và cũng đã tìm thấy những câu giải đáp. Hiện nay chúng ta đang khám phá lại Trí Tuệ Cổ Thời của Đông Phương”.

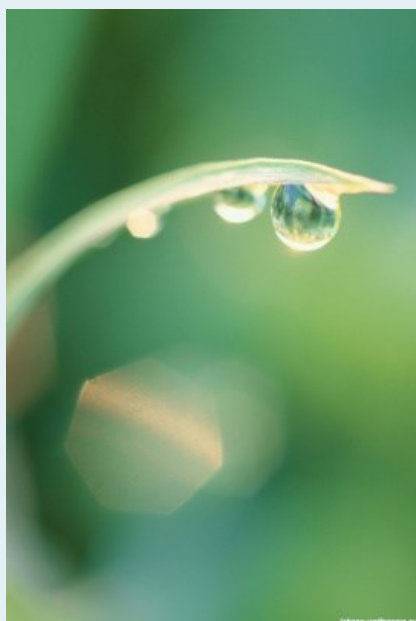
Đức Phật là đấng đầu tiên đã trình bày kiến thức về sự diễn tiến của tâm thức. Điều quan trọng chúng ta nên nhớ là tâm làm chủ thân và khẩu nghiệp, cho nên bản chất của tâm quyết định điều chúng ta nói và làm.

Sự diễn tiến của tâm, một đặc tính lâu bền trong cuộc sống chúng ta thường được diễn đạt như một linh hồn hay thần thức. Ngày nay, chúng ta biết rằng ảo ảnh linh hồn (soul illusion) phát sinh ra từ những kinh nghiệm nằm mộng của con người đầu tiên (nguyên thi). Trong giấc ngủ con người thời cổ nhìn thấy, qua con mắt của tâm thức, những bạn bè và bà con đã qua đời, họ tin rằng những người đó đang còn sống như ma quỷ ở một thế giới của ma quỷ.

Tuy rằng sự tin tưởng này rất là cổ lỗ, và mặc dù khoa học đã loại bỏ nó, chúng ta thấy (ngày nay) nhiều người đang còn bám chặt tin vào linh hồn hay tự ngã một cách rất cuồng tín hơn các tiền nhân sơ khai của họ.

Phật Giáo và khoa học hiện đại cả hai đều dạy chung một nguyên tắc là con người bao gồm tinh thần và thể xác, không có gì khác. Hai phần này đều tương quan với nhau, và tinh thần không thể tồn tại được, nếu cái thân đã chết. Cả hai là một khối duy nhất, mà chúng ta gọi là con người, và sớm muộn gì nó cũng sẽ tuân theo luật vô thường (hủy hoại).

(còn tiếp)



or personality, as an aspect of the mind. It is astounding how close Buddhism is running with the scientific thinking of today. This ego or personality is often confused by unenlightened people, with a soul or spirit. This individual character has nothing to do with soul-theory for while we can recognize the versatile and changing character of the personality, a permanent soul or spirit cannot exist in nature.

Western people generally begin an investigation into the Buddha's Doctrine of Anatta, at a great disadvantage. From childhood they have been raised and taught to accept this soul-teaching and some do not find it easy to reject. Those who experience any difficulty with this or any other aspect of the Dhamma, should not worry because everything will unfold itself as they progress.

Whereas the soul is supposed to be capable of separate existence, we know that the Dhamma clearly reveals that the ego or personality can have no existence apart from the functioning of the mind and body. It is fact only a function of the mind and not an entity. This ego may play a great part in making Kamma (good or bad), but it cannot pass beyond death and therefore into a new birth.

Its greatest importance is that it gives rise to the delusion of 'I,' 'me' and 'mine.' In our relationships with other beings, this is one of the factors which matters most.

Modern psychology has made some wonderful discoveries over the past few years and yet they are old by Buddhist standards.

Let us quote from Dr. Graham Howe, one of Britain's top-raking Psychiatrists and a Harley Street Specialist:

“To read a little of Buddhism is to realize that the Buddhist knew, two thousand five hundred years ago, far more about our modern problems of psychology than they have been given credit for. They studied these problems long ago and found the answers also. We are now rediscovering the Ancient Wisdom of the East.”

The Buddha was the first to throw intelligent light on the mind process. The important thing for us to remember is that the mind controls the speech and body action, so that the nature of the mind determines what we say and do.

This mind process, being a constant feature of our lives, is often interpreted as a soul or spirit. It is now known that the soul illusion grew out of primitive man's dream experiences. Seeing departed friends and relatives, in the mind's eye during sleep, must have suggested to him that they were living a spirit existence in a spirit land.

However primitive this belief is and though science has discarded it, we still find many people hanging on to their souls and selves with even more tenacity than their primitive ancestors.

The Dhamma and modern science, both teach the same fundamental; that man is composed of Mind and Body; nothing else. These two are interrelated and one does not survive the other at death. Both are one complete unit which we call a human being and sooner or later will yield to the law of impermanence.

(to be continued...)

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

THAM THIỀN

(Trích "Pháp Ngữ Của Thiền Sư Hư Vân")

Tỳ kheo Thích Hằng Đạt dịch

Tham thiền cùng niệm Phật

Người niệm Phật, ai ai cũng hủy báng tham thiền. Người tham thiền, ai ai cũng hủy báng niệm Phật. Ví như khi đối đầu với cái chết, chúng ta lại muốn đối phương sớm chết theo mình. Đây là hiện tượng xấu xa trong nhà Phật, thật rất đau lòng! Thế tục có câu: "Gia đình hòa hợp thì muôn sự đều hưng thịnh. Gia đình ai oán thì miệng chẳng ngon."

Huynh đệ chửi mắng lẫn nhau, chẳng lẽ không bị người đời cười chê cùng khinh khi hay sao! Tham thiền, niệm Phật cùng các pháp môn khác đều do kim khẩu của Phật Thích Ca thuyết ra. Đạo vốn không hai, chỉ do căn khí nghiệp duyên của chúng sanh không đồng, nên Phật tùy theo bệnh mà cho thuốc. Vì phương tiện nên đức Phật thuyết ra nhiều pháp môn để nhiếp thọ giáo hóa quần sanh. Sau này, chư đại đức y theo giáo lý mà phân tông phái; bất quá chỉ do tùy căn cơ mà thuyết pháp. Nếu người muốn tu trì để trở về tự tánh thì chỉ cần bước vào một cửa là có thể nhập đạo diệu môn, vì bốn gốc vốn không phân biệt cao thấp. Các pháp xưa nay vốn hỗ tương lẫn nhau và viên dung không ngại. Nếu như niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, thì có khác gì với tham thiền! Tham thiền đến độ cả hai năng và sở đều mất thì có khác gì với thật tướng niệm Phật! Thiền tức là Thiền trong Tịnh Độ. Tịnh Độ tức là Tịnh trong Thiền. Thiền và Tịnh Độ vốn tương trợ lẫn nhau. Sao người đời khởi tâm chấp trước một bên, thấy cửa này nhà nọ, tự tán thán mà hủy báng kẻ khác, giống như nước với lửa chẳng bao giờ tương dung, khiến phần lại thêm ý phân tông khác giáo của Phật Tổ! Lại nữa, có thể vô ý phạm trọng tội hủy báng Phật pháp. Thật có đáng thương lắm không! Hy vọng quý vị đồng nhân, không luận tu trì pháp môn nào, đều phải thể hội thâm sâu yếu chỉ vô tranh của Phật Tổ, chớ mua gây đánh nhau trong nhà. Mọi người phải hợp lực đồng tâm, cứu độ con thuyền Bát Nhã trên sóng ba đào.

Những điều kiện tiên quyết khi tham thiền

Mục đích của tham thiền là minh tâm kiến tánh, tức quét trừ tự tâm ô nhiễm, để chân thật thấy rõ bốn lai diện mục của tự tánh. Ô nhiễm tức là vọng tưởng chấp trước. Tự tánh tức là trí huệ đức tướng của Như Lai. Đối với đức tướng trí huệ của Như Lai, Phật và chúng sanh đều đồng có đầy đủ, không hai không khác. Nếu xa rời được vọng tưởng chấp trước thì tự mình sẽ đắc được trí huệ đức tướng của Như Lai, tức là Phật. Ngược lại thì làm chúng sanh. Chỉ vì chúng ta từ vô lượng kiếp cho đến nay, mê mờ lưu lạc trong vòng sanh tử và bị nhiễm ô đã lâu, nên không thể mau chóng thoát khỏi được vọng tưởng chấp trước được. Muốn thấy rõ bốn tánh chân thật, phải nên tham thiền. Vì thế, điều kiện tiên quyết nhất khi tham thiền là phải dẹp trừ vọng tưởng. Làm sao dẹp trừ vọng tưởng? Phật Thích Ca thuyết pháp rất nhiều, nhưng đơn giản không ngoài chữ "ngưng." "Ngưng tức Bồ Đề."

Thiền tông do Đạt Ma Tổ Sư từ bên Ấn Độ truyền qua Đông Độ; đến đời Lục Tổ thì gió thiền lan rộng khắp nơi, chấn động chiếu sáng cổ kim. Những điều tối quan trọng mà Đạt Ma Tổ Sư cùng Lục Tổ thường dạy là "dẹp hết muôn duyên, chẳng sanh một niệm."

Dẹp hết muôn duyên, tức là xả bỏ hết các duyên. Đây là điều kiện tiên quyết cho việc tham thiền. Nếu chưa hành được hai câu này thì chẳng những tham thiền không thể thành công mà nhập vào các môn khác cũng không thể được. Muôn duyên vẫn còn ràng buộc và niệm niệm vẫn còn sanh diệt thì đàm luận đến việc tham thiền được sao!

"Xả bỏ muôn duyên, chẳng sanh một niệm" là điều kiện tiên quyết của việc tham thiền. Chúng ta phải nên biết rõ. Làm thế nào để hành được? Trên đã nói rõ là một niệm nếu ngưng, thì đạt thẳng đến vô sanh, chứng ngay đạo Bồ Đề, không còn vương vấn tơ hào gì hết. Kể đến dùng lý mà dẹp trừ sự, tức biết rõ tự tánh bốn gốc vốn thanh tịnh, thì phiền não và Bồ Đề, sanh tử cùng Niết Bàn đều là giả danh, chẳng can hệ gì với tự tánh của chúng ta.

Sự sự vật vật đều như mộng huyễn bong bóng nước. Sắc thân bốn đại của chúng ta cùng núi sông đất đá, đều nằm sẵn trong tự tánh. Chúng giống như bọt nước trong biển, lúc khởi lúc diệt, không ngăn ngại bốn thể. Chớ nên chạy theo tất cả sự huyễn hóa của sanh trụ dị diệt mà khởi tâm vui thích, nhàm chán, thù xả. Phóng xả được thân này như người đã chết thì tự nhiên căn, trần, thức liền tận biến, và tham sân si dâm ái đều tiêu diệt. Tất cả nỗi thống khổ của thân như khổ vui, cơ hàn, đói khát, vinh nhục, sanh tử, phước họa, may rủi, khen chê, được mất, bình an, hiểm nạn đều là bên ngoài, phải nên xả bỏ. Xả bỏ được một, thì sẽ xả bỏ được tất cả; mãi mãi xả bỏ, đó gọi là xả bỏ muôn duyên. Xả bỏ muôn duyên được thì vọng tưởng tự tiêu mất. Nếu không khởi tâm phân biệt thì xa rời chấp trước. Một niệm chẳng sanh thì tự tánh chiếu sáng và toàn thể tánh đều được hiển lộ. Khi những điều kiện tu thiền đã đầy đủ, lại phải tiếp tục dụng công chân thật tham cứu, thì việc minh tâm kiến tánh chắc sẽ có phần.

Ngày ngày thường có thiền sinh đến thưa hỏi. Tuy nhiên, pháp vốn thật không phải là pháp. Nếu lạc vào ngôn từ, tức là không phải nghĩa chân thật. Hiểu rõ tâm này thì biết bốn tâm của chúng sanh vốn là Phật. Xả bỏ hết để được vô sự thì cảnh giới thánh sẽ hiển hiện. Nói tu nói chứng đều là lời ma. Tổ Đạt Ma đến Đông Độ để "Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật". Ngài chỉ thật rõ rằng tất cả chúng sanh trên cõi đất đều sẽ thành Phật. Phải nhận rõ tự tánh thanh tịnh; nó tùy thuận thể tính, nhưng không ô nhiễm. Trong mười hai thời, đi đứng nằm ngồi, mà tâm bình thản không loạn động, tức là hiện tại làm

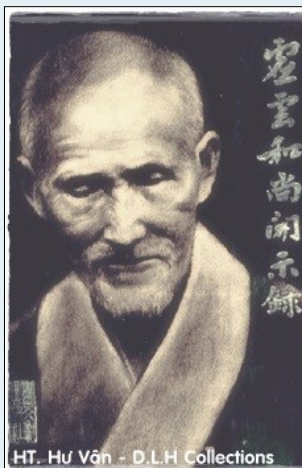


Hư Vân Lão Thiền Sư
(1840—1959)

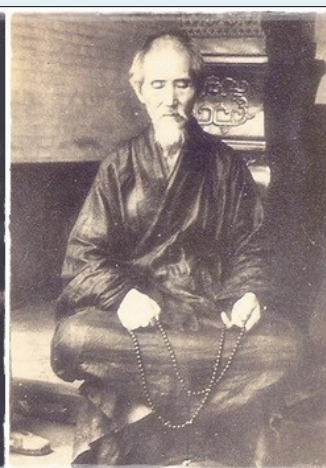
Phật, chứ không cần dụng tâm dụng sức, hay không cần dùng chút tơ hào lời nói, suy tư, hoặc làm việc này việc nọ. Thế nên, bảo rằng thành Phật là việc rất dễ dàng và rất tự tại, vì Phật tánh vốn đã nằm sẵn trong tâm mình, không cần chạy ra ngoài tìm cầu. Tất cả chúng sanh trên cõi đất, nếu không thể kham nổi bao kiếp luân hồi, trôi lăn trong bốn loài sáu đường, trầm luân trong biển khổ, mà nguyện ước thành Phật để đạt đến cảnh giới thường lạc ngã tịnh, thì phải tin chắc thật lời dạy dỗ răn nhắc của Phật Tổ, tức xả bỏ tất cả. Chẳng nghĩ thiện hay ác thì lập tức thành Phật. Chư Phật Bồ Tát cùng lịch đại Tổ Sư phát nguyện độ hết tất cả chúng sanh đều có chứng cứ, chứ chẳng phát đại nguyện trống không, hay giảng lời rỗng tuếch.

Bên trên đã nói rằng pháp là như thế. Lời của các ngài xiển minh kinh điển Phật Tổ rõ ràng. Chân ngữ thật ngữ chẳng có chút hư dối. Chúng sanh trên cõi đất từ vô lượng kiếp đến nay luôn bị trầm luân trong biển khổ sanh tử, đầu xuất đầu mòn để đổi tri chuyển không ngừng, mê hoặc điên đảo, bỏ tánh giác mà hiệp với trần lao. Ví như vàng ròng bị rớt xuống hầm phẩn không thể dùng được, nhưng chẳng hề bị nhiễm ô. Do tâm đại từ đại bi, bất đắc dĩ Phật phải thuyết tám mươi bốn ngàn pháp môn để đối trị tham sân si ái v.v... tức tám mươi bốn ngàn tập khí, bệnh tật của muôn loại chúng sanh. Ví như tuy vàng ròng bị nhơ nhuốc mà nay chư Phật dạy quý vị dùng nạo, bàn chải, nước, vải, v.v... để tẩy rửa mài giũa. Pháp Phật thuyết ra, lời lời đều là diệu pháp, có khả năng cắt đứt dòng sanh tử, và mau chóng đạt thành tựu Phật đạo, chỉ có vấn đề là hợp căn cơ hay không hợp căn cơ. Thế nên, chớ cưỡng ép phân biệt pháp môn cao thấp. Năm pháp môn rất phổ thông thịnh hành ở nước Tàu là Thiền-tông, Giáo-tông, Luật-tông, Tịnh-độ-tông, Mật-tông. Tùy theo ý thích và căn tánh của mỗi người, có thể tự chọn lựa một pháp môn ứng hợp. Nói chung, phải thâm nhập vào một pháp môn trường kỳ không đổi thì mới mong thành tựu.

Thiền-tông chú trọng tham thiền. Tham thiền để "minh tâm kiến tánh", tức là tham thấu bản lai diện mục của mình. Vì thế bảo rằng ngộ rõ tự tâm, thấy suốt bốn tánh. Pháp môn này bắt đầu từ khi Phật đưa cành hoa lên, cho đến sau khi Đạt Ma Tổ Sư truyền thừa sang Đông Độ; người hạ thủ công phu thường luôn uyển chuyển. Chư thiền đức trong đời Đường (618-907) và Tống (960-1279), phần nhiều đều do nghe một lời hay nửa câu thì liền ngộ đạo. Thầy trò truyền thừa bám thọ, dùng tâm ấn tâm, nhưng thật ra không có một pháp nào là chân thật. Ngày thường tham vấn đối đáp, bất quá chỉ tùy phương tiện mà giải kiết phục, hay do bệnh mà cho thuốc. Sau đời Tống, căn khí con người ngày càng chìm lụi; giảng được mà không hành được. Ví như câu: "Xả bỏ tất cả" hay "Chớ nghĩ thiện ác" đều không thể hành được. Nói không suy nghĩ việc thiện, lại đi suy nghĩ việc ác. Vì thế, chư Tổ Sư bất đắc dĩ mới chọn lựa biện pháp, dùng độc trị độc, bằng cách dạy người tu học tham khán công án. Bắt đầu là



HT. Hư Vân - D.L.H Collections



quán thoại đầu. Thậm chí phải nắm chặt câu thoại đầu trong từng sát na, mãi mãi không rời cho đến chết chẳng bỏ mất. Như chuột gặm quan tài, chỉ chuyên chú gặm một chỗ, không thông không ngừng. Mục đích là dùng một niệm để chế phục muôn niệm. Thật ra đây chỉ là biện pháp bất đắc dĩ; như thân bị mụn độc, nếu không dùng dao mổ xé chữa trị thì khó mà sống nổi.

Công án của người xưa rất nhiều. Kê sau chuyên giảng xem khán thoại đầu, như "quán thân chết này là ai" hay "trước khi cha mẹ sanh ra mặt mũi chân thật của mình là gì." Từ từ các nơi xa gần thường dùng câu thoại đầu "niệm Phật là ai."

Thật ra, tất cả câu thoại đầu đều đồng một dạng, và đều rất bình thường, chẳng có chi là kỳ lạ. Ví như khi nói câu quán xem người tung kinh là ai, niệm chủ là ai, lễ Phật là ai, ăn cơm là ai, mặc y áo là ai, đi đứng là ai, ngủ nghỉ là ai, v.v... ý nghĩa của tất cả câu trên đều như nhau. Giải đáp được chữ "ai", tức là thấy tâm. Lời nói từ tâm khởi. Tâm dẫn đầu câu thoại đầu. Niệm từ tâm khởi. Tâm dẫn đầu ý niệm. Muôn pháp từ tâm sanh. Tâm là đầu nguồn của muôn pháp. Thật vậy, thoại đầu tức là niệm đầu. Niệm đầu tiên tức là tâm. Lúc một niệm chưa sanh thì đó là thoại đầu. Do đó, chúng ta phải biết rõ rằng quán thoại đầu tức là quán tâm. Khi cha mẹ chưa sanh, bản lai diện mục của chúng ta tức là tâm. Lúc quán xem bản lai diện mục của chúng ta, trước khi cha mẹ sanh ra, vốn là gì, thì đó là quán tâm. Tánh tức là tâm. "Phản văn vấn tự kỷ" tức là nghe lại tự tánh của mình, hay quán lại tự tâm. "Viên chiếu thanh tịnh giác tướng" tức là tướng giác ngộ thanh tịnh chiếu sáng tròn đầy. Thể tướng giác ngộ thanh tịnh tức là chân tâm. Chiếu tức là quán. Tâm tức là Phật. Niệm Phật tức là quán Phật. Quán Phật tức là quán tâm. Vì vậy, "quán thoại đầu" hay bảo "quán người niệm Phật là ai" tức là quán tâm, cũng là quán chiếu thể giác thanh tịnh của tâm mình, nghĩa là quán chiếu tự tánh Phật tánh. Tâm tức là tánh, là giác, là Phật, và vốn không có hình tướng hay phương hướng nhất định, nên không thể nắm bắt. Tánh chất của tâm vốn thanh tịnh, biến khắp pháp giới, không vào không ra, không đến không đi, tức là pháp thân thanh tịnh xưa nay của chư Phật.

Hành giả phải nhiếp giữ và hộ trì sáu căn; nơi một niệm vừa sanh khởi, phải quán sát và chiếu cố câu thoại đầu. Khởi tâm quán sát cho đến lúc tự tâm thanh tịnh rời niệm. Lại phải thâm lắng liên tục,

điềm điềm đạm đạm, tịch tĩnh mà quán chiếu, để nhìn thấu năm uẩn đều không, thì mới liễu ngộ thân tâm tròn đầy tịch tĩnh, không còn một vật. Ngày đêm sáu thời, đi đứng nằm ngồi đều như như bất động; lâu ngày công phu thâm hậu thì có khả năng thấy tánh thành Phật, tức là trừ hết mọi khổ đau nguy hiểm.

Khi xưa, tổ sư Cao Phong bảo:

- Hành giả thường xem khán câu thoại đầu như việc lượm đá ở dưới đáy hồ sâu trăm thước. Nếu trong bảy ngày mà không khai ngộ thì hãy chặt đầu lão tăng.

Quý vị đồng tham học! Đây là lời của người xưa, vốn là chân ngữ thật ngữ, chứ không dối lừa gạt gẫm ai!

Tại sao trong đời nay, người quán thoại đầu thì nhiều, nhưng người ngộ đạo thì chẳng được bao nhiêu? Đây là do căn khí của người đời nay không thể sánh bằng người xưa. Lại nữa, do người tu thiền chưa hiểu rõ nghĩa lý của việc khán thoại đầu. Có người do thân tâm rối loạn nên tham đông tầm tây, vào nam ra bắc, đưa đến kết quả là cứ lo làm việc ồn ào huyền ảo cho đến già; đối với một câu thoại đầu cũng không biết gì cả. Không biết rõ thoại đầu thì làm sao tu thiền khán thoại đầu. Cả đời chỉ lo chấp trước vào văn tự danh tướng, nên chỉ biết dụng tâm quán thoại đầu.

"Ai đang niệm Phật!" "Chiếu cổ thoại đầu!"

Khán tới khán lui, tham đi tham lại, vác câu thoại đầu đi khắp đông tây có lý nào ngộ được bản nhiên vô vi của đại đạo? Khi nào mới đạt đến địa vị pháp vương, không đắm chấp tất cả muôn vật? Mạt vàng rơi vào mắt, khiến bị mù lòa, làm sao thấy vàng tỏa ánh hào quang được! Thật đáng thương lắm thay! Như có một nữ nhi, lúc rời nhà học đạo với chí nguyện phi thường, nhưng kết quả chẳng đạt gì hết, thật uổng phí công lao. Thật tiếc thay!

Cổ nhân bảo:

- Thà ngàn năm không ngộ đạo, còn hơn một ngày đi lạc đường.

Việc tu hành để ngộ đạo, tuy dễ mà khó và tuy khó mà dễ. Ví như mở đèn điện, nếu biết cách, chỉ dùng một ngón tay, thì ánh sáng đèn sẽ chiếu sáng, khiến ngàn năm u minh tâm tối liền mất. Nếu không biết cách thì sẽ làm hư hoại dây điện bóng đèn, rồi phiền não ngày càng tăng trưởng. Ví như có vài người tham thiền quán thoại đầu, khi gặp ma cảnh thì phát điên phát cuồng, ho ra máu, bị bệnh tật, khiến lửa vô minh càng cháy sáng, sự trước chấp về mình và người ngày càng nặng nề; có phải rằng những điều này do sự chấp trước không? Vì thế, người dụng công tham thiền cần phải điều hòa thân tâm, khiến tâm bình khí hòa, không ngăn không ngại, không còn thấy mình và người, thì khi đi đứng nằm ngồi, đều phù hợp với huyền cơ vi diệu.

Khi tham thiền, không thể khởi tâm phân biệt. Bàn về chi tiết, lúc khởi cộng phu tu đạo, người sơ cơ gặp những sự khó và dễ riêng. Người tu lâu năm cũng có sự khó dễ riêng.

Những điểm khó khăn của người mới bắt đầu tham thiền ở nơi nào? Khó khăn ngay nơi thân tâm chưa thuần thực; chưa thông hay chưa rõ về cách thức tu hành; do công phu không tiến triển được, nên trong tâm dần dần sanh giải đãi, chỉ ngồi thiền ngủ ngê cho qua ngày tháng. Kết quả: "Năm đầu



tham thiền. Năm thứ hai là lão tham thiền. Năm thứ ba chẳng còn tham thiền".

Ngược lại, cái dễ của người sơ cơ ở chỗ nào? Chỉ cần thiết có tín tâm đầy đủ, có tâm lâu dài, và dụng vô tâm, thì tu hành rất dễ. Tín tâm có hai phần. Thứ nhất, tin tâm mình vốn là Phật; tâm đó cùng ba đời chư Như Lai đều không khác biệt. Thứ hai, tin các pháp môn mà Phật Thích Ca thuyết giảng, mỗi mỗi đều có thể cắt đứt dòng sanh tử, thành tựu quả vị Phật. Bàn về tâm lâu dài, khi đã chọn một pháp môn thì phải hành trì suốt cả đời, cho đến suốt đời vị lai cũng phải tu trì. Muốn tham thiền thì phải tham khán cách như thế. Muốn niệm Phật hoặc trì chú thì cũng phải hành trì như vậy. Người muốn học giáo lý thì

phải hành trì theo thứ tự: Văn, tư, tu. Dầu tu pháp môn nào đi nữa, điều quan trọng căn bản là phải giữ giới. Nếu làm được như thế thì tương lai sao không thể thành tựu đạo nghiệp được!

Ngài Quy Sơn bảo:

- Nếu ai có thể tu hành pháp này suốt ba đời mà không thối chuyển thì quả vị Phật quyết định sẽ có kỳ.

Ngài Vĩnh Gia cũng nói:

- Nếu dùng lời vọng ngữ dối gạt chúng sanh thì mãi mãi sẽ bị đọa lạc vào địa ngục cắt lưỡi hằng sa kiếp.

Gọi vô tâm, tức là xả bỏ hết tất cả, giống như người đã chết. Cả ngày tùy theo nhân duyên mà làm việc, và không khởi một niệm phân biệt chấp trước thì mới trở thành vô tâm đạo nhân.

Người sơ học nếu đã đủ ba tâm (tâm dài lâu, tâm kiên cố, và vô tâm), khi tham khán câu thoại đầu "Ai đang niệm Phật," tức tự mình niệm thầm câu "A Di Đà Phật," rồi khán xem người niệm Phật đó là ai, và niệm khởi từ đâu? Từ đâu khởi lên một niệm? Nên biết một niệm chẳng khởi từ miệng của mình, cũng không phải khởi lên từ nhục thân này. Nếu tâm niệm khởi từ thân hay miệng thì khi chết đi, thân miệng vẫn còn đó, sao lại không niệm được? Nên biết rằng niệm khởi từ tâm, tức từ tâm mà có niệm khởi. Nhìn thẳng chăm chăm vào, như mèo rình chuột; tập trung tất cả sức lực tinh thần, chẳng sanh hại niệm. Chớ gấp gáp muốn mau thành tựu, vì sẽ dễ dàng phát sanh sự chướng ngại của bệnh tật. Đi đứng nằm ngồi đều phải như thế. Công phu lâu ngày nếu thâm sâu, như quả chín sắp rụng, thì khi nhân duyên đến, rụng tới quả liền rụng, tức đột nhiên đại ngộ. Lúc ấy như người uống nước, tự biết nóng lạnh, liền đạt đến nơi vô ngại, như tại ngã ba đường, gặp được cha mình, nên được an lạc vô ngần.

Người tham thiền lâu năm gặp những việc khó dễ nào? Gọi lão tham thiền tức là người đã từng thân cận, gần gũi thiện tri thức, hay dụng công nhiều năm, và đã từng trải qua một thời gian rèn luyện, nên thân tâm thuần thực, biết rõ đường tu, tự tại dụng công, không sợ khổ nhọc. Việc khó của các vị tham thiền lâu năm hay thượng tọa là trong cảnh giới tự tại, sáng sủa rõ ràng, lại ngừng tu để hưởng thụ, như dừng chân tại 'Hóa-thành', không muốn đến 'Bào-sở'. Do thường thích lắng tâm tịch tĩnh chỗ không thường thích để tâm dao động, nên không thể đắc được thọ dụng chân thật. Thậm chí lúc gặp cảnh thì tình sanh, rồi cố chấp thủ và xả. Tâm khởi niệm

thích thú hay chán chường rõ rệt, nên cứ bị vọng tưởng thô và tế bỏ buộc. Lại nữa, nếu dụng công phu như băng giá đóng đá gạch thì không thể khởi tác dụng. Kể đến, dần dần sẽ sanh bệnh giải đãi, rồi cuối cùng không thể đắc quả khởi dụng. Quý vị tham thiền lâu năm và chư thượng tọa nếu biết rõ điều khó khăn này thì phải nên lập tức đề khởi câu thoại đầu, phần chấn tinh thần; nơi cây tre trăm thước phải tấn thêm bước nữa, hay phải lặn sâu dưới đáy biển để đạt đến quả vị cao, để rồi mặc tình thong tay tung hoành, đi đó đây, lễ bái tượng kiến Phật Tổ.

Thoại đầu tức là nhất tâm. Một tâm niệm của chúng ta không ở trung gian trong ngoài, mà cũng trú tại chính giữa, trong, ngoài, giống như hư không chẳng động mà biến khắp mọi nơi. Thế nên, không cần đề câu thoại đầu lên cao hay cũng chẳng cần đề câu thoại đầu quá thấp. Đề khởi thoại đầu lên cao quá thì sẽ bị trạo cử. Đề khởi thấp quá thì sẽ bị lạc vào hôn trầm, trái ngược tâm tánh, chẳng phải trung đạo. Mọi người đều sợ vọng tưởng, nên việc hàng phục chúng rất khó. Tôi xin thưa với quý vị rằng chớ sợ vọng tưởng, cũng chẳng cần phí công sức hàng phục chúng. Quý vị chỉ việc nhận rõ vọng tưởng, chứ không nên chấp trước vào chúng, không chạy theo chúng, lại cũng chẳng cần đuổi dẹp chúng; chỉ việc ngưng tâm niệm khởi liên tục, thì tự rời vọng tưởng. Vì vậy bảo rằng biết vọng khởi, tức là giác ngộ; nghĩa là rời xa vọng tưởng.

Phải nên lợi dụng vọng tưởng mà hạ thủ công phu, như xem khán coi chúng xuất phát từ chỗ nào. Nếu nhận ra vọng tưởng vốn vô tánh, bản thể vốn không thì liền trở về tâm tánh bốn không của chúng ta. Tự tánh pháp thân thanh tịnh của chư Phật ngay nơi đó liền hiện ra trước mắt.

Bàn về lý rất ráo, chân và vọng vốn đồng một thể; chúng sanh và chư Phật không hai; sanh tử và Niết Bàn, Bồ Đề và phiền não, chúng đều là bốn tâm bốn tánh, mà không nên khởi tâm phân biệt như đắm chấp hay nhàm chán hoặc thù hay xả. Tâm thanh tịnh này, gốc vốn là Phật, chẳng cần dùng một pháp. Lý này thật nhiều lời. Hãy tham khán!

Thích Hằng Đạt dịch

Bồi bồi một mối tương duyên UYÊN NGUYÊN

“Hết bão, bắt đầu nước mắt”
(Trầm tử Thiêng)



1.

Bỗng nhiên một ngày, người ta không còn nghe tiếng lao xao vọng ra từ trên nóc tháp ấy nữa, mà thay vào đó là tiếng xô xát, có khi, là tiếng của những bát sành, bình vỡ rơi, vỡ. Vỡ tan nát trên nền đất lạnh căm căm thiếu vắng hơi ấm thân người.

Người ta lại nghe tiếng rên xiết, tiếng khóc than của oan hồn không còn chỗ nương náu. Những oan hồn, một thời mang thân người đã tranh nhau để sống còn, rồi khi được gởi gắm nơi nóc tháp này, mới hay chẳng còn đâu là thù, là bạn. Tất cả chỉ là một nắm tro khô, mà nhiều khi không còn đủ sức để giữ mình nguyên vẹn trước những cơn gió mùa.

Có thể nào người ta lại cười trước những hoạn nạn! Ấy vậy mà, vẫn có người đang cười ngất, vì có người đang khóc lịm trước những oan khiên!

2.

Hôm qua trời mưa bão, tháp được dựng xây trên 2500 năm đang cố chống chọi với nắng mưa ác nghiệt. Nhưng nóc tháp đã bị bão kéo đi, để lại chơ vơ mấy bát vỡ đựng đầy cốt tro. Ở đó là oan hồn, và những oan hồn bắt đầu đứng dậy, thất thế đi tìm lại thân mình.

3.

Bấy giờ người ta thềm được nghe lại tiếng lao xao vọng ra từ nóc tháp ấy, còn hơn! Vì chỉ có lúc này, người ta mới hiểu đó không phải là tiếng hồn gọi giống lên mỗi khi trời chập tối, mà đó là tiếng Kinh cầu. Ai bảo người chết không biết, và người sống chắc gì, hiểu hết!!!

Hương linh nguyên quy y Phật

Hương linh nguyên quy y Pháp

Hương linh nguyên quy y Tăng...

...

Hương linh từ nay xin sám hối.

4.

Lẽ nào, chỉ có lúc này, lúc còn kịp nghe những lời kinh siêu độ, người ta mới chợt hiểu ra, rằng, những oan hồn của người thân muôn thuở đang nằm dưới mấy tầng sâu mộ địa, thì đâu đã chết, mình còn đứng đây thì đã chết ngót bốn mươi tám vạn lần.

Bồi bồi một mối tương duyên

Trượng Phu Điều Ngự ưu phiền sử xanh.

(Tháng 9, 2013)

PHẬT PHÁP TRONG ĐỜI SỐNG

THIỆN NHƯ THUỐC CHỮA BỆNH

Huỳnh Kim Quang dịch

(Lời giới thiệu: Bài viết này là của Paturel Amy, chuyên viết về các đề tài sức khỏe, cân bằng trọng lượng cơ thể, thức ăn, rượu, và du lịch cho nhiều thành phần độc giả. Tác phẩm của cô thường xuất hiện trên những tạp chí gồm Glamour, Health, Eating Well, Wine Enthusiast và Marie Claire cũng như các tạp chí Lupus Now, Neurology Now, Arthritis Today and Momentum. Cô cũng thường đóng góp bài vở cho các trang mạng toàn cầu gồm BabyCenter.com, EverydayHealth.com và SELF.com Amy đoạt giải nhà báo và thành viên của Hội Ký Giả và Tác Giả Mỹ (ASJA). Cô đã đóng góp nhiều bài vở cho các tạp chí và báo chí ở Hoa Kỳ và quốc tế, và đã 2 lần chủ biên mục “My Turn” của báo Newsweek. Trước khi viết các đề tài thuộc loại này, cô đã nghiên cứu và phân tích những thói quen sức khỏe cho các cơ quan hàng đầu của chính phủ gồm Bộ Nông Nghiệp và Bộ Y Tế Hoa Kỳ. Cô tốt nghiệp Cao Học về Dinh Dưỡng, và Cao Học về Sức khỏe Cộng Cộng tại Đại Học Tufts ở Thành Phố Boston, tiểu bang Massachusetts. Sau đây là bản dịch tiếng Việt từ bài viết “Meditation as Medicine” của Paturel Amy M.S, M.P.H.)

Vào mùa xuân năm 2000, Cassandra Metzger làm việc trong vai trò một luật sư ở tổng hành dinh của đài PBS tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, tham dự các lớp học đêm để lấy bằng cao học tại Đại Học Johns Hopkins University, và huấn luyện cho lần chạy 10 cây số đầu tiên của cô. Ở tuổi 34, cuộc sống của cô bận rộn và hối hả. Nhưng trong thời gian mùa xuân và vào hạ, cô đã không thể xuống giường bởi vì cơn đau và mệt mỏi không giải thích được. Vào mùa thu, cô đã phải ngưng làm việc. Một năm sau, Metzger được chẩn đoán bị đau các bắp thịt và tế bào chung quanh khớp xương kinh niên và mệt mỏi, rối loạn hệ thần kinh trung khu có vẻ đã làm sai lệch phản ứng bình thường của cơ thể đối với cơn đau. Một số nhà nghiên cứu tin rằng chứng đau các bắp thịt và tế bào chung quanh khớp xương kinh niên và mệt mỏi đã gây ra các tín hiệu đau đớn sai lầm. Metzger được cho toa thuốc uống giảm đau, thư giãn bắp thịt, an thần để ngủ, ổn định tinh thần, và nhiều loại thuốc khác để kèm chế sự đau nhức, mất ngủ, mệt mỏi, và trầm cảm. Không loại thuốc nào trong số này có hiệu quả tốt. Rồi cô đã khám phá ra thiền, một thực hành cổ xưa để tập trung tư tưởng hầu làm lắng dịu những tạp niệm của não bộ và gia tăng sự tỉnh thức với khoảnh khắc hiện tại. Metzger nói rằng, “Thiền cứu tôi từ tuyệt vọng hơn một lần. Trong những giai đoạn bệnh hoạn trầm trọng nhất, tôi đã được cứu bằng nhận thức rằng kinh nghiệm đau đớn chỉ là nhất thời – có thể là khoảnh khắc đau đớn tận cùng, có thể khoảnh

khắc kéo dài, nhưng vẫn chỉ là một khoảnh khắc. Tôi học hỏi điều này qua việc thực hành thiền. Quan điểm về vô thường -- mọi thứ rồi qua đi – có thể làm sợ hãi, nhưng đối với một người nào đó từng thoát ra từ cơn đau thì thiền là nơi giữ lấy niềm hy vọng cuối cùng, vô thường là ngọn hải đăng.”

Thiền Cơ Bản

Thiền được mô tả thích đáng như là “không để tâm dính mắc ở đâu cả,” (Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm – Kinh Kim Cang – chú thích của người dịch) lý tưởng nhất là 20 phút hay lâu hơn mỗi ngày. Trong thời gian thực hành thiền này, bạn tỉnh giác đối với những ý tưởng của mình và không để mình dính mắc vào những ý tưởng đó. Tập niệm hay suy nghĩ lung tung là điều bình thường của tâm thức. Khi điều đó xảy ra, chắc chắn là sẽ xảy ra, hãy nhẹ nhàng tháo gỡ những tạp niệm ra và tập trung trở lại vào hơi thở của bạn, một chữ nào đó, câu nguyện, hay một đối tượng nào đó. Thiền không phải hoàn toàn không có nguy hiểm. Nó có thể gợi lên sợ hãi, tổn thương, hay những ký ức đau buồn cho một số người, đặc biệt đối với ai bị rối loạn tinh thần, trầm cảm nặng, hay rối loạn do căng thẳng thời kỳ hậu chấn thương. “Những người này chỉ nên thực hành thiền dưới sự quan sát của chuyên gia sức khỏe tâm thần hay vị thầy có kinh nghiệm thiền,” theo Tiến Sĩ Katherine MacLean, từ Trường Y Khoa của Đại Học Johns Hopkins. Trong khi đó có nhiều loại thiền khác nhau, và sau đây là một vài loại thiền thông dụng nhất:

- Thiền Tập Trung Tư Tưởng – Chỉ – đình chỉ tạp niệm: Ngồi trên tọa cụ hay trên ghế với lưng thẳng và hai bàn tay xếp chồng lên nhau. Rồi tập trung tâm thức vào một điểm cố định, như hơi thở, một hình ảnh nào trong tâm, hay một ngọn đèn đang cháy. Nếu tâm khởi tạp niệm, hãy nhẹ nhàng quay trở lại tập trung vào đối tượng của thiền. Dần dần, sự thực tập này sẽ huấn luyện tâm thức canh chừng những tán loạn, “hãy để chúng đi” mỗi khi chúng khởi lên, và rồi tập trung tâm thức trở lại.
- Thiền Chánh Niệm – Quán – quán chiếu tư duy, cảm thọ: Mục đích của loại thiền này, có nguồn gốc từ Phật Giáo, là để giám sát các trải nghiệm đa thù của tâm – tư tưởng, cảm thọ, nhận thức, và cảm giác – và đơn giản là chỉ quán sát chúng khi chúng khởi lên và diệt đi hơn là cố dính mắc vào hay thay đổi chúng. Chủ yếu là giữ sự tỉnh giác không dính mắc, không phán đoán, để trở nên tỉnh thức



hơn và tiếp xúc với cơ thể, đời sống, và hoàn cảnh chung quanh.

- Thiền Trì Tụng Kinh
Chú: Thiền trì tụng kinh chú gồm việc tụng một đoạn ngắn (lời cầu nguyện, thần chú, hay một bài kệ) để làm cho chính mình lắng tâm theo tiếng tụng. Ý nghĩa của chữ không phải là yếu tố quan trọng nhất – quan trọng nhất, là sự tập trung vào âm thanh khi chữ được đọc ra. Bác Sĩ Maclean cho biết rằng, “Thiền trì tụng kinh chú là tốt nhất cho những người mới tập thiền bởi vì nó giúp cho bạn chế ngự tâm tạp niệm.”

- Thiền Từ Bi: Thiền từ bi giúp phát sinh trạng thái tâm làm lợi lạc cho chính bạn và người khác. Điều thông thường hay lập đi lập lại là: “Mong cho tôi được hạnh phúc. Mong cho tôi được giải thoát khổ đau. Mong cho tôi được mạnh khỏe. Mong cho tôi sống an nhàn.” Rồi lập lại cùng thông điệp đó hướng đến người bạn yêu thương, rồi người xa lạ, rồi một người bạn ghét, và tất cả chúng sinh. Tiến Sĩ David Vago, của Trường Y Khoa và Bệnh Viện Brigham and Women’s Hospital của Harvard nói rằng, “Những người mắc bệnh kinh niên thường trải qua kinh nghiệm tự ghét và trách mình. Nếu bạn có thể chuyển hóa những xúc cảm tiêu cực đó vào trong lòng từ bi và yêu thương của bạn, thì không những làm lợi lạc cho bạn mà còn lợi lạc cho mọi người chung quanh bạn.”

Hiện Tại Và Thiền

Kinh nghiệm của Metzger không phải là duy nhất. Hàng triệu người trên khắp thế giới đều cho rằng thiền đã chuyển hóa cuộc đời họ. Nhưng trải qua nhiều thế kỷ, chỉ có những tường thuật có tính giai thoại về các lợi lạc của thiền được xem như là bằng chứng. Hiện nay, chứng cứ khoa học từ những nghiên cứu được thực hiện nghiêm túc – gồm hình ảnh của não bộ – đang nổi bật. Một số nghiên cứu này cho thấy rằng việc hành thiền trong vòng 20 phút mỗi ngày cũng có thể ảnh hưởng đến chức năng và cấu trúc của não bộ trong phương cách tích cực. Nhiều nhà nghiên cứu phát hiện rằng thiền gia tăng chú tâm vào khoảnh khắc hiện tại, tập trung tinh mật vào đối tượng, cải thiện trí nhớ, và giải thoát cảm thọ khỏi cơn đau. Bác Sĩ thần kinh học Alexander Mauskop, giám đốc Trung Tâm Nhức Đầu tại New York, giáo sư về khoa thần kinh tại Trường Y Khoa Downstate Medical Center của Đại Học New York, thành viên của Viện Thần Kinh Học Mỹ the American Academy of Neurology, và tác giả của sách “Nonmedication, Alternative, and Complementary Treatment for Migraine” (Trị Liệu Bệnh Nhức Đầu Không Dùng Thuốc, Bằng Chọn Lựa Khác, và Bổ Sung), sẽ xuất hiện trong tạp chí Continuum của Viện Thần Kinh Học Mỹ, nói rằng, “Những thay đổi vật lý trong cấu trúc não bộ làm cho những người hoài nghi nhất cũng phải tin rằng những lợi ích của thiền bỏ xa hiệu quả của thuốc làm an tâm.” Hiệu quả của thuốc làm an tâm là lợi ích mà người bệnh có được từ niềm hy vọng lạc quan về sự trị liệu hơn



là từ chính sự trị liệu. Trong 20 năm qua, các nhà khoa học rất thích thú trong việc nghiên cứu bằng cách nào và tại sao thiền có hiệu quả. Vào năm 1998, một nghiên cứu về tài liệu y khoa dùng những chữ mẫu chốt “thiền chánh niệm” đã chỉ mang lại 11 nghiên cứu khoa học, so với hơn 560 nghiên cứu về loại này hiện nay, theo Tiến Sĩ David Vago, giảng sư tại Trường Y Khoa Harvard và bác sĩ tâm lý tại Bệnh Viện Brigham and Women’s Hospital ở thành phố Boston, tiểu bang Massachusetts, Hoa Kỳ.

Não Bộ Lúc Thiền

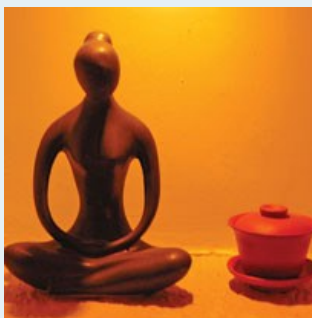
Theo các chuyên gia, vấn đề nổi bật này trong nghiên cứu là kết quả của sự khám phá của các nhà thần kinh học rằng thiền tạo ra những thay đổi trong não bộ có thể đo lường được. Chẳng hạn, trong một nghiên cứu vào năm 2011 được đăng trong tạp

chí y khoa Psychiatry Research: Neuroimaging, các nhà nghiên cứu cho thấy rằng những người tham dự vào khóa thiền chánh niệm 8 tuần lễ đã trải nghiệm sự gia tăng độ dày trong các khu vực não bộ có liên kết với trí nhớ, tri giác về tự ngã, cảm xúc, và phản ứng căng thẳng. Nhiều nghiên cứu trước đó phát hiện việc làm dày cả chất xám (những phần của não bộ dính líu với tư tưởng và cảm xúc) và chất trắng (những phần của não bộ liên kết nhiều khu vực chất xám khác nhau) trong số những người thực hành thiền so với những người không ngồi thiền thường xuyên. Trong khi các nhà khoa học còn chưa rõ những thay đổi này có ý nghĩa gì, họ nghi ngờ rằng việc làm dày chất xám và trắng liên kết với khả năng vận hành thông tin hiệu quả hơn. Thiền còn có thể bảo vệ não bộ khỏi bị lão hóa. Bác Sĩ Mauskop cho biết rằng, “Khi các nhà nghiên cứu so sánh những não bộ của những người lớn tuổi bình thường và những người thực hành thiền nghiêm túc cùng lứa tuổi, họ thấy rằng não bộ của người thực hành thiền không bị teo lại. Điều chúng ta chấp nhận như là tiến trình bình thường – việc teo nhỏ của não bộ khi bạn tiến tuổi già – có thể không nhất thiết là bình thường.”

Các Cách Trị Liệu Bổ Sung

Đây là bài thứ bảy trong loạt bài đều đặn viết về các cách trị liệu bổ sung. Cũng được biết như là các cách trị liệu thay thế, hiện nay chúng đang được thử nghiệm bởi các nhà nghiên cứu để có thêm những cách trị liệu y khoa tiêu chuẩn. Gần đây nhất, nhiều nhà nghiên cứu về thiền đã nghiên cứu cách làm thế nào thiền ảnh hưởng đến điều mà họ gọi là hệ thống mô thức nguyên bản của não bộ (DMN), gồm việc tự nói làm nhảm một mình liên tục suốt cả ngày. Theo Tiến sĩ Katherine MacLean, nhà nghiên cứu tại phân khoa khoa học tâm phân và tập quán của Trường Y Khoa Johns Hopkins School tại thành phố Baltimore, tiểu bang Maryland, các khu vực não bộ liên hệ trong DMN gồm vỏ não phía trước ở giữa (phần giữa ở trước của não) và vỏ não vòng đai bao quanh phía sau (phần não ở giữa phía sau). Đối với hầu hết chúng ta, DMN có khuynh hướng tập trung

vào quá khứ hay tương lai thay vì khoảnh khắc hiện tại. Thí dụ, chúng ta có thể ý thức mơ hồ về những tư tưởng đi qua nhận thức của chúng ta, như “Tại sao tôi đã nói điều ngu xuẩn như thế?” hay “Tôi có quá nhiều việc để làm trong tuần này” hay “Tôi không thể nhớ khi nào tôi không bị đau nhức nhiều như vậy, và nó có thể sẽ không bao giờ hết.” Bởi vì việc nói lầm nhảm một mình như thế là sự tán tâm được biết đến nhiều trong phạm vi của thiền, nhiều người hành thiền thành công có thể kiểm soát tốt hơn hệ thống DMN. Một nghiên cứu gần đây về việc chụp hình cộng hưởng qua từ trường của chức năng [não bộ] (fMRI) mô tả những phản ứng thần kinh ngắn hơn trong các khu vực của hệ thống DMN của những người thực hành thiền so với những người không thực hành thiền, cho thấy rằng việc thực tập thiền trên nền tảng đều đặn nâng cao khả năng hạn chế việc nói nhảm một mình tiêu cực như chú tâm đến những lầm lỗi trong quá khứ hay tưởng tượng những khó khăn trong tương lai, cho phép người thực hành thiền an trú trong hiện tại. Các nhà nghiên cứu tin rằng hoạt động hệ thống DMN ít hơn có thể làm cho não bộ an nghỉ và tái định vị lại chính nó. Bác Sĩ Mauskop nói rằng, “Ngưng hoạt động não bộ một phần giúp thời gian trong ngày – chẳng hạn, qua việc thực tập thiền – có thể là hành động rất lành mạnh cho não bộ của bạn trong lâu dài.”



Đau Đớn Và Não Bộ Lúc Thiền

Những người với chứng bệnh kinh niên, đau đớn như chứng rối loạn thần kinh làm cho cơ bắp đau đớn có thể cảm thấy ghét hay bị phản bội bởi cách gia đình và bạn bè như là kết quả của bệnh hoạn của họ. Trong trường hợp của cô Metzger đề cập ở trên, thiền giúp cô giữ mối liên hệ gắn bó với thân xác và những người thân của cô. Metzger cho biết rằng, “Tôi học cách tiếp tục sống với thân xác của mình hơn là cố thoát khỏi nó. Và thiền giúp mối liên hệ của tôi trong ý nghĩa chấp nhận những gì đang là và buông bỏ những hy vọng của tôi về người khác.” Metzger còn trải qua kinh nghiệm mà ở đó cơn đau của cô biến mất trong thời gian thực hành thiền. Cô phát biểu tiếp rằng, “Điều đó không phải lúc nào cũng xảy ra, nhưng sự thật là khi nó xảy ra thì làm cho tôi ngạc nhiên, đặc biệt sau 9 tháng cố gắng làm giảm cơn đau bằng thuốc mà thất bại.” Nhiều nghiên cứu khẳng định rằng những người thực hành thiền đều đặn thì ít trải qua cơn đau hơn những người không thực tập thiền. Tiến Sĩ Fadel Zeidan, nhà nghiên cứu tại Trường Y Khoa Wake Forest School ở thành phố Winston-Salem, tiểu bang North Carolina, tường trình trong một nghiên cứu đăng trong Tạp Chí the Journal of Neuroscience trong năm 2011 rằng những người mới thực hành thiền cho thấy giảm cơn đau dữ dội tới 40% và giảm cơn đau khó chịu 57% chỉ sau vài khóa tu thiền chánh niệm ngắn. Dù các nhà nghiên cứu không trực tiếp thử nghiệm điều này, thiền đưa tới việc giảm cơn đau nhiều hơn thuốc giảm đau loại mạnh, loại thuốc mà trên tiêu chuẩn giảm đau khoảng 25%. Trong nghiên cứu khác, Bác Sĩ Zeidan và các đồng nghiệp của ông phát hiện rằng những khóa thiền 20 phút qua 3 ngày giúp một nhóm nhỏ những tình nguyện viên giảm đáng kể độ nhạy cảm với

những điện giật nhẹ – ngay cả khi họ không phải đang thực tập thiền ngay lúc bị điện giật. Bác Sĩ Zeidan nói rằng, “Thiền chánh niệm thay đổi cách thức mà người ta trải nghiệm sự đau đớn. Nó dạy bạn quán chiếu vào mỗi khoảnh khắc với sự thấu rõ, ngay cả lúc khoảnh khắc đó bao gồm sự đau đớn.” Nhiều nhà nghiên cứu cho biết những hành giả thiền vẫn có cảm thọ khó chịu, nhưng họ tìm ra cách nhiếp phục có hiệu quả phản ứng theo cảm xúc đối với cơn đau. Thực tế, nhiều người thực hành thiền kinh qua sự đau buồn trong khi ở trong trạng thái thiền định cho thấy hoạt động nhiều hơn trong các khu vực liên quan đến sự tỉnh thức của cơ thể, như khu vực vỏ não hình tam giác phía trước thuộc ngôn ngữ và khu vực vỏ não thuộc giác quan. Bác Sĩ MacLean giải thích thêm rằng, “Họ thật sự có nhiều cảm giác đau đớn, nhưng họ không có phản ứng theo xúc cảm thông thường với nó.” Nhiều người thực tập thiền học cách nhận thức những cảm xúc như đau đớn, sợ hãi, và giận dữ, mà không có những suy nghĩ bi quan hay chuỗi tập quán theo sau đó. Ngược lại, những người không thực hành thiền, có khuynh hướng bám chặt vào những cảm xúc tiêu cực, như Bác Sĩ Vago đã cho thấy trong nghiên cứu của ông ấy. Chẳng hạn, những người mắc chứng bệnh rối loạn thần kinh gây ra đau nhức cơ bắp thật có khuynh hướng cố chấp vào những suy nghĩ về sự đau đớn bởi vì họ trải qua sự đau nhức kinh niên, thường là mỗi ngày. Bác Sĩ Vago cho biết trong nghiên cứu của ông rằng, “Khi họ thấy một chữ như ‘đập’ hay ‘nên’ xuất hiện trên màn ảnh máy điện toán, họ phát hiện nó rất nhanh và tránh nó.” Ông nói thêm rằng, “Nếu chữ đó nằm trên màn hình đủ lâu để đưa nó vào tầng ý thức, thì họ bắt đầu suy nghĩ về nó.” Ngoài ra, nhóm của Bác Sĩ Vago cũng khám phá rằng sau 8 tuần lễ của khóa tu thiền, những xu hướng đó biến mất. Bác Sĩ Vago cho biết, “Khi bạn đương đầu với cơn đau dữ dội, việc nghĩ về tương lai kinh khủng biết chừng nào sẽ có thể còn khủng khiếp hơn là chính sự đau đớn.” Ông nói tiếp: “Hệ thống đau đớn [của não bộ] mở ra sự tiên liệu về điều khổ sở, và chỉ khi nào cơn đau đến thì mới làm cho nó chấm dứt. Việc trải nghiệm cơn đau thực sự có thể cảm nhận như là sự giải thoát.” Thay vì dính dáng tới phản ứng chống cự hay bỏ chạy của hệ thống thần kinh giao cảm trong việc tiên liệu cơn đau và cố trốn chạy nó, những người thực hành thiền học chấp nhận cảm thọ đau đớn. Một khi họ làm được như thế, sự đau đớn không còn trói buộc tâm thức họ nữa. Nó trở thành kinh nghiệm khác đến và đi. Metzger cho biết rằng, “Ngay dù sự khó chịu không biến mất hoàn toàn, thiền mở ra khoảng cách giữa cơn đau và tôi. Thay vì cơn đau hành động như một chứng bệnh bám chặt vào cột tủy sống của tôi, nó sẽ bỗng bồng trong cơ thể tôi. Và thường thì đó là đủ để giải thoát.”

Kỹ Thuật Thực Hành Thiền

Điều kỳ diệu nhất về thiền là bất cứ ai cũng có thể thực hành được. Nó không đòi hỏi dụng cụ đặc biệt nào, thành viên của vận động trường thể dục, hay bằng cấp tiến bộ nào. Những hành giả thiền đơn giản chỉ tập trung vào âm thanh, đối tượng, thần chú, hay hơi thở của họ. Điểm chính yếu là đừng để các thứ khác chen vào. Bác Sĩ

Mauskop nói rằng, "Thiền là kỹ thuật đơn giản nhất trên thế giới này, nhưng không có nghĩa là nó dễ thực hành." Thực tế, an trú với cảm thọ hay kinh nghiệm đau đớn có thể là khó khăn với tâm trạng chết điếng [vì đau]. May mắn, bạn không cần phải trở thành một vị Tăng Tây Tạng để trải nghiệm những lợi lạc [của thiền]. Bác Sĩ Mauskop cho biết rằng chìa khóa chính là thực tập thiền với sự tinh tấn và không phán đoán, chấp nhận sự thật trong khoảng khắc đó – gồm cả sự thật rằng thiền có thể là rất khó. Thay vì cố thay đổi kinh nghiệm của bạn – "Tại sao tôi không thể thiền tốt hơn và không cảm giác đau đớn?" – bạn chỉ đơn giản tỉnh giác về ước muốn thay đổi nó.

Theo Metzger, mỗi ngày đều khác nhau, và bạn không thể luôn luôn lặp lại kinh nghiệm lạc quan. Cô ấy cho biết rằng, "Có những lúc tôi ở trong tình trạng cực kỳ đau đớn đến nỗi tôi không thể tự thực tập thiền được. Trong thời gian đó, tôi không lo lắng về việc ngồi trong tư thế đặc biệt. Tôi chỉ nằm dài trên giường và mở đĩa thu hình chỉ cách thiền -- đặc biệt dành cho người đau đớn – và thường thì điều đó đã giúp tôi." (Xem trang mạng http://journals.lww.com/neurologynow/Fulltext/2012/08040/Meditation_as_Medicine.9.aspx, vào mục Resource Central, trang 49, phần sách và CD về thiền). Theo các chuyên gia, mục đích là để tập trung sự chú ý của bạn. Bác Sĩ Vago nói rằng, "Bạn không cần phải ở vào tư thế ngồi để thiền. Bạn có thể đứng trong lúc sắp hàng trong tiệm tạp hóa. Nếu bạn bị thất bại, thì chỉ chuyển sự tỉnh giác của bạn vào hơi thở. Thật là đơn giản." Ông ấy cũng đề nghị ngồi hít thở 3 lần trước khi xuống giường. Ông cho biết, "Thật là kỳ diệu, điều gì đó huyền ảo lại có thể thay đổi kinh nghiệm suốt ngày của bạn." Trong khi nghiên cứu chưa khám phá ra phải mất bao lâu mới đạt được các lợi ích, thì nhiều chuyên gia nói rằng việc thực hành [thiền] chỉ từ 5 tới 10 phút mỗi ngày là có thể thấy giúp ích. Những người mới thực tập thiền trong các nghiên cứu của Bác Sĩ Zeidan báo cáo đã giảm đau đớn với sự thực hành thiền 20 phút. Trong một cuộc thí nghiệm lần thứ 2, ông ấy cho thấy rằng những khóa tu [thiền] ngắn tương tự cải thiện thành tích của nhận thức trên công tác đòi hỏi sự chú tâm liên tục. Bác Sĩ MacLean cho biết rằng, "Thật là khó để hình dung cấu trúc của não bộ có thể thay đổi sau khi chỉ hơn một giờ đồng hồ thực hành thiền trong 3 ngày." Ông nói tiếp, "Nhưng trên tầng mức tâm lý, đơn giản là có thể tạo ra phương cách khác biệt đối với sự đau đớn, có tất cả các loại lợi ích tức thì." Phương cách khác biệt có thể có những hiệu quả kỳ diệu. Xem bệnh như là trận chiến cần được thắng, chẳng hạn, có thể khiến cho người ta thất bại, đặc biệt khi một chứng bệnh kinh niên đã hiện diện lâu dài như thế thì thật khó có thể bị đánh bại. Metzger kể rằng, "Tôi đã học trong thiền hít thở bằng cảm giác vật lý đối với sự đau đớn và chấp nhận nó trong cách thức thẩm thấu nhất, mà làm kiệt quệ một số sức lực và sự bám víu. Không có sự thực hành thiền thì tôi không bao giờ có thể làm được điều đó." Sau 12 năm, việc thực tập thiền cũng vẫn còn thử thách và dị thường đối với Metzger. Cô cho biết, "Tôi đã học không phải để chống cự lại kinh nghiệm của mình, mà để chấp nhận nó và hít thở vào cơn đau của tôi. Trên đoạn đường dài bệnh tật – nhiều tuần lễ nằm trên giường, một mình, cô độc, rơi vào tuyệt vọng – thiền mở ra không gian cho niềm hy vọng trỗi dậy." Và điều đó có thể làm thay đổi tất cả.



BỔNG DƯNG

*Bồng dung
 Ẽn liệng tưng bưng
 Tưởng mùa xuân đến, dè chừng giữa thu.
 Trách cho con ẻn lu bu
 Không theo trật tự,
 Mặc dù tự do.*

*Ta ngồi,
 Ta nghĩ buồn xo
 Trái thời
 Trái tiết, làm cho lộn nhào
 Thôi thì, nếu có mai sau
 Ẽn ơi, nhớ điểm cho màu xuân tươi !*

*Bồng dung
 Ẽn liệng nghiêng trời
 Tưởng mùa xuân đến,
 Tưởng đời thêm vui.
 Ngờ đâu thu còn ham chơi
 Nền tình xuân
 Vẫn còn nơi cuối ngàn.*

*Trách cho con ẻn bay sang
 Cây chưa trở lộc,
 Đời hoang bóng chiều!
 Bồng dung
 Càng bồng dung nhiều
 Cô liêu ta chạm phải điều bồng dung...!*

Thu 2013

MẠC PHƯƠNG TỬ

Bóng nguyệt lòng sông

TOẠI KHANH

*Nghìn năm đất tổ Luy Lâu
Chuyện xưa trăng rụng chân cầu
thế thôi! (TK)*

Không ai biết ông là người xứ nào. Có người hỏi, ông nói đến một miền đất xa xôi có tên gọi thật khó nhớ. Cứ vậy rồi thân thể của ông trong trí nhớ thiên hạ cũng mơ hồ như cái địa danh xa lạ đó. Nhiều lắm là có người còn nhớ được một chuyện lạ xảy ra vài hôm trước ngày ông đến đây. Lần đó, suốt hai đêm liền, thôn trưởng làng Nhơn Trạch nằm mơ thấy một lão hành khất rách rưới ghé làng rồi đến ngủ nhờ trước hiên nhà ông. Lão lạ lùng lắm, không thấy ăn uống gì, và đến không chào hỏi mà đi cũng không từ biệt. Chuyện kỳ dị lạ ngay sau lúc lão bỏ đi, trên chỗ nằm còn ẩm hơi người ấy, thôn trưởng đã nhặt được một thỏi vàng ròng chói lóa. Ông đã cho người chạy theo lão hành khất để trả lại, nhưng lão im lặng lắc đầu rồi thoảng mắt như bóng ma trên con đường còn đầy sương sớm.

Không phải người nông cạn dễ tin với những mộng mị hoang đường, nhưng lần này thôn trưởng vẫn thấy có chút kỳ lạ. Giấc mơ đêm trước và đêm sau giống nhau từng nét và rõ ràng như chuyện thật giữa ban ngày. Mấy hôm sau, ông có việc đi ngang ngôi đình cuối làng và nhìn thấy một du sĩ đang thọ trai ở đó. Thức ăn chỉ là chút cơm bánh trong bình bát khất thực. Thôn trưởng thoảng giật mình. Trên gương mặt trung niên kia, ông vừa nhìn thấy ánh mắt sâu thẳm của lão hành khất trong giấc mơ đêm trước!

Ngày đó, đạo Phật còn rất lạ lẫm với người dân xứ này. Thiên hạ chỉ thỉnh thoảng kể nhau nghe về một vài tu sĩ ăn mặc lạ lùng theo các tàu buôn xứ ngoài đến đây từ một miền đất nào đó có cái tên như là Thiên Trúc, gọi theo các khách trú phương Bắc. Hôm vị du sĩ lên bờ khất thực, dân làng không biết ông muốn gì khi ngôn ngữ bất đồng và chỉ thấy ông im lặng bước đi trên đường làng, tay

ôm bình bát, một món vật dụng mà họ chưa từng thấy qua bao giờ. Trong hoàn cảnh khó xử ấy, một khách đi đường xem chừng cũng người xứ ngoài, đã rẽ vào quán nước bên đường chọn lấy vài thứ bánh trái đem đến đặt vào bình bát của vị du sĩ rồi im lặng bỏ đi, không nói gì. Cả người cho lẫn người nhận đều im lặng. Dân làng thấy lạ, nhưng mấy ngày kể đó, họ đã biết làm gì khi thấy ông khất thực. Dân chúng ở đây phần lớn mù chữ, nhưng ai cũng có lòng. Sau một vài hôm, họ dần dần biết ông không ăn buổi chiều, khi khất thực chỉ nhận những thứ không cần nấu nướng và không cất lại phần thức ăn dư.

Vị du sĩ thường qua đêm trong đình làng và ban ngày sau giờ khất thực người ta vẫn thường nhìn thấy ông ngồi im lặng một mình ở đầu đó trên đồi cây hay ngoài bãi sông vắng người. Thi thoảng người ta có nghe vài câu trò chuyện của ông với đám trẻ chăn trâu, và có lẽ qua chúng, ông đã từng ngày học thêm tiếng địa phương để nói được những câu chữ đơn giản: Đừng giết, đừng trộm, đừng dối, đừng say, đừng tham, đừng giận. Dần dần, ông còn dạy chúng những bài hát nghe chừng ngộ nghĩnh như đồng dao:

*Nhanh quá phù vân
đời có rồi không
buồn vui vinh nhục
trăng rụng trên đồng
người rồi về đất
như nước về sông
mang gì theo được
ngoài một tấm lòng...*

Chỉ cần nghĩ mơ hồ, chỉ cần chút vẩn điệu là lũ trẻ có thể gõ sừng trâu mà hát. Chúng hát hồn nhiên không cần nghĩ ngợi xa xôi. Nhưng rồi ngày kia cũng có đứa hỏi ông bài hát đó nói gì, ông bảo:

"Trái không độc thì ăn được, lời không phỉ người thì nói được, việc không hại người thì làm được, câu có vần điệu thì hát được. Cứ hát, cứ sống như trẻ con để khi hiểu được ý nghĩa

cuộc đời thì cũng là lúc phải đi xa một mình rồi."

"Đi xa là về đâu thưa ông?"

Vị du sĩ mỉm cười tỏ tay về mấy gò đất bên đường. Đám trẻ tỏ dấu rừng mình. Chúng từng nghe người lớn trong làng bảo đó là những nấm mồ vô danh không biết của ai.

Mùa hạ năm đó, trong làng có người mắc bệnh lạ, thuốc thầy gì cũng không chữa khỏi. Đường cùng, dân làng bàn nhau đến cậy nhờ vị du sĩ như để cầu may, một phần cũng vì có kẻ nhất mực cho ông là một phương sĩ lưu lạc thể nào cũng biết vài món huyền thuật để phòng thân. Nghe dân làng thưa chuyện, vị du sĩ mỉm cười:

"Ta chưa từng biết đến thứ gì là linh phù, thần dược hay cầu đảo quỷ thần. Sa môn dù có riêng biệt dậm mây cũng phải có lúc thuận theo thể thường mà liệu việc: Uống ăn phải lễ, thuốc thang hợp cách, tâm bớt tham giận, tận dụng thanh khí, thân thường vận động. Đó chẳng là phép dưỡng sinh hữu hiệu nhất đó sao!"

"Xin thưa, lời thầy thậm phải, nhưng dường như trong cõi nhân gian đôi lúc còn có những thứ nằm ngoài điều thường thức vốn chỉ có thể nhận biết bằng việc thấy nghe... Nay xin được nghe về điều ấy, ít ra cũng để trấn an lòng người."

"Thì ra là thế. Nếu đã thử qua nhiều cách, giờ còn một cách may ra giúp được gì chẳng: Gom hết ăn mày làng trên xóm dưới về và tùy sức mình mà cho gạo thóc áo quần rồi một lòng nghĩ tưởng đến hàng khuất mặt như là những người thân để chia sẻ công đức này và nguyện được bình yên. Nếu chẳng mắc trọng nghiệp tiền thân thì cách này xem ra cũng có chỗ hi vọng."

Dân làng theo lời và chuyện lạ lùng khó ngờ được đã xảy ra. Hơn chục kẻ bệnh trong làng bỗng đứng khỏe lại như chưa từng đau. Dân làng cảm mộ ân đức vị du sĩ, họ góp sức nhau dựng cho ông một thảo xá xinh xắn nằm biệt lập ở bãi sông cuối làng. Vị du sĩ chịu về thảo xá để không phụ lòng

thiên hạ, nhưng bao nhiêu lễ phẩm mang đến cúng dường đều bị ông từ chối.

Ông tiếp tục khổ thực mỗi sáng, và thức ăn còn lại luôn chia đều cho đám trẻ chăn trâu. Trước sau dường như ông chỉ độ được lũ con nít này. Còn người lớn, phục ông thì có phục, nhưng họ không thể thân cận. Lời ông nghe ra quá khô khan khó hiểu, và điều đáng nói là ông đã không có được một vẻ ngoài khuất lấp mơ hồ để họ phó thác thứ niềm tin thần mi. Ông luôn là một người quá thực tế, minh bạch. Mà đó lại không là điều thiên hạ mong mỏi. Họ muốn thấy ông phù phép thần bí, thậm chí có chút cơ xảo cũng được, miễn là kín đáo tinh vi một tí để lòng phàm dễ dãi của họ có chỗ tựa nương. Nói cho cùng, những thứ ông có thì thiên hạ không cần và thứ họ cần thì ông không có. Thế là dù vẫn mỗi sáng đặt bát cúng dường vị du sĩ, nhưng đối với dân làng ở đây việc tìm đến lắng nghe ông vẫn cứ là điều bất tiện.

Dòng đời trôi nhanh như con nước. Vị du sĩ đã trải hơn mười mùa mưa ở làng Nhơn Trạch. Một đứa trong đám trẻ chăn trâu xem chừng có nhiều ngộ tánh đã tự ý xin theo vị du sĩ để làm học trò và kiếp tu của nó cũng được vỡ lòng bằng mấy bài hát đồng dao mà mỗi chặng đời sau này chỉ là từng bước thăm thía những huyền nghĩa trong đó.

Một đêm mùa đông, sương trắng ở đâu về giăng kín làng và sáng hôm sau người ta mới hay vị du sĩ đã lên đường đi mất, để lại ở thảo xá kia một nhà sư trẻ tuổi tiếp nối chuyện kế sớm kinh chiều.

Những buổi mưa khuya nằm một mình ở thảo xá quanh hiu, nhà sư trẻ kia cứ ngẫm nghĩ mãi vẫn không hiểu được câu nói lấp lửng mơ hồ của sư phụ trong đêm từ biệt:

"Xứ này âm thịnh dương suy. Chánh pháp là mặt trời lớn nên dễ khiến thiên hạ e ngại. Họ chỉ có thể đón nhận cái gì nhẹ nhàng, êm mát như ánh trăng chẳng hạn. Anh trăng cũng là ánh sáng mặt trời nhưng đã qua một miền trung chuyển. Con rồi cũng có lúc phải bỏ đây mà lên đường, nhưng khi đó nơi này sẽ là một đạo tràng lớn mạnh và chính con là người khởi dựng công trình ấy. Đừng quên lời ta, lúc ấy hãy đặt tên chùa là Hiệp Phố..."

Sao lại là Hiệp Phố? Tên gọi



đó nào có ý nghĩa gì trong Phật điển hay văn chương. Dường như đó chỉ là một địa danh cũ ở đất Giao Châu xưa. Thầy nhớ từng nghe qua nơi chốn này từ các kỳ lão. Sao lúc nào lời sư phụ cũng có âm hưởng đồng dao. Ông yêu tuổi thơ hay chưa từng tin cậy người lớn?

Hai mươi năm sau, nhà sư trẻ ngày xưa giờ đã trọng tuổi. Sau mấy lần thay mái sửa vách cho thảo xá, ông đã đi xin gạch vụn về rồi tự tay trộn vữa làm chùa bằng vôi bột, bả đường với nhựa dây tơ hồng hái từ ngoài bãi. Việc xong, ông đặt tên chùa là Hiệp Phố. Trong chùa bây giờ ngoài ông, còn có một bà cụ cũng người phương ngoài xô dạt đến đây xin làm công quả.

Một đêm mưa gió mịt mù, anh đánh dấm ngoài làng đã vớt được trên sông một tráp gỗ ngọc âm thơm lừng và trong đó là một đứa bé còn đỏ hỏn. Anh đánh dấm muốn nuôi làm con, nhưng xem lại thấy nó là gái, anh có chút ái ngại rồi đem giao cho bà cụ trên chùa. Đứa bé được đặt tên Phù Di (con mọi trôi sông) và để nuôi kỳ lạ, chỉ uống nước cơm, cháo loãng mà bụ bẫm mau lớn không ngờ. Vừa lên sáu tuổi nó đã nhận được mặt chữ, hoành phi trướng liễn thấy được ở đâu một lần đều có thể viết lại không thiếu một nét. Thầy trụ trì thấy lạ, đem các sách An Ban, Lý Hoắc dạy cho, thầy đều nắm lòng chẳng sót.

Năm mười ba tuổi, dù ăn vận nâu sồng, nhưng Phù Di cứ đẹp như hoa: Răng ngọc, môi hồng, cao lớn cân đối, đã vậy lại ăn nói ý tứ, sâu sắc. Có điều kỳ lạ là cô bé như cảm ghét đàn ông, bất luận tuổi tác. Ngoại trừ

sư phụ là trụ trì chùa Hiệp Phố, cô bé luôn tránh mặt nam giới. Tuy thế, điều đặc biệt là từ sau ngày có cô, khách thập phương đến viếng chùa như đông đảo hơn. Người ta thích nghe cô tụng kinh, nói chuyện. Giọng cô khi vui như tiếng hoàng yến, lúc buồn nghe như ngọc vỡ. Mấy hôm sư phụ có bệnh, cô đứng làm chủ lễ, người xem như hội.

Một khuya, thỉnh chuông đã lâu, không thấy sư phụ lên điện tụng kinh, Phù Di cùng bà cụ xuống tầng phòng gỗ cửa mãi không nghe thấy tiếng trả lời. Sau đó biết ra là thầy trụ trì đã bỏ chùa ra đi với mấy chữ nhẵn lại, viết trên vách gỗ, đọc tựa đồng dao:

*Duyên đến duyên đi
Nhân sinh mấy thì
Chim chiều về núi
Còn chi, mất chi
Chết là tử biệt
Sống là sinh ly
Kẻ sau, người trước
Ai khứ, ai quy.*

Phù Di chẳng tỏ vẻ gì, mắt chỉ đỏ hoe, xưa giờ ít nói, nay càng im lặng. Ba năm sau, bà cụ mất, Phù Di tròn mười tám tuổi. Cô tự thí phát và chiêu tập ni sinh. Chỉ trong mấy năm, chùa Hiệp Phố đã có một ni chúng trên mười vị, ai cũng chữ nghĩa biện tài. Và trong chùa ngoài cổng lúc này đều được sửa chữa to rộng đẹp đẽ hơn trước, chỉ riêng điện Phật bằng gạch cũ thì vẫn được giữ nguyên như xưa để làm nơi tôn trí di vật của hai đời sư trưởng trước kia.

Ni trưởng Phù Di rất giỏi nghi lễ. Rằm ngươn sóc vọng trên chùa hay chuyện tang tế trong làng đều một tay cô sắp xếp. Cô soạn lại các bài tụng, thêm bớt các lễ tiết, lại nghĩ ra nhiều cách ngâm xướng khác nhau cho từng trường hợp tụng niệm. Cô cũng vẽ lại các kiểu mẫu tranh tượng và kiến trúc đền tháp. Tiếng tăm đồn đại, không ít chùa xa cũng đã đến tham khảo học hỏi. Nhưng không phải ai cũng đồng ý với Phù Di, thậm chí có người không phục, cho cô là xem nặng hình thức, bày vẽ dư thừa. Phù Di trả lời xa xôi:

"Đất này xưa từng có cao nhân dừng chân hóa độ, chỉ tiếc ở đây âm thịnh dương suy nên không chịu nổi hùng lực của chánh pháp. Thương đời không hưởng được ánh nắng, tổ sư đã gợi ý hậu sinh dùng phương tiện ánh trắng để chiếu soi đời mạt pháp. Đạo ta kể ra cũng có âm và



CẢM TẠ

Thành thật cảm tạ sự ủng hộ quý báu bằng tinh thần hay tịnh tài của chư tôn đức Tăng Ni và độc giả đối với báo Chánh Pháp. Đây là niềm khích lệ to lớn cho chúng tôi trong công tác truyền thông, hoằng pháp.

Ngoài sự bảo trợ ẩn phí của chư tôn đức và các tự viện, chúng tôi còn nhận được sự ủng hộ của chư tôn đức Tăng Ni và quý Phật-tử cũng như của quý thân chủ quảng cáo.

Sau đây là danh sách ủng hộ báo Chánh Pháp tháng qua:

Quảng Mã \$60, Dzang Nguyễn \$60, Tôn nữ Huệ \$40, Trương Hạnh \$60, Ng. T. Nhiều \$70, Nguyễn Diệu Linh \$100, Đào Mỹ Phụng – Hoa Đạo \$80, Phạm Giao \$60, Nguyễn Tuyết Mai \$25, Nguyễn Thùy Linh \$10, Lê Lâm C Vân \$60, Lang Kim Sam \$60, Keith Nguyễn \$200, Ngô Các \$60, Võ thị Kim Cúc \$120, Lê Mỹ Phương (Úc) \$500...

Ngưỡng nguyện Tam Bảo thù từ gia hộ chư liệt vị thân tâm an lạc, vạn sự cát tường.

Ban Thư Ký Chánh Pháp

dương, có tánh và tướng, có hình thức và nội dung. Trí tuệ nội quán là phần dương cực, nội dung của đạo. Cúng tế lễ lạc là phần âm cực, hình thức bên ngoài của đạo, như ánh trăng chỉ là phản quang của mặt trời. Hai đời trụ trì ở đây trước kia đều là nam giới, nên xem ra chẳng hợp thủy thổ với đất này. Trí tuệ nội hống của các vị cứ khiến thiên hạ thấy xa lạ, khôn kham. Ta nay thân nữ, có lạm dụng chút hình thức lễ nghi nào đó thì cũng coi như đang dùng ánh trăng phương tiện để hoằng đạo mà thôi. Ngay đến việc ta bày ra các giọng ngâm xướng kinh kệ cho có văn điệu cũng chỉ nhằm thuận ứng lòng người ở đây. Chúng sinh ở chốn biên địa lại trong thời mạt pháp thì chỉ cần nghe để gieo duyên, chứ không thể hiểu để chứng ngộ. Các tiền bối của ta xưa còn dùng đến đồng dao để hoá độ thì việc ngâm xướng du dương hôm nay cũng hợp lẽ mà thôi. Về việc có ai đó cho ta không phải chánh tông truyền thừa, tự ý khai sơn, thì cũng xin trả lời chung là nếu thầy ta là gốc đã đi xa thì ta là ngọn cũng nên nấn ná mà che mắt khách đường trong giây lát. Nếu đã là vật tạm thì luận chi đến chuyện khai giáo hay truyền thừa chứ!"

Năm Phù Di đúng bốn mươi tuổi, một sáng đích thân lau dọn gian phòng cũ của sư phụ đã tình cờ bắt gặp một tráp gỗ lớn thơm ngát, dài khoảng mấy gang tay, nằm kín đáo dưới gầm giường. Nàng bất giác liếc nhìn về bàn thờ sư phụ rồi mở tráp. Một mảnh giấy vàng ố nhưng vẫn còn nguyên vẹn những dòng bút tích của ông:

"Ngày mồng sáu tháng bảy năm Canh Tuất, thiện nam Nguyễn Hoắc đến chùa giao một bé gái trôi sông nhờ cụ bếp Ngô Thị nuôi hộ. Ngoài chiếc tráp bằng gỗ quách am, bên cạnh đứa nhỏ còn một miếng ngọc khắc chữ, hẳn là tên người. Ta là trụ trì tạm cho đứa bé cái tên Phù Di để ngừa chuyện hung hiểm cho nó. Mai sau nếu tu hành sẽ có pháp hiệu, nếu về đời có thể dùng lại tên họ trên miếng ngọc để tương nhận thân bằng."

Phù Di đọc nhanh cái tên mình được khắc trên miếng ngọc trắng muốt. Lý Gia Bảo Châu. Cô bé tên Bảo Châu con nhà họ Lý. Nàng bỗng lạnh người nhớ đến mấy câu nói của sư phụ năm nào:

"Thầy ta từng dặn phải đặt tên chùa là Hiệp Phố... Lại bảo ta rồi sẽ bỏ đi và mai sau ở đây sẽ là một đạo tràng lớn mạnh.

Nhưng trước mắt có ai đâu, Phù Di còn bé thế này lại chẳng phải là tăng."

Hai trong ba điều ấy nàng đã hiểu. Sư phụ của Phù Di đã ra đi từ năm nàng vừa tròn mười lăm tuổi và nơi đây bây giờ ít nhiều cũng đã là một đạo tràng tiếng tăm. Còn vì sao tên chùa phải là Hiệp Phố? Phải chăng sư ông đã biết trước rằng người sẽ trùng hưng ngôi pháp vũ này là một bé gái mồ côi, và lẽ nào tên nàng lại có thể ứng với tên chùa theo lời sư ông đã dặn...

Phù Di thầm thì trên môi: "Chùa Hiệp Phố... Lý Gia Bảo Châu...Châu về Hiệp Phố!"

Rõ ràng nơi đây đã là chốn về của con bé Bảo Châu, và Phật pháp qua cách ứng dụng của nàng quả nhiên có phần đặc địa ở đây như một duyên nghiệp của chúng sinh sở tại. Đó chẳng là ý nghĩa của dụ ngôn Châu Về Hiệp Phố đấy sao!

Như có ai đó xô đẩy, ni sư Phù Di từng bước tiến lại quỳ sụp trước bệ thờ hai thầy phương trượng. Một chút hương trầm bay nhẹ quanh nàng.

Toại Khanh

PHẬT PHÁP TRONG ĐỜI SỐNG

CÓ MỘT CUỘC SỐNG

Tuệ Như

Như bao cuộc sống trong sinh hoạt của con người, nhìn ra xa về phía trước là bát ngát cánh đồng Tràm (củ tràm) đang mùa trở bông trắng ngon. Nơi đây có hàng ngàn con cò xếp đôi cánh mỏng khi bóng trời chiều ngả sắc hoàng hôn.

Mỗi ngày khoảng từ 5 đến 6 giờ sáng, cò chia nhau từng đàn bay về mọi phía trời, thoát nhìn không biết chúng đi đâu, nhưng biết chắc một điều là chúng sẽ tìm đến những cánh đồng xa, những ruộng đầm nhiều lau sậy, cỏ lác hoang vu để kiếm miếng ăn, rồi khi bóng chiều tàn phai chúng lại quay về nơi chỗ đã ra đi.

Như bất cứ một loài động vật nào cũng đều có khả năng bảo vệ và tăng trưởng sự sinh tồn nhất định nào đó, cũng phải đối diện với bao thử thách khó khăn, vất vả để có được cuộc sống và cũng phải đối lấy bao công sức sẵn có để tự mình tìm kiếm miếng sống cho từng ngày đi qua..

Từ hình ảnh ấy, chúng ta lại nghĩ đến xã hội con người cho dù đã tự ngàn xưa hay đến tự ngàn sau, sự đối đầu với bao nhiêu thử thách, nghiệt ngã đã và đang diễn ra mỗi lúc không ít những cảm phức, bắt nguồn từ ý niệm sinh tồn để được an vui hạnh phúc và đau khổ, sang hèn, thành công và thất bại...

Không ai giống ai cùng trong



một hình thức con người, cùng dẫn thân nhập cuộc vào trong cộng đồng, tiếp xúc với bao việc đời, cũng không ngoài mục đích đầu tiên là chuyện áo cơm, nhà cửa, chút danh quyền, mọi của cải và trăm thứ lo toan, rồi yêu thương, rồi hờn giận, rồi bao nỗi vui buồn, thăng trầm lẫn lộn trải dài theo tháng năm, sớm hôm ngược xuôi dòng chảy của kiếp nhân sinh, cũng chỉ vì phục vụ đắp đổi cho chiếc thân tứ đại sinh diệt này thôi! Và nếu làm được một điều gì đó thì cũng phải ngang qua cái giá của sự trải nghiệm hay để chống chọi với bao nghiệt ngã của dòng đời, sự chi phối của thời gian, những tàn hại nhiệt não của bao tâm thức đồng dị với nhau từ phía con người, những cuồng nộ của thiên nhiên, tất cả đều đổ dồn về phía con người và do con người.

Trong đạo lý của Đức Phật, với cái nhìn thuần tịnh siêu nhân, bậc đạo sư không những đã hiểu được dòng chuyển động tâm thức của chúng sanh mà còn thể hiện tình thương yêu từ mạch suối nguồn tâm linh vi diệu, với nguồn mạch ấy, Đức Phật mong rằng:

*"Mong mọi loài chúng sanh
Được an lạc, an ổn
Mong họ chứng đạt được
Hạnh phúc và an lạc..."*
(Kinh Từ Bi, 507-145)

Với những lời tâm nguyện ấy, chúng ta thấy Đức Phật hay đạo Phật luôn hướng đến sự sống và cuộc sống, hay chính Đạo Phật là nguồn sống lành mạnh trong sáng trên mọi sự sống. Có trải lòng ra bằng những ý niệm Từ Bi và bao dung, có quán sát với cái nhìn "như thật" vào trong mọi hiện tượng giới, ta mới thật sự hiểu được, lắng nghe được sự rung động tâm tư của muôn loài.

Trở lại với đàn cò, ta thấy thường chúng có từng đàn xuôi ngược khắp chốn trời xa, khi thì đồng cạn, lúc đồng sâu, khi dãi dầu mưa nắng, khi ẩm no, khi đói khát, khi tranh giành nhau, khi chia sẻ nhau để được phần thức ăn nuôi mạng trong ngày, lại có khi bị các loài điều thú khác hay loài người đánh ngã,

giết hại cướp đi mạng sống. Cảm nghĩ rằng: Cò cũng có tình thương yêu, hờn giận, ganh ghét của cò, cũng có nỗi lo toan đói no ấm lạnh của cò. Và cũng chính vì vậy mà cò phải sớm chiều lặn lội kiếm ăn, chia nhau từng đàn mỗi ngày đi về mọi hướng trời, đến khi sắc nắng tàn phai, vết chiều đỏ dài trên nương rẫy, nơi đầm ao suối đời, thì cò lại gọi nhau về nơi trú ẩn, xếp đôi cánh mỏng qua đêm.

Nhưng liệu rồi một ngày mai kia nơi trú ẩn có còn không và có lại phải tìm đâu khác nữa! Khi nơi trú ẩn ấy nay đã bị tàn phá hoang vu, nhường lại cho bao sắc màu cuộc sống khác. Cò có biết đâu rằng ngày mai rồi ra sao! Bởi vì khi dòng nghiệp thức của chúng sanh chuyển động lên hoặc xuống thì duyên cảnh cũng được đổi thay theo, hoặc trong sáng tươi mát hoặc thấp kém tối tăm hơn. Nhưng dù có tìm đâu và ở đâu, nếu là con người, sự thể hiện một đẳng cấp cao nhất qua ý thức sống giữa mọi loài (tính từ cõi người trở xuống). Điều đầu tiên, Đức Phật đã giới thiệu một nếp sống an định bằng sự chuyển hóa tâm tư thuần thiện, ẩn chứa sự an bình màu nhiệm từ phía nội tâm như:

*"Mong rằng không có ai
Lường gạt lừa dối ai
Không có ai khinh mạn
Tại bất cứ chỗ nào
Không vì hờn giận nhau
Không vì tưởng chống đối
Lại có người mong muốn
Làm đau khổ cho nhau..."*
(Kinh Từ Bi, 508-148)

Nếu chúng ta trải lên cuộc sống bằng những tâm niệm chân thật, với đôi mắt đầy lòng ái kính, thì ở đây mọi tác dụng của bất thiện sẽ không có chỗ để tựa vào mà sinh sôi nảy nở, không trở thành cứ địa của ác đức, trái lại làm tăng thêm sự tươi mát thuần tịnh trong cảnh giới hiền thiện, đó là sự có mặt vô cùng lợi ích lớn lao cho sự sống của mọi loài.

Và ở đây, nếu đàn cò kia, thì những con cò đầu đàn cũng phải biết được những hình thức quan hệ chăm lo và trật tự nhứt định trong loài cò. Dù có bao nhiêu ngàn con hay nhiều hơn thế nữa,

cò cũng đã làm nên nếp sống thanh bình cho xứ sở, cò cũng đã trở thành hình ảnh đầy ấn tượng sâu xa khi cánh cò thông dong bay lả vào nhân gian qua tiếng hát câu hò, bay vào cổ tích tình yêu của con người, quê hương từ muôn thuở xa xôi. Vì thế, dù ngày mai cò có đi đâu và ở đâu.

Chiều nay như bao chiều đã qua, sương chiều trải một màu trắng đục, phủ lên cánh đồng trầm tạo thành những gợn sóng mong manh lãng đãng trong chiều rồi hòa tan với hương trầm phảng phất đâu đây, những cây dừa nghiêng mình soi bóng dưới dòng kinh thăm lặng thảng ngày, cảnh sắc thanh bình như đọng lại bao thanh âm. Trông từng chấm, từng chấm trên nền trời chiều đang di động mỗi lúc một gần hơn, những cánh cò trắng mỏng chao nghiêng quanh vòng như dầu hồi rồi sà xuống những ngọn trầm đang trở trắng bông như để gởi vào hoàng hôn, vào cuộc sống. Chợt hiện cảm nghĩ trong tôi như có một niềm hoan lạc hạnh phúc nào đó của đàn cò kia sau một ngày lặn lội, sau một chiều về nơi trú ẩn, làm tôi nhớ thêm lời kinh của Phật với ước mong:

*"Các loài hiện đang sống
Các loài sẽ được sanh
Mong mọi loài chúng sanh
Sống hạnh phúc an lạc."
(Kinh Từ Bi, 538-147)*



Nó và Đồi Hoa Vàng

MẶC KHÔNG TỬ



Khuya. Nó dậy thật sớm, nó không pha trà uống như thường lệ, mở cái laptop lên và chỉ để ngồi lặng im cùng Secret Garden. Âm thanh vọng về từ khu vườn bí mật. Lại! Là từng chuỗi thanh âm. A, đúng hơn là suối thanh âm chảy tràn sau một trận mưa đêm. Bầu trời quang đãng, không gian yên tĩnh diệu kỳ. Chỉ còn nó và những thanh âm của Secret Garden.

Chưa bao giờ nó thấy Secret Garden lỗi cuốn mình đến vậy. Cũng với những bản nhạc ấy, thế mà giờ đây Secret Garden không còn da diết khắc khoải nữa. Tiếng nhạc trong trẻo vút cao, như những giọt sương đêm trên lá cỏ chợt đẹp lạ lùng khi ánh triều dương về. Từng giọt sương lỏng lánh như trợn vện dằng hiên với đất trời một lần rồi ra đi mãi mãi. Trong đôi mắt nó giờ đây có cả sương mù lãnh đãng, có cả nắng ấm... Có cái gì đó như cựa quậy nẩy mầm từ khu vườn ấy, khu vườn mà bao năm qua nó vẫn thường quay trở về, chỉ để ngồi lặng im.

"Cái cho và nhận đều được trả về trình nguyên." Mắt nó lấp lánh niềm vui. Nocturne của Secret Garden đã đưa nó đến một thảo nguyên xa xôi. Ở đó có chú bé chạy nhảy tung tăng, đuổi theo những cánh chuồn chuồn, bướm bướm, hái những cành hoa dại tím ngát trên cánh đồng đồng tuổi thơ, rồi chú bé biến mất trong sương mù khi màn đêm buông. Nó thấy có dáng người ngồi trầm mặc trên gò cao, sương đêm và khí núi... Bất động. Nó chú mục nhìn và rồi trước mắt nó hiện ra là cả một đồi núi đang trở hoa. Những cánh hoa vàng li ti còn đọng sương. Đúng rồi! Trong bóng đêm cảnh vật như huyền hoặc bởi cái ma mị đến choáng ngợp, thì trong ánh sáng, trong nắng sớm không có cái gì là xấu cả. Đẹp! Đẹp diệu kỳ! Nó bước khẽ khàng như thể chỉ cần một tiếng động nhỏ thì giấc mơ ấy tan biến đi. Nó đã bắt được...

Nó bỗng nhớ đến câu nói: "Lưu lại trong tâm là ảo ảnh tiền thân, phảng phất mùi hương và sắc màu quá khứ không phai nhạt". Lòng nó mở ra. Phương trời cao rộng trải dài trước mắt. Nó ngỡ ngàng khi nhìn lại đôi tay mình. Ừ nhỉ! Đâu cần phải nắm thật chặt một giấc phù vân huyền hóa. Một lần thôi cũng đủ rồi, trợn vện lãnh rồi giữa chập chờn ảo ảnh.

Trực đêm với Ba

MÃ NHUỘC MAI

Hồi ấy, tôi vào khoảng 9 hay 10 tuổi, thường được ba đem theo đi trực đêm tại công sở nơi ba làm việc. Cứ nửa tháng ba lại trực đêm một ca từ 7 giờ tối đến sáng hôm sau. Mấy anh chị em tôi cũng được luân phiên theo ba đi trực. Được theo ba đi trực đêm trong công sở là điều lạ và thú vị đối với bọn tôi. Không còn phải ngủ chen chúc mấy anh em trên cái giường chật chội. Được nằm một mình. Được hưởng cảm giác lạ lẫm ở một không gian rộng lớn nhiều điều không thể lý giải được. Được nhìn thấy những công việc người lớn của ba. Được nghe ba nói chuyện với rất nhiều người lớn. Được ngửi mùi mặn của biển. Và được nghe sóng vỗ.

Công sở nơi ba làm việc là một khu vực gồm nhiều nhà ngang dãy dọc tọa lạc gần bờ biển, rộng bao la và hết sức yên tĩnh, nhất là lúc về đêm. Đến nơi rồi, ba sẽ dắt tôi vào trong văn phòng làm việc chính của ba, một tòa nhà đồ sộ nhất mà tôi từng được thấy. Tại đó, nhân viên trực bảo vệ sẽ vui vẻ lắng xẵng đón tiếp ba và đưa một cuốn sổ dày cộm cho ba ký vào. Sau đó vài

người khác sẽ luân phiên đến gặp, bắt tay chào hỏi ba, đưa hồ sơ giấy má các loại cho ba xem, trình bày, thỉnh thị và hỏi ý kiến ba. Chao ôi! Hồi ấy tôi thấy công việc hành chính của ba sao mà khó khăn phức tạp quá, và vai trò của ba ở chốn công sở đồ sộ chộn rộn này quả phải là đặc biệt quan trọng!

Vào nửa buổi tối, khoảng 8 giờ 30 hoặc 9 giờ, khi mọi công việc bàn giấy đã xong xuôi cho một phiên giao ca trực đêm và thanh lý những vụ việc còn sót lại trong ngày, mọi người đều lần lượt rút lui cả, chỉ còn lại hai cha con. Đây là thời điểm yên tĩnh và êm ả nhất. Khi ấy ba sẽ lôi đầu đồ từ những cái tủ trong góc ra hai cái mùng, một cho ba và một cho tôi. Ba giăng mùng cho tôi ngủ trên một cái bàn, còn ba sẽ ngủ trên một cái giường xếp. Ba sẽ tìm tôi ở đâu đó trong mớ tủ hồ sơ bề bộn kia ra một sổ báo hay bán nguyệt san để tôi nằm đọc trong khi chờ ngủ, còn ba sẽ ngồi vào một trong những cái bàn lớn ở giữa phòng, bàn nào cũng có đặt máy đánh chữ. Tại đó ba lại tiếp tục công việc

thường ngày của ba mà dường như vào ca trực đêm thì ba được yên tĩnh để giải quyết cho rành rẽ thấu đáo hơn.

Gian phòng lớn của tòa nhà đường bệ này được cả chục bóng đèn nêông thấp sáng choang suốt đêm. Đêm đầu tiên tôi còn chói mắt khó ngủ, nhưng đêm trực sau thì đã quen dần với sự sáng trưng đã trở nên vừa lạ và dễ chịu ấy. Trong khi ba ngồi viết hoặc gõ máy đánh chữ lách tách ở cách chỗ tôi nằm ngủ khoảng 7, 8 mét thì tôi nằm cuộn mình trong một tấm chăn của công sở, dòng tai nghe tiếng sóng vỗ rì rào liên tục hết đợt này qua đợt khác ở rất gần bên ngoài kia. Mọi âm thanh và tiếng động trên đời này dường như vắng bật cả, chỉ còn tiếng sóng vỗ rào rạt êm êm và tiếng máy chữ gõ lách tách từng quãng một của ba trong thế giới hành chính của ông.

Tôi sẽ thiếp ngủ đi giữa tiếng sóng và tiếng gõ máy chữ ấy. Tôi sẽ trôi đi trong một cảm giác thanh thoát bình an của tuổi thơ được náu mình ngủ yên trong cái bóng to lớn mà thần thuộc biết chừng nào của ba. Tôi thật yên tâm khi nằm ngủ trên cái bàn trong công sở nơi ba làm việc, một công việc của người lớn hết sức khó khăn và trọng đại để phục vụ xã hội và để nuôi sống gia đình tôi.

Thật dễ chịu được cuộn mình ngủ trong tiếng sóng vỗ rì rào bên ngoài kia và nghe tiếng gõ máy chữ đều đều của ba chỉ ở cách một khoảng không gian xa xa bên cạnh mình. Dường như trên thế gian này mọi điều đều trở nên vừa lạ lẫm vừa gần gũi khi mà mình còn có ba nuôi nấng và chở che.

Trong ký ức tôi bây giờ còn như nghe vang vang tiếng sóng dịu dàng vỗ rì rào vào bờ và tiếng gõ máy chữ lách tách quen thuộc của ba trong những đêm trực ca mấy mươi năm về trước mà giao thoa của chúng như là tiếng vọng hợp âm của tuổi thơ yên ả.



MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CƠM CHIÊN DƯƠNG CHÂU



Vật Liệu:

1. Một củ hành nhỏ (1 cup) cắt ra thành những miếng nhỏ cỡ đầu đôi đũa
2. Một chén (1 cup) đậu và cà rốt xắt nhỏ (có thể dùng loại đông lạnh đã được cắt sẵn)
3. Một bó (5 cọng) hành lá cắt nhỏ
4. 2 cây (1 cup) cần tây (celery) cắt nhỏ
5. Một chén (1 cup) thịt chay (bạn có thể dùng bất cứ loại thịt chay nào bạn thích ăn hoặc hamburger chay băm nhỏ)
6. 2 trứng chiên và cắt nhỏ
7. 3 tép tỏi băm nhỏ
8. 1/2 muỗng café muối
9. 3 muỗng café đường
10. 1/4 teaspoon tiêu
11. 2 muỗng canh dầu ăn
12. Khoảng 6 chén (cup) cơm

Cách Làm:

Cơm nấu hơi khô một chút, nếu được để tủ lạnh qua đêm thì cơm chiên sẽ ngon hơn.

Bắc chảo lên lò cho lửa cao, cho 1-1/2 muỗng canh dầu ăn và tỏi băm vào xào lên cho thơm. Sau đó cho cơm vào và chiên đều lên. Cho muối và đường vào xào, trộn đều và để qua một bên.

Bắc một chảo khác lên lò cho 1/2 muỗng dầu ăn còn lại vào chảo và cho các thứ đậu và cà rốt (2), cần tây (4), thịt chay (5) xào khoảng 2 phút thì tắt lửa.

Bây giờ bạn lấy cơm đã chiên khi nãy và trộn đều với các thứ còn lại như trứng (6), hành lá (3), hành củ (1), tiêu (10). Nếu bạn thích ăn hành củ và hành lá chín thì vặn lửa lên và xào thêm khoảng 5 phút là bạn sẽ có một món cơm chiên rất là ngon miệng.

Ghi chú: nếu bạn thích dùng bơ (butter), bạn cũng có thể cho thêm bơ vào cơm chiên.



Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org



A view from Dieu Nhan Zen Convent - Photo: DieuNhan.net

PHONG CẨM VÀ PHÁP ÂM

Kính tặng Ni Sư Thuần Tuệ
và thiền sinh khoá Tu học Thân Đâu Tâm Đó.

*Phong cầm ngân nhẹ thanh thoi
Sống vui hiện tại lá rơi nắng vàng
Gió Thu mơn mớn vừa sang
Tiếng cười con nít lơ làng phù sinh
Trúc lay xào xạc đỉnh ninh
Lá cây khuynh điệp lung linh phận người
Phong cầm ngân nhẹ thanh thoi
Sống vui hiện tại muôn nơi diệu huyền
Tiếng Cô thanh thoát ngoài hiên...*

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

Tu Viện Diệu Nhân, Rescue, CA.
Khoá Tu Học Mùa Thu, October 13th, 2013.

thơ



NẮNG CHIỀU

*Nắng chiều buồn bã nắng chiều ơi
Sợ cảnh chia ly khổ một đời
Ba đã đi về miền lạc cảnh
Bỏ con ở lại quá đơn côi!*

*Nắng chiều hiu quạnh nắng chiều ơi
Nhớ lại ngày xưa nhớ một thời
Thuở bé hằng ngày Ba dạy bảo
Sống sao phải đạo mới nên người.*

*Nắng chiều chợt tắt nắng chiều ơi
Tối cả không gian, tối cả trời
Cũng giống như đời con thấy vắng
Cha già hình bóng mãi không người.*

*Nắng chiều chia cách nắng chiều ơi
Lá rụng đầy sân, lá tả tơi
Thu đến, Hạ đi trong khoảnh khắc
Chợt buồn, chợt nhớ lệ tuôn rơi!*

DIỆU ĐỨC

CÂY VÀ ĐẤT

*Đất lắm sắc màu trải khắp nơi
Đất nuôi cây lớn dáng xinh tươi
Cây không có đất, cây tàn úa
Đất mãi nhìn lên nở nụ cười.*

*Đất nếu không cây, đất bạc màu
Cây không có đất bám vào đâu?
Đất mang nguồn sống nuôi cây lớn
Cây tỏa cành che mãi có nhau.*

*Đất Mẹ bao dung, đất vị tha
Đất cho sức sống cỗi ta bà
Cho cây rặng rờ cùng mây nước
Cho đất trăm chiều khỏi xót xa.*

*Đất rộng bao la, cây chở che
Trần gian lắm cảnh chẳng ai dè
Cây cao bóng mát, cây che đất
Đất trải tình thương thấm nghĩa quê.*

DIỆU ĐỨC

Độc bài thơ "Hoàng Hạc Lâu tổng Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng" của Lý Bạch

LAM NGUYỄN

Trước khi đọc thơ của Lý Bạch 李白 chúng ta cũng nên nhắc lại tiểu sử của thi hào đời Đường này. Lý Bạch 李白 (701-762) là nhà thơ lớn của văn học cổ điển Trung Hoa. Người đời đã tặng ông cái danh "Thi Tiên" và có nhiều người truyền đi tin rằng: "Lý Bạch 李白 là ngôi sao Thái Bạch giáng thế" hay Lý Thái Bạch, lại có kẻ bảo rằng ở giữa lưng ông có một cái xương đặc biệt, gọi là "xương kiêu ngạo" mà chữ Hán gọi là ngạo cốt. Thi hào Lý Bạch tự là Thái Bạch hiệu Thanh Liên Cư Sĩ. Cho đến nay, chưa có ai xác quyết được ông sinh ở đâu: Người thì cho ông ở tỉnh Cam Túc, kẻ nói Tứ Xuyên, Sơn Đông, cũng có thuyết rằng Lý Bạch thuộc ngoại tộc. Gần đây trong văn học sử Trung Quốc cho rằng: Thi hào Lý Bạch 李白 quê ở Thành Kỷ, Lũng Tây (nay ở gần huyện Thiên Thủy, tỉnh Cam Túc, sinh trưởng tại làng Thanh Liên, huyện Chương Minh, thuộc Miên Châu (nay là huyện Miên Dương, Tứ Xuyên). Căn cứ theo Tháo Đường Tập của Lý Dương Bổng, thì Tổ Tiên thi hào Lý Bạch ở Tây Thành, đến tới cuối đời nhà Tùy can tội nên bị đuổi đến Tây Vực và gia đình ông phải đổi Họ, thay tên. Đến đời Trung Tôn nhà Đường mới dời về Tứ Xuyên. Cho nên người Tứ Xuyên vẫn nghĩ rằng gia đình Lý Bạch chỉ là khách trú mà thôi! Vì vậy, họ gọi thân phụ của ông là Lý Khách (李客). Địa thế của Tứ Xuyên có nhiều phong cảnh đẹp và hai ngọn núi hùng vĩ là Nga Mi và Thanh Thành với những cây cao, rừng rậm, suối mát, sông trong đã gieo vào lòng của Lý Bạch những hình ảnh tuyệt vời mà chúng ta đã tìm thấy trong thi ca của nhà thơ vĩ đại thời nhà Đường này. Lý Bạch được người bạn là Hạ Tri Chương (賀知章) tiến cử đến vua Huyền Tông (玄宗) tức

Đường Huyền Tông (唐玄宗) và được vua phong chức Hàn Lâm Viện (翰林院). Nhưng sau đó, bọn nịnh thần và Dương Quý Phi ghét nên xúi vua không dùng ông nữa. Nhân loạn An Lộc Sơn nổi lên, Đường Huyền Tông phải chạy vào đất Thục và ra lệnh cho Lý Lân là con thứ 16 của vua để bảo vệ miền Trung. Lý Lân chuẩn bị quân đội tiến vào Trường An, nhưng lúc bấy giờ con thứ 14 của vua Đường đã lên ngôi tại Linh Vũ gọi là Đường Túc Tông cũng chuẩn bị quân đội để chống lại An Lộc Sơn. Lý Lân có âm mưu giết Túc Tông nên Túc Tông đã ra tay trước giết Lý Lân. Thi hào Lý Bạch lại tham gia trong quân đội của Lý Lân nên bị khép án tử hình. May nhờ ân nhân cũ là Quách Tử Nghi xin cho khỏi tội chết nhưng Lý Bạch phải bị đày đến Dạ Lang. Hai năm sau ông được ân xá, lúc đó ông đã 60 tuổi rồi. Tuy đã già yếu nhưng thi hào Lý Bạch còn sáng tác rất dồi dào và ông tự nhận mình phải có trách nhiệm "Cải Biến Văn Phong." Rồi năm 761, nhân lúc Sử Triều Nghĩa giết Sử Tư Minh,

thể lực An Lộc Sơn đã yếu nên Đường Thái Uy muốn đem quân đi diệt Sử Triều Nghĩa, Lý Bạch xin cùng đi dẹp giặc nhưng nửa đường bị bệnh thành thử phải trở về và năm sau thì qua đời, thọ 62 tuổi! Thi hào Lý Bạch đã để lại cho đời hơn ngàn bài thơ mà hôm nay chúng tôi xin đọc bài thơ "Hoàng Hạc Lâu Tổng Mạnh Hạo Nhiên Chi Quảng Lăng" (黄鹤楼送孟浩然之广陵) và có sách chỉ đề "Tổng Mạnh Hạo Nhiên Chi Quảng Lăng" (送孟浩然之广陵) mà thôi:

"Cổ nhân tây từ Hoàng Hạc lâu
故人西辞黄鹤楼
Yên hoa tam nguyệt hạ Dương Châu
烟花三月下扬州
Cô phàm viễn ảnh bích không tận
孤帆远影碧空尽
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.

惟见长江天际流
(Lý Bạch 李白)
Chúng tôi xin giới thiệu 4 bài dịch sau đây:



20 古诗两首

hè mèng líng
黄鹤楼^①送孟浩然之^②广陵

[唐] 李白

故人^③西辞黄鹤楼，
烟花^④三月下扬州。
孤帆远影碧空尽，
唯见长江天际流。

注释

①黄鹤楼：楼名，在今湖北武汉。

②之：去，到。

③故人：这里指老朋友。

④烟花：形容花开得繁茂，像浮动的烟雾。



Bạn từ lầu Hạc lên đường
Giữa mùa hoa khói, Châu Dương
xuôi dòng

Bóng buồm đã khuất bầu không
Trông theo chỉ thấy dòng sông
bên trời.

(Ngô Tất Tố)

Bạn từ phương tây biệt Hạc Lâu
Tháng ba hoa khói xuống Dương
Châu

Cánh buồm xa tít vào xanh thăm
Trời nước Trường Giang vẫn một
màu.

(Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh
Đàn)

Bạn cũ rời chân Hoàng Hạc Lâu
Giữa mùa hoa khói xuống Dương
Châu

Buồm ai mất hút trong mây biếc
Chỉ thấy Trường Giang vẫn chảy
mau.

(Trần Trọng San)

Phía tây bạn biệt Hạc Lâu
Tháng ba trăng xuống Dương Châu
thuận dòng

Cánh buồm bóng hút màu không
Trông xa trắng xóa nước sông
bên trời.

(Trần Trọng Kim)

Trong những bài dịch trên của những vị thi nhân, học giả nổi tiếng Việt Nam, nếu ta xét từng điểm chính của nguyên tác thì còn nhiều bài dịch chưa lột hết được cái hay, cái đẹp của nó. Cho nên dịch là một việc rất khó, nhất

là dịch thơ! Trong nguyên tác câu thứ nhất:

Cổ nhân tây từ Hoàng Hạc lâu

故人西辞黄鹤楼

Nghĩa là người bạn cũ tạ từ Lý Bạch tại lầu Hoàng Hạc, nằm phía Tây. Trong 4 bài dịch trên, chúng ta chỉ thấy có 2 câu nhắc đến chữ "Tây" mà thôi:

Bạn từ phương tây biệt Hạc-lâu
(của Thi-sĩ Bùi Khánh Đàn)
và câu:

Phía tây bạn biệt Hạc-lâu
(của học giả Trần Trọng Kim)

Vì sao chúng tôi lưu ý chữ "Tây" (西), có phải là việc làm quá tần mẫn như chẻ sợi tóc làm đôi không!? Chính cá nhân chúng tôi đã từng gặp nhiều người cho rằng bạn của Lý Bạch đi về hướng Tây. Trong tập II Thơ Đường của Trần Trọng San có viết: "Cổ nhân từ biệt lầu Hoàng Hạc đi sang phía Tây" và trong Đường Thi của Ngô Tất Tố cũng đã dịch: "Bạn mình từ biệt lầu Hoàng Hạc đi lên phía Tây." Nếu ta xét 2 chữ "tây từ" (西辞) thì ta thấy rõ là "từ biệt phương Tây" và nếu ta đọc tiếp câu thứ 2 "Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu" (烟花三月下扬州), ở đây chữ "hạ" phải đọc là "há" vì nó là động-từ có nghĩa là "đi xuống." Nhờ thế mà ta biết phía Tây một cách rõ ràng hơn và có thể xác định là bạn của Lý Bạch tức thi sĩ Mạnh Hạo Nhiên (孟浩然) từ biệt phía Tây (tức lầu Hoàng Hạc) trẩy xuống phía Đông (tức Dương Châu). Trong quyển Thi Từ Hán Thường của Đại Chúng Thư Cục ấn hành bằng Hán-văn giằng như sau: "Ngã đích lão bằng hữu, tòng Tây diện từ biệt liêu Hoàng Hạc Lâu" (có nghĩa là Người bạn già của tôi, ở phía Tây từ biệt lầu Hoàng Hạc). Hơn nữa nếu chúng ta hiểu rõ về địa thế, phương hướng của Hoàng Hạc lâu và Dương Châu thì sẽ xác định rõ là Dương Châu ở phía trực đối với Hoàng Hạc lâu. Chỉ một chữ "Tây" của thi hào Lý Bạch cho ta thấy cái "tình diệu" trong thơ Đường! Trong câu "Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu," hai chữ "yên hoa" (烟花) làm cho nhiều người thắc mắc. Có phải đây là cảnh hoa lồng khói hay cảnh mưa bụi giữa mùa hoa nở nên thi hào Lý Bạch mới cảm thấy như

lớp khói phủ ngàn hoa. Đây là cả sự diễm lệ của Đường-thi! Chúng ta thường gặp chữ "yên" trong những câu thơ Đường như: "Yên lung hàn thủy nguyệt lung sa" (煙籠寒水月籠沙) của Thi-sĩ Đỗ Mục (杜牧) và "Yên ba giang thượng sử nhân sầu" (煙波江上使人愁) của Thôi Hiệu (崔顥). Mở đầu bài thơ Thi hào Lý Bạch cho ta thấy hình ảnh phồn hoa nơi người bạn của ông Mạnh Hạo Nhiên sắp đến (tức Dương Châu) có thể ẩn ý nằm trong 2 chữ "yên hoa" vì Dương Châu lúc bấy giờ là nơi phồn hoa đô hội. Lý Bạch vốn bản chất phong lưu, lãng bạt nên khi thấy bạn cất bước ra đi làm lòng ông cũng rạo rức, cái rạo rức của kẻ yêu sống hõ:

"Cổ nhân Tây từ Hoàng Hạc lâu

故人西辞黄鹤楼

Yên hoa tam nguyệt há Dương
Châu"

煙花三月下揚州。

Cái buồn thấm thiết trong hai câu này không hiện rõ ra nhưng nó nằm ẩn sâu bên trong. Tác giả không nhắc đến sầu愁, không nói đến chữ tình情 mà người đọc thấy sầu愁, cảm nghe tình情 chan chứa, đó là cái "diệu" trong Đường-thi! Rồi thi hào Lý Bạch hạ xuống câu thứ 3:

Cô phàm viễn ảnh bích không tận
孤帆遠影碧空盡

Đã vẽ rõ cái lưu luyến của người ở lại. Cái nghệ thuật hội họa ở đây thật tinh diệu; tinh diệu ở chỗ lấy "bích không tận" (碧空盡) làm "phông" để nói lên người bạn cố tri đã mất hút theo cánh buồm! Đó là chỗ khéo (tức chữ Công), chỗ tinh (tức là Thực) của những dòng thơ trác tuyệt đời Đường. Và để kết Lý Bạch hạ bút:

Duy kiến Trường Giang thiên tế
lưu

惟見長江天際流

làm cho độc giả lặng buồn theo với trời, nước Trường Giang!

Lam Nguyên (藍源)



MẮT CHIỀU

*Đem sáo trúc ra đòi ngân nga thổi
Gởi thanh âm vun vút giữa trời mây
Bỗng chợt thấy cọng lau buồn phơ phất
Vất ngang chiều như ánh mắt đang bay*

*Rất có thể trong dòng người đâu đó
Đôi mắt nào đã ẩn hiện đi qua
Gieo bão tố trên chuỗi đời mộng mị
Rồi vụt tan theo ánh chớp thiên hà*

*Ta ngửa mặt đếm thời gian trên tóc
Nghe trong lòng rộn rã những bước chân
Đêm vội xuống tiền ngày về dĩ vãng
Ánh mắt chiều đôi ngã phân vân...*

San Martin, Cali 2013

HÀN LONG AN

thơ

CHỜ THỜ Ơ

*Trăm năm chẳng ngắn chẳng dài
Mây bay nước chảy tháng ngày qua mau
Cuối cùng một nắm cỏ khâu
Thực, tài, danh, sắc... còn đâu hỡi người!
Xác thân o bế một đời
Ngày nào hủy hoại nằm nơi nhĩ tì
Mịt mù muôn nỗi sầu bi
Mặc cho ác nghiệp lôi đi sáu đường.
Khi xưa Phật đã tỏ tường
Tám vạn tư pháp là phương cứu người
Căn cơ sai biệt, khác thời
Thiền, Tịnh, Mật, Hiển,... tùy nơi thọ trì!
Thù đồ dẫu khác đường đi
Nhất chơn pháp giới đồng quy Phật Đà
Hóa Thành, Bảo Sở không xa
Hồi đầu thị ngạn - về nhà Như Lai
Người ơi chờ đợi ngày mai
Vô thường chẳng có chừa ai bao giờ!
Nhớ lời Phật, chờ thờ ơ*

THIỀN SƯ

*Thiền sư như ngọn thạch bàn
Bất phong bất động buộc ràng hư không
Tháng ngày mây trắng tự bong
Khử-lai chẳng nhọc tác lòng từ bi .*

ĐỒNG THIỆN



TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

CHO DÙ BIÊN BIỆT SƠN KHÊ
NHƯNG TÂM TƯ VẪN VỌNG VỀ
CỔ HƯƠNG

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Truyện kể rằng thiên thần Hoa Man, Ma-la-ba-ri (Garland-Wearer, Mālabbhārī) một hôm vào lạc viên ở tầng trời thứ Ba mươi ba với một ngàn tiên nữ. 500 tiên nữ treo lên cây hái hoa, thả xuống; 500 tiên nữ nhặt hoa, kết thành từng tràng và trang điểm cho thiên thần. Một tiên nữ ngồi trên cành cây cao bỗng đứng đầu thai vào một gia đình vọng tộc ở Xá-vệ. Vừa mở mắt chào đời cô đã nhớ rõ kiếp trước của cô là vợ của thiên thần Hoa Man. Do đó, khi lớn lên, cô thường hái nhiều loại hoa khác nhau, kết thành từng tràng cúng dường Đức Thế Tôn và Tăng đoàn với ước nguyện sẽ được tái sinh với người chồng cũ.

Khi lên mười sáu tuổi, cô được cha mẹ gả cho một thanh niên khỏe mạnh, nhanh nhẹn thuộc gia đình phẩm tín Tam bảo. Nhờ thế, cô thường viếng chùa, lễ Phật, cúng dường lương thực, y phục và những vật dụng cần thiết khác cho Thế Tôn và đại chúng với lời khẩn nguyện:

- Nguyên cầu Thế Tôn và hiện tiền chúng Tăng chứng minh công đức, giúp con được tái sinh với người chồng cũ.

Mỗi khi cúng dường, lễ Phật cô đều dâng lời ước nguyện duy nhất như thế. Tăng chúng thấy vậy nhìn nhau, thắc mắc:

- Cô này lạ thật! Coi bộ nết na thùy mị, lễ Phật cúng dường như vậy mà vẫn đa sầu, đa cảm. Chồng ngồi bên cạnh trở vợ, đang tâm tư tưởng chồng hờ kiếp nao! Đúng là: sông ái ân nước dâng ngàn thước, biển khổ đau sóng đập muôn trùng.

Các sư không ngần ngại tặng cho cô biệt hiệu là Trọng Phu, Pa-ti-pu-ji-ka (Husband-Honorar, Patipujikā). Cô thường xuyên chăm sóc tăng đường được thiết lập giữa một ngôi làng hiền hòa, vắng vẻ. Cô ngày ngày quét dọn phòng xá sạch sẽ, chuẩn bị nước sôi và bàn ghế thơm mát cho Tăng chúng. Cô cần trọng tích lũy công đức, nuôi

dưỡng thiện nghiệp; và niềm vui đã đến với gia đình nhà chồng, cô có thai và sanh được một cháu trai bụ bẫm, dễ thương sau mười tháng tinh chuyên chăm lo ẩm thực cho Tăng đoàn. Khi cháu vừa biết đi, cô sanh thêm đứa thứ hai, rồi đứa thứ ba, đứa thứ tư; và trong vòng sáu năm, cô sanh được bốn cháu trai khỏe mạnh, lanh lợi, thông minh.

Một buổi sớm mai, tiết trời dịu mát, cô dâng lễ vật cúng dường Đức Thế Tôn, nghe Ngài thuyết pháp, thọ trì giới luật, và đến cuối ngày thì cô lặng lẽ qua đời sau một chút choáng váng. Cô được tái sinh với người chồng trước theo ước nguyện thiết tha của mình.

Trong khoảng thời gian cô làm dâu, làm vợ, sanh con, lễ Phật, cúng dường, giúp chùa, công quả và già tử dương thế thì các tiên nữ vẫn còn đang trang điểm hương hoa cho thiên thần. Vừa chợt thấy cô, thiên thần Hoa Man hỏi:

- Từ sáng tới giờ ta không thấy thiếp. Phu nhân đi đâu về đó?

- Thiếp đã đầu thai một kiếp, thưa phu quân.

- Phu nhân nói sao?

- Đúng thế, thưa phu quân! Thiếp đã đầu thai một kiếp.

- Phu nhân đầu thai vào cõi nào?

- Trong một gia đình khá giả ở Xá-vệ.

- Phu nhân ở đó được bao lâu?

- Cuối tháng thứ mười thì thiếp được mẹ thiếp cho ra đời. Khi lên mười sáu tuổi, thiếp phải theo chồng về một gia đình khác. Thiếp đã sanh được bốn người con trai. Rồi thiếp lo việc nhà, việc chùa quán quật suốt ngày. Chẳng hạn như lễ Phật,

cúng dường, tụng kinh, bái sám, bữa củi, nấu ăn, giặt giũ, rửa ráy v.v... nhưng thiếp lúc nào cũng cầu nguyện sao cho được tái hợp với phu quân.

- Hay lắm! Thế... thọ mạng của người đời được bao lâu?

- Chỉ vón vẹn một trăm năm!

- Ngắn ngủi vậy sao?

- Đúng vậy, thưa phu quân!

- Nếu thọ mạng người đời ngắn như vậy thì họ chỉ biết ăn chơi, ngủ nghỉ hay lễ Phật, cúng dường?

- Dạ... họ vốn thích buông lung phóng dật, tận hưởng khoái lạc, sống thác theo đời; cho dù sống đến muôn kiếp họ vẫn thế, chả có chủ đề hay định hướng gì cho chu trình sanh-lão-bệnh-tử.

Vô cùng ái ngại, thiên thần Hoa Man cất tiếng hỏi:

- Nếu như phu nhân nói người đời chỉ sống trăm năm, và nếu như họ thường phóng ngôn lộng ngữ, cấu thả buông lung, ăn ngủ vô độ thì làm sao trong thời gian ngắn ngủi ấy họ có thể liễu sanh thoát tử, tận khử khổ đau?

- Phu quân hỏi nhiều quá! Hạ giới một chuyện thì biết. Thiếp thấy sao nói vậy.

- Ha! Ha! Thôi được rồi. Cảm ơn phu nhân đã cho ta biết đôi điều ở dương thế.

Sáng sớm hôm sau, các sư vào làng khất thực, đến tăng đường, thấy nước sôi không có, bàn ghế ngổn ngang, trên thềm dưới sân lá dòn chồng chất, bèn vui miệng nói:



- Ủa, cô Trọng Phu nay sao giải đãi thế! Nhớ đức lang quân năm xưa đến nỗi quên cả nghĩa vụ thiên môn sao? Thưa bà Trọng Phu kính mến!

Một phật tử từ trong nhà chạy ra, chấp tay xá xá và nói lắp bắp:

- Bạch chư sư, cô ấy mất tối hôm qua rồi. Tội nghiệp! Suốt ngày lễ Phật, cúng dường, bòn mót công quả; tối về tắm rửa, cơm nước xong, lên giường nằm là đi luôn. Tội nghiệp quá!

Các sư đã chứng quả A-la-hán thì thần nhiên trước sự vận hành của các pháp hữu vi, còn các sư chưa thành đạt thì ngậm ngùi, liếc nhìn nhau và đưa tay lau nước mắt.

Sau thời thiền hành, khất thực, các sư đến tu viện, đánh lễ Đức Thế Tôn, thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, Phật tử Trọng Phu mất rồi. Cô ấy cần trọng, chăm chỉ, góp nhiều công sức cho chùa, nhưng vẫn một lòng nguyện tác hợp với người chồng cũ. Bạch Thế Tôn, cô ấy đâu thai về đâu? Liệu cô ấy có gặp lại người chồng cũ không?

- Nay các thầy Tỳ-kheo, người chồng cũ mà cô ấy nguyện tác hợp không giống như ý nghĩ suy diễn của các thầy. Đó là thiên thần Hoa Man ở tầng trời thứ Ba mươi ba. Cô ấy đầu thai trong khi đang trang điểm hoa hương cho thiên thần đó. Nay cô ấy đã về quê cũ, gặp lại người xưa trong bầu không khí phu thê hạnh phúc.

- Đứng vậy sao, bạch Thế Tôn?

- Như Lai chơn ngữ giả, thật ngữ giả, bất cưỡng ngữ giả.

- A Di Đà Phật! Bạch Thế Tôn, thọ mạng của chúng sanh trên cõi đời này sao ngắn ngủi quá! Buổi sáng lễ Phật tụng kinh, tối về già từ dương thế!

- Nay các thầy Tỳ-kheo, thọ mạng của con người trên cõi đời này quả thật mong manh, cho nên họ bỏ công tìm kiếm và hưởng thụ dục lạc. Nhưng tiếc thay, ý dục lạc chưa thỏa thì đã bị tử thần lôi họ ra đi với những lời khó khăn than ai oán.

Dừng lại trong giây lát, Thế Tôn mỉm cười, đưa mắt nhìn đại chúng một lượt, xong Ngài đọc kệ:

*Người hái hoa dục lạc,
Tâm tham nhiễm say sưa,
Dục vọng, ý chưa vửa,
Đã bị tử thần kéo.*
(PC. 48)

The Story of Patipujika Kumari

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (48) of this book, with reference to Patipujika Kumari.

Patipujika Kumari was a lady from Savatthi. She married at the age of sixteen and had four sons. She was a virtuous as well as a generous lady, who loved to make offerings of food and other requisites to the Bhikkhus. She would often go to the monastery and clean up the premises, fill the pots and jars with water and perform other services. Patipujika also possessed Jatissara Knowledge through which she remembered that in her previous existence she was one of the numerous wives of Malabhari, in the deva world of Tavatimsa.

She also remembered that she had passed away from there when all of them were out in the garden enjoying themselves, plucking and picking flowers. So, every time she made offerings to the Bhikkhus or performed any other meritorious act, she would pray that she might be reborn in the Tavatimsa realm as a wife of Malabhari, her previous husband.

One day, Patipujika fell ill and passed away that same evening. As she had so ardently wished, she was reborn in Tavatimsa deva world as a wife of Malabhari. As one hundred years in the human world is equivalent to just one day in Tavatimsa world, Malabhari and his other wives were still in the garden enjoying themselves and Patipujika was barely missed by them. So, when she rejoined them, Malabhari asked her where she had been the whole morning. She then told him about her passing away from Tavatimsa, her rebirth in the human world, her marriage to a man and also about how she had given birth to four sons, her passing away from there and finally her return to Tavatimsa.

When the Bhikkhus learned about the death of Patipujika, they were stricken with grief.

They went to the Buddha and reported that Patipujika, who was offering alms-food to them early in the morning, had passed away in the evening. To them the Buddha replied that the life of beings was very brief; and that before they could hardly be satiated in their sensual pleasures, they were overpowered by Death.

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 48.

Like one who picks and chooses flowers, a man who has his mind attached to sensual pleasures and is insatiate in them is over powered by Death.

Translated by
Daw Mya Tin, M.A.,
Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma 1986.

**PHÁP HỘI ĐỊA TẠNG LẦN THỨ 2 TẠI PEEK FAMILY COLONIAL FUNERAL HOME,
WESTMINSTER, CALIFORNIA, NGÀY 05.10.2013**



LỄ KHỞI CÔNG XÂY CẤT CHÙA BÁT NHÃ, THÀNH PHỐ SANTA ANA, CALIFORNIA, NGÀY 06.10.2013



Photos: Dương Nguyễn

MẬT ONG

Bs. Nguyễn Ý Đức



Trước khi nói về giá trị dinh dưỡng và công dụng trị bệnh của Mật Ong, xin cập nhật một vài tin tức đáng để ý.

Trước hết là vào ngày 6 tháng 9, 2013 vừa qua, Cơ Quan Thực Dược Phẩm Hoa Kỳ FDA đã công bố kết quả nghiên cứu trên 1300 mẫu gạo rice và tái xác định rằng lượng thạch tín arsenic trong gạo chưa tới mức độ có thể gây rủi ro tức thì cho sức khỏe người tiêu thụ gạo. Cơ quan sẽ tiếp tục nghiên cứu và xin bà con cứ tiếp tục ăn cơm. Vì "cơm cà" là "gia bản" của người Việt mình.

Thứ đến là trang web y học bsnguyenyduc.com của chúng tôi đã phục hoạt sau khi bị hacker viếng thăm. Và chúng tôi cũng mới đưa thêm lên youtube mấy video sức khỏe về bệnh Ung thư vú, bệnh Trĩ. Xin mời bà con khi nào rảnh rỗi vô coi.

Bây giờ xin nói về Honey.

Nhiều người cho rằng mật ong là một trong nhiều chất dinh dưỡng quý giá nhất mà thiên nhiên đã nhờ những con ong cần cù sản xuất, ban tặng cho con người. Để tỏ lòng trân trọng, họ còn gọi mật ong bằng những cái tên văn vẻ như "bách hoa tinh", "bách hoa cao", "phong đường", "phong mật"...

Mật ong đã là món ăn ưa thích của con người từ thuở xa xưa. Hơn bốn ngàn năm về trước, dân Ai Cập và Ấn Độ đã nuôi ong để lấy mật, nhưng phải đợi tới cả ngàn năm sau, người nuôi ong mới biết được là để có mật, ong phải hút chất ngọt từ nhụy hoa.

Mật ong là thực phẩm ngọt chính của con người cho tới thế kỷ thứ 15, khi đường trắng được tinh chế. Tuy vậy, ngày nay mật vẫn còn rất phổ thông vì nó làm tăng hương vị thực phẩm, làm dịu ngọt món ăn, nước uống và cũng để trị bệnh nữa.



Ong làm mật

Mật ong được làm từ nước ngọt nhụy hoa với 20% nước và 80% đường glucose, fructose. Ở Bắc Mỹ, đa số mật hoa là từ cỏ ba lá (clover), ber-

ry bushes, cây đại hoa vàng (dandelion).

Ong dùng lưỡi dài như một cái ống để hút mật hoa vào bao tử riêng biệt. Ong có hai bao tử: một để chứa và tiêu hóa thực phẩm và một bao tử chỉ để chứa mật hoa. Trong bao tử này, mật hoa được các điều tố chế biến thành mật ong.

Vào mỗi sáng sớm, một vài chú ong "trình sát" bay lượn trong phạm vi vài cây số để kiếm hoa. Chúng sẽ hút thử một số mật nhụy mang về cho các ong khác giám định phẩm chất. Khi đã quyết định mật hoa nào tốt thì cả bầy ong sẽ kéo nhau tới hút mật hoa. Việc hút nhụy không làm hại tới hoa, mà trong khi hút lấy nhụy thì ong cũng giúp hoa thụ phấn.

Để có được một bao tử đầy mật (khoảng 70mg), ong phải hút nhụy từ vài trăm đến cả vài ngàn bông hoa. Cho nên, muốn có nửa lít mật cần tới nước ngọt của cả triệu bông hoa. Khi về đến tổ, một nhóm ong thợ khác hút lại mật hoa này, biến chế, rồi rải rộng trong những ngăn của tổ, dùng cánh để quạt cho bay hơi nước. Sau đó mật ong được tồn trữ trong khuôn gấn kín bằng sáp, để làm lương thực suốt năm. Một năm bầy ong ăn hết từ 50 tới 100 kg mật.

Các loại mật ong

Mật ong là một chất lỏng, hơi sền sệt, từ không màu tới màu hổ phách vàng nâu hoặc nâu sậm như mật mía, tùy theo loại mật hoa. Phẩm chất của mật cũng thay đổi tùy theo địa phương, loại hoa mà ong hút phấn và nhụy.

Mật ong thường được thu hoạch vào mùa Xuân và mùa Hạ, buổi sáng hoặc trưa khi ong bay đi ăn xa.

Từ tổ ong, mật được lấy ra bằng máy ly tâm, diệt trùng bằng hơi nóng và hơi lạnh, lọc vẩn cặn rồi vô chai. Để tăng thêm số lượng, người làm mật có thể pha thêm đường trắng hoặc nước ngọt của bắp vào mật trước khi tung ra thị trường.

Mật ong có thể được cất giữ ở nơi khô ráo trong nhà mà không cần để trong tủ lạnh. Để lâu, mật có thể đổi sang màu đậm nhưng vẫn không hư vì trong mật có một loại kháng sinh thiên nhiên có thể tiêu diệt các ký sinh làm hư mật. Nhưng sau khi pha loãng với nước thì mật sẽ mau lên men và mau hư như trái cây hoặc rau đậu.

Khi giữ nơi nhiệt độ lạnh, mật có thể kết tinh. Chỉ cần để trong lò vi ba hay trong nồi nước ấm độ vài phút là mật ong lỏng trở lại.

Sữa Ong Chúa (Royal Jelly)

Đây là một chất lỏng đặc sánh, màu trắng như sữa, do những hạch đặc biệt ở cổ họng ong thợ tiết ra.

Vì thấy rằng ong Chúa nuôi bằng mật này sống lâu hơn và cơ thể to hơn cho nên Royal Jelly đã được nhiều người ưa chuộng và giá tiền rất đắt. Nhiều người tin rằng sữa ong chúa có thể "cải lão hoàn đồng", làm hết các vết da nhăn trên mặt, nuôi dưỡng da, thuốc bổ tăng cường sức khỏe, giúp đời

sống tình dục tốt. Các nhà sản xuất còn quảng cáo là sữa ong chúa chữa được các bệnh đau gan, phong thấp khớp, thiếu máu, loét bao tử...

Phân tích cho thấy sữa ong chúa cũng chỉ có thành phần hóa chất như mật ong thường mà thôi.



Giá trị dinh dưỡng

Ngoài trừ trái cây và rau đậu, mật ong là nguồn thiên nhiên quan trọng cung cấp cho con người những chất ngọt dễ tiêu.

Trong mật ong, đường chiếm tỷ lệ 80%; còn lại 20% là nước và các chất khác. Hai thứ đường chính là glucose và fructose. Ngoài đường ngọt, mật ong còn chứa khoáng chất, sinh tố B, C, các chất amino acid, một ít chất đạm, vài loại men và mấy hợp chất thơm.

Mật ong thường được ăn nguyên chất với bánh mì. Cũng có thể pha mật ong với bơ hay margarin rồi phết lên bánh mì. Mật ong có thể ăn với trái cây, khoai...

Khi nấu, một vài chất dinh dưỡng trong mật bị nhiệt tiêu hủy, nên cần giữ nhiệt độ vừa phải và chỉ cho mật ong vào nồi khi món ăn đã gần chín.

Bỏ lò, mật ong thấm với các gia vị khác vào thực phẩm nên ít bị thay đổi.

Mật ong có nhiều mùi vị khác nhau, vì đôi khi ong bay xa cả trăm cây số để hút nhụy hoa của nhiều thảo mộc khắp nơi trên trái đất. Dù mùi vị có khác nhau, mật ong không mau hư, có thể cất giữ ở ngoài tủ lạnh.

Công dụng trị bệnh

Sách tham khảo The Edinburgh New Dispensatory xuất bản năm 1811 có ghi: " Từ xưa, mật ong đã được dùng như một loại thuốc rất tốt để làm long đờm, làm mềm dịu các mụn nhọt, để rửa các vết lở loét trên da".

Tại Úc châu và Tân Tây Lan, mật ong được phép bán như một dược phẩm để trị bệnh. Mật ong đã và đang được dùng để chữa bệnh theo

kinh nghiệm dân gian hoặc các nhà nghiên cứu trong những trường hợp sau:

- Mật ong bồi bổ , tăng cường sinh lực, rất tốt cho người bị bệnh đang hồi phục.

- Mật ong làm bớt căng thẳng, làm thư giãn thể xác và tâm hồn.

- Trước khi đi ngủ, uống mật ong khiến giấc ngủ ngon hơn. Theo một nghiên cứu của Viện Công Nghệ Massachusetts (Massachusetts Institute of Technology-MIT), chất ngọt của mật làm não tiết ra nhiều serotonin mà serotonin lại làm dịu hoạt động của não, khiến ta ngủ dễ dàng.

- Mật làm sự tiêu hóa được dễ dàng nhờ chất đường dễ tiêu glucose và fructose

- Mật ong làm giảm ho vì thông đờm, rất tốt cho người bị suyễn, viêm cuống phổi, ho gà.

- Mật có phần hoa nên đã được dùng để làm cơ thể quen dần với phần hoa, tránh dị ứng theo mùa, nhất là vào mùa xuân. Đây cũng là nguyên tắc được áp dụng để làm người dị ứng với phần hoa trở nên quen đi bằng cách tiêm một lượng rất nhỏ phần hoa vào cơ thể.

- Mật ong rất tốt để làm bớt đau cuống họng, làm sạch răng miệng, làm mau lành lở miệng, lở mép nhờ có chất hydrogen peroxide.

- Mật ong làm mau lành các vết thương ngoài da, có tính cách khử trùng và là hàng rào tốt để cản sự xâm nhập của vi trùng vào các vết thương.

- Các nghiên cứu ở Ấn độ cho thấy bệnh nhân bị phỏng mà được bôi bằng mật thì da mau lành hơn là chữa với thuốc trị phỏng silver sulfadiazine.

Tổ chức Y Tế Thế Giới khuyên người đi du lịch mắc bệnh tiêu chảy uống nhiều nước cam có pha mật ong, một chút muối và một chút baking soda để bù lại số nước và khoáng chất mất đi.

E. Haffejee and A. Moosa phổ biến kết quả nghiên cứu trên British Medical Journal năm 1985 cũng đồng ý rằng mật ong có thể rút ngắn thời gian bị bệnh tiêu chảy ở trẻ em.

- Mật ong rất tốt cho da: Thoa trên da, mật ong làm da mịn, mềm hơn vì mật giữ độ ẩm cho da. Mật làm bệnh trứng cá mau lành; bôi lên tóc, mật làm tóc bóng mượt và mềm.

- Mật ong có một lượng khá cao chất chống oxy hóa tốt tương đương như sinh tố C, nên có thể làm chậm sự lão hóa và giảm nguy cơ ung thư.

Cơ quan Kiểm Soát Bệnh Tật Hoa Kỳ lưu ý là không nên cho trẻ em dưới một tuổi dùng mật ong vì cơ thể các em chưa đủ sức chống lại loại vi khuẩn gây bệnh trứng độc thực phẩm (clostridium botulinum), đôi khi có lẫn trong mật.

Kết luận

Những con ong nhỏ bé nhưng với khả năng tinh xảo do thiên nhiên ban cho đã tốn nhiều công sức để tạo ra món thực phẩm ngon lành, bổ dưỡng và quý giá để cho con người tận hưởng. Nhưng dù tốt, mật ong cũng không phải là loại thực phẩm có thể thay thế cho tất cả các thực phẩm khác. Hơn nữa, nếu lạm dụng mật ong quá mức thì chắc chắn cũng sẽ có những phản ứng bất lợi cho cơ thể. Vì thế, cho dù sẵn có mật ong để dùng, chúng ta cũng nên hạn chế ở một mức độ vừa phải thì hợp lý hơn.

Bác sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC
www.bsnguyenyduc.com

PHẬT HỌC

MÔNG SƠN THÍ THỰC

Đức Hạnh

A.- Duyên khởi. Đạo Phật là Đạo cứu chúng sanh ra khỏi sáu cõi sinh, tử, luân hồi khổ đau, để đến các cõi Phật, là những cõi vô sanh, vô tử. Do đó chư Phật trong 10 phương thế giới Phật, đều thị hiện vào Tam giới, Lục đạo, để cứu khổ chúng sanh theo sở nguyện và phương tiện (giáo pháp, tâm đại từ bi, trí tuệ) của mình. Như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện vào cõi Ta bà, nói Pháp và hướng dẫn con Người tu tập giáo pháp, để giải thoát sanh tử, luân hồi. Đức Phật còn thuyết minh về các kinh Dược Sư, Địa Tạng, để cho con người được biết sự cứu khổ bệnh tật của Phật Dược Sư đối với con người và sự cứu khổ chúng sanh trong các cõi Địa ngục, các loài Nga quỷ trong địa ngục và tại không gian cõi Người của Đức Phật Địa Tạng, để cho con người tự cảnh giác mà xa lìa các đường Ác. Đức Thích Tôn Mâu NI, cũng không quên nói về kinh A Di Đà cho loài Người ai muốn vãng sanh về nước Cực Lạc của Phật A Di Đà, thì lo mà tu Tịnh Độ. Đức Bồ Tát Quán Thế Âm nói thần Chú Đại Bi để cứu khổ nạn cho chúng sanh.

Bên cạnh Đức Thích Ca Mâu NI lúc bấy giờ, có nhiều vị cổ Phật thị hiện trong Tăng đoàn của Phật, để trợ lực với Phật về một số giáo vụ quan trọng khác nhau. Như các Ngài A Nan (thị giả Phật, nghe và thuộc lòng tất cả kinh Phật đã nói), Xá Lợi Phất (bên cạnh Phật thuyết Pháp), Ca Diếp, Mục Kiền Liên (được Phật chỉ cho cách cứu mẹ thoát kiếp Nga quỷ qua kinh Vu lan), Phú Lâu Na, Phổ Hiền, Văn Thù, Quán Thế Âm, v.v... Trong tất cả vị cổ Phật có mặt bên cạnh Đức Phật Thích Ca, thì Đức Phật Quán Thế Âm, được thấy nhiều hạnh nguyện Bồ Tát cứu khổ chúng sanh thật là đa dạng, bằng cách thị hiện nhiều thần tướng chúng sanh các cõi.

B.- Phật Quán Thế Âm thị hiện quý vương Tiêu Diện và xuất xứ Nghi thức "MÔNG SƠN THÍ THỰC CÔ HỒN". Có 3 xuất xứ.

Xuất xứ 1. Lúc Phật còn tại thế. Một hôm, vào buổi chiều, Tôn giả A Nan đang tọa thiền tại bãi cỏ ngoài Tinh xá Kỳ viên. Bỗng nghe có tiếng động, A Nan ngước mặt nhìn, thấy một con Quỷ có thân tướng mặt đỏ, lưỡi le dài tới rún, miệng tóe lửa, râu ria xồm xoàm, tay cầm chia ba, quỷ xuống. Quỷ nói: "Này A Nan, Ta là Quỷ Vương, thống trị các loài Nga Quỷ, nhưng Ta đang đói lắm! Ta sẽ ăn thịt A Nan." Nói xong, con Quỷ truồn tới. A Nan sợ quá, đứng lên, nói: "Khoan đã, đừng ăn thịt Ta, Ta sẽ tính chuyện ấy sau cho Quỷ." Nói xong, A Nan chào Quỷ Vương, đi vào Tinh xá. Tại đây, A Nan gặp Phật và trình bày hết đầu đuôi câu chuyện về con Quỷ mặt đỏ, lưỡi dài, miệng đầy lửa, đòi ăn thịt mình cho Đức Phật nghe.

Đức Phật nói: "Không sao đâu, A Nan đừng sợ! Quỷ, không thể ăn thịt người được. Để Như Lai chỉ cho A Nan những cách cúng dường cho các loài Quỷ được ăn."

Những cách cúng thí ấy cho các loài Nga quỷ, Âm linh, Cô hồn... được ăn như thế nào, mà Đức Thích Tôn đã chỉ cho Ngài A Nan, đã được ghi trong kinh có tên "**Kinh Diệm Khẩu**."

Xuất xứ 2. Với lòng thương xót chúng sanh trong các cõi Âm vô bờ bến, bởi đại bi tâm và trí tuệ thâm sâu của các Đạo sư chân tu, Ngài thiền sư Bất Động đời nhà Đường, tại núi **MÔNG**, đã được vô số **Nga quỷ, Âm linh, Cô hồn** tìm đến Ngài, để xin Ngài bố thí cho ăn qua nhiều hiện tượng; như cứ vào những chiều chạng vạng, Ngài Bất Động thiền sư nhìn thấy những ngọn lửa lập lòe, ngẩn, dài, run rẩy, chơi vơi dưới các thung lũng núi Mông, cùng với những âm thanh tru tréo, hú vang thật rùng rợn! Rồi đến đêm khi Ngài vào ngồi thiền, thì nghe bên ngoài chung quanh chùa có những tiếng xì xào, gõ cửa, than khóc,...

Trước những hình ảnh ma quái của các loài, Nga quỷ, Âm linh, Cô hồn hiện ra hằng đêm như vậy, Ngài thiền sư Bất Động hiểu ý các loài âm linh ấy bị đói, lạnh muốn Ngài cứu giúp cho được no, được ấm. Từ đó Ngài Bất Động quyết tâm đi tìm phương cách bố thí thực phẩm cho chúng sanh cõi âm được ăn bằng giáo Pháp Phật (cam lồ pháp thực). Do vậy, Ngài Bất Động đã bỏ công tìm kiếm trong Đại Tạng kinh đời nhà Đường qua nhiều tháng. Ngài Bất Động đã bắt gặp cuốn kinh **Diệm Khẩu**.

Cách thức cúng Cô Hồn trong Kinh Diệm Khẩu. Trong kinh ghi rõ lời Đức Thích Tôn chỉ dạy cho Ngài A Nan nhiều tiết mục cúng thí cho các loài Nga quỷ được ăn bằng **xúc thực, ý tứ thực** theo thứ tự như: mua sắm các thực phẩm nấu chín, bày biện lên bàn, có hương, hoa, trà, quả. Rồi chấp tay nhứt tâm phụng thỉnh chư vị cổ Phật đến đạo tràng cúng tế, để giúp chúng sanh cõi âm được ăn, uống, cùng nghe rõ lời kinh, lời pháp khai thị của chư Phật một cách trật tự và hanh thông. Bởi vì mỗi vị cổ Phật đều có uy lực riêng biệt thật siêu đẳng; như vị Phật **Diệm Nhiên Vương**, có tên Tiêu Diện Đại Sĩ (Phật Quan Thế Âm thị hiện) được phụng thỉnh trước tiên đến, để thống lãnh các loài cõi âm nói chung, đến đạo tràng trong trật tự. Tiếp đến phụng thỉnh 13 vị Phật.

1) "An dà ra để da ta bà ha," có uy lực mở các cửa địa ngục do thông qua vua Diệm vương và Phật Địa Tạng. **2)** Sau khi các loài Nga quỷ, Cô hồn ra khỏi địa ngục, được Đức Phật "**Bộ bộ để rị dà rị đa rị đất tha nga đa da**" mời và hướng dẫn tất cả vào đạo tràng. **3)** Đức Phật "**An tam dà ra dà da ta bà ha**" đến nói pháp giải oan. **4-** Đức Phật "**Án, bát ra mạt lân dà nambah ta bà ha**" (Địa Tạng) đến diệt định nghiệp. **5)** Đức Phật "**Án, a lố lặc kế ta bà ha**" (Quán Thế Âm) đến diệt nghiệp chướng. **6)** Đức Phật "**Án, bộ bộ để rị dà rị đa rị đất tha nga đa**



da” đến khai yết hầu. 7) Đức Phật “**Án, tam muội da tát đỏa phạm**” đến tam muội da giới. 8) Đức Phật “**Tát phạ đất tha, nga đa phạ lô chỉ đế, án tam bạt ra, tam bạt ra hồng**” đến để biến thực. 9) Đức Phật “**Tô rô bà da, đất tha nga đa da, đất diệt tha, án tô rô tô rô, bát ra tô rô, ta bà ha**” đến biến nước thành cam lồ. 10) Đức Phật “**Án no-an noan noan noan**” đến nhứt tự thủy luân. 11) Đức Phật “**Tam mãn đa mãn đà nãm an no-an**” đến nói pháp nhũ hải và phụng thỉnh 7 vị Phật: Đa Bảo, Bảo Thắng, Diệu Sắc Thân, Quảng Bát Thân, Ly Bồ Uy, Cam Lồ Vương, A Di Đà, đến để hộ niệm, gia trì cho các thức ăn thức uống thành Tịnh pháp thực cho các giới Phật tử. Pháp thí thực cho các loài hữu tình. Cam lồ thủy cho các giới Cô hồn. Tất cả 3 giới trên trong cõi âm được ăn, uống một cách hanh thông, dù ăn bằng xúc cảm, ý nghĩ, vẫn cảm thấy no nê. Nhưng, trước khi cùng ăn, ba giới **Phật tử, Hữu tình, Cô hồn** được nghe 7 vị Phật nói lời khai thị: Hãy phát nguyện xả bỏ lòng tham lam, quay về Tam Bảo và phát tâm Bồ đề, tức khắc được ra khỏi cõi u minh, sanh về Tịnh độ. Xong rồi, 3 giới cõi âm ấy được Tôn giả A Nan nói lời mời ăn, uống. (Nhứt đấng Phật tử, Hữu tình, Cô hồn chúng...). Ngày xưa, thì Tôn giả A Nan tự thân tri hành hết các việc: phụng thỉnh chư Phật, triệu thỉnh các loài Ngạ quỷ, Cô hồn đến đạo tràng và mời ăn, uống. Cuối cùng Đức Phật 12) “**Án mục lục lăng ta bà ha**” đến nói pháp thí vô giá thực. Đức Phật 13) “**Án nga nga nẵng tam bà, phạ phiệt nhứt ra hồng**” đến nói pháp phổ cúng dường.

Nội dung nghi thức cúng thí thực cho các loài Ngạ quỷ, Cô hồn, mà Đức Phật đã nói cho Tôn giả A Nan, được ghi trong kinh Diệm Khẩu, chỉ bấy nhiêu trên, nếu không nói là cơ bản, **đủ để** cho các loài Ngạ quỷ, Cô hồn được ăn, uống, nghe Phật pháp, siêu sanh Tịnh độ do ở **13 vị cổ Phật và Bồ Tát Tiêu Diện Đại Sĩ**, tất cả đều có uy lực siêu đẳng gia trì, hộ niệm cho.

Ý nghĩa Thần Chú. Qua uy lực siêu đẳng của 13 vị cổ Phật trong kinh Diệm Khẩu, cho ta thấy và hiểu thêm ý nghĩa của Thần chú, là siêu đẳng chú tuyệt đối, linh diệu chú không thể nghĩ bàn, không có ngôn từ giải thích, thì đó là Phật. Cho nên, Phật chính là Thần chú, Thần chú là Phật. Điều này được chứng thực qua bài kinh Đại Bi, thường gọi là “**chú Đại Bi Đà La Ni**” (tổng trì - năng trì, khả năng gìn giữ), gồm có 84 danh hiệu cổ Phật, do đó không giảng nghĩa được. Tám mươi bốn danh hiệu, trong đó có 32 hóa thân của Phật Quán Thế Âm. Danh hiệu cuối cùng 84, **Ta bà ha**, là Bồ Tát Tiêu Diện Đại Sĩ (Phật Quán Thế Âm hóa thân).

Cũng được biết thêm một số vị cổ Phật quen thuộc, có mặt trong Thần chú Đại Bi như: Phật A Di Đà 26 (Ma hê ma hê rì đà dục). Phật A Nan 47 (Bồ đà dạ bồ đà). Phật Xá Lợi Phất 53, hóa thân nữ (Tất đà dạ). Phật Mục Kiền Liên 56 (Ta bà ha). Phật Ca Diếp 75 (Ta bà ha). Phật Phổ Hiền 77 (Nam mô a rì da). Phật Văn Thù Sư Lợi 78 (Bà lô cát đế). Trong 84 hình tượng hóa thân của chư vị cổ Phật ở kinh Đại Bi, thì 35 hóa thân Nữ, 49 thân Nam.

Xuất xứ 3. Nghi Thức Công Phu Chiều. Cũng từ nơi Thiền sư Bất Động. Sau khi đọc hết nghi thức cúng thí thực cho Ngạ quỷ trong kinh Diệm Khẩu, Ngài Bất Động giữ nguyên toàn bộ lời Phật dạy cơ bản, để làm nền tảng cho việc biên soạn thêm một số nghi thức tại chùa ở núi Mông, do đó được có tên “**Nghi Thức Mông Sơn Thí Thực Cô Hồn**”. Tác



phẩm đầu tiên. 1- Nghi **Công phu chiều**, dành riêng cầu siêu độ cho Cô hồn, Ngạ quỷ hằng ngày trong thiền môn (chùa). Trong đó gồm có kinh Di Đà để cầu siêu. Kinh Hồng Danh Bảo Sám để sám hối cho chúng sanh cõi âm nói chung. Tiếp đến Tiểu Mông Sơn (toàn bộ kinh Diệm Khẩu). Tuy nhiên Ngài Bất Động có thêm lời ngưỡng vọng, hướng về kính lễ lên: Đại phượng **Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh**. Thường trụ **thập phương Phật, Pháp, Tăng**. **Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni. Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát. Minh Dương Cứu Khổ Địa Tạng Vương Bồ Tát. Khải Giáo A Nan Đà Tôn Giả**. Lời ngưỡng vọng, kính lễ này. Nếu không nói rằng; là lời báo ân và giới thiệu cho toàn thể bốn chúng đệ tử Phật hậu lai được biết nguyên nhân được có ra nghi thức cúng thí Cô hồn, Ngạ quỷ, là do **hai vị cổ Phật Quán Thế Âm, A Nan và Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni**, mà có. Thứ đến, Ngài Bất Động làm lễ quy y Phật, Pháp, Tăng cho ba giới cõi âm, đó là **Phật tử** (đang làm thân Ngạ quỷ, Cô hồn bên cõi chết, do tu tập không chín chắn), **Hữu tình** và **Cô hồn**. Sau đó Ngài Bất Động nói lời khai thị cho 3 giới Phật tử, Hữu tình, Cô hồn rằng: “Đã tạo ra các nghiệp ác, đều do tham sân, si từ vô thủy, từ thân, miệng mà sanh ra. Tất cả đều sám hối”. Ngài Bất Động còn tự thêm hai lời nguyện độ “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ...” “Tự tánh chúng sanh thế nguyện độ...” Sau cùng là những bài kinh Bát Nhã, Vãng Sanh, v.v... (Ai muốn biết rõ Nghi thức Công phu chiều, thí thực Cô hồn, hãy xem trong Nghi Thức Tụng Niệm)

2- Nghi Thức Cúng Thí Thực Cô Hồn (đặc biệt vào các lễ Vu lan, Phật Đản...hay tại tư gia, khác với công phu chiều cúng cháo Cô hồn).

Vị Tăng chủ sám niệm hương, tụng lời phụng thỉnh Tiêu Diện Đại Sĩ, Đức Phật A Di Đà, Quán Thế Âm, Địa Tạng. (có lời văn phụng thỉnh riêng ở 3 vị Phật nói trên, dài cỡ ¼ trang giấy. Lời văn thỉnh ấy do các vị đạo sư chân tu Trung Hoa, VN- Huế chế tác). Tiếp đến triệu thỉnh các âm linh, Cô hồn và vô số vong linh con người trên quê hương mình đã bị chết nhiều cách khác nhau, như những lời: “Nhứt tâm triệu thỉnh Pháp giới lục đạo, thập loại Cô hồn, hà sa nam nữ, lộ đồ tán mạng, thương vong hoạnh tử chỉ lưu...Nhứt tâm triệu thỉnh chiến tranh tử nạn, tù nhân uống tử, chiến sĩ trận vong, hải tặc nạn nhân oan hồn, vân vân...đều triệu thỉnh hết. Đọc điệp xưng tên gia chủ (tư nhân hay Hội Phật Giáo, đoàn thể nào đó) phát tâm cúng thí Cô hồn. Sơ hiến

trà. Vị Tăng chủ sám và chư Tăng tụng toàn bộ nghi **Mông Sơn Thí Thực Cô Hồn** (hơn một nửa của kinh Diệm Khẩu và của thiền sư Bất Động biên soạn thêm).

3- Nghi thức tang lễ : Nhập liệm, cầu siêu, tiễn linh (cúng linh). Những nghi lễ này được xuất hiện, sau thời Thiền Sư Bất Động, do từ các vị đạo sư chân tu bên Trung Hoa và Việt Nam (Huế-Bình Định) biên soạn nhưng, một số Thần chú, bài sám phụng thỉnh Phật, Bồ Tát, triệu thỉnh hương linh cơ bản trong kinh Diệm Khẩu vẫn giữ nguyên. Chỉ thêm một số bài sám, Sớ, Diệp hay lời Pháp ngữ và cách thức cúng tế, lễ lạy, v.v...

4- Nghi Thức Trai Đàn Chấn Tế Siêu Độ hay Bạt Độ

Nghi thức Trai Đàn Chấn Tế, được có ra, do các vị Đạo sư chân tu Trung Hoa và Việt Nam- Huế, Bình Định dựa vào tư tưởng cứu bạt của kinh Diệm Khẩu làm nền tảng. Rồi biên soạn, chế tác nhiều bản văn theo thể lục bát, thất ngôn, lục ngôn, ngũ ngôn, tứ ngôn, hai câu, hoặc một đoạn văn xuôi trong nghi thức. Những bài văn ngắn, dài này để **tác bạch, xướng ngôn, tán, tụng, phụng thỉnh chư Phật, triệu thỉnh thập loại cô hồn, âm hồn, các giới vong linh, và nói pháp ngữ**. Số lượng những bài văn nói trên có đến hơn trăm, chưa nói đến nghi Mông Sơn Diệm Khẩu, là đẳng khác. Trong số hằng trăm bài tán, tụng, phụng thỉnh... đó, thỉnh thoảng có đề cập đến hai vị Phật tối quan trọng, là Phật Quán Thế Âm và Tôn giả A Nan. Được thấy trong hai bài: "Hội khởi Mông Sơn tối thẳng duyên.... Giáo điển chơn thừa cứu đảo huyền. **Nan Đà tôn giả nhưn nhập định. Cứu khổ Quán Âm thị Diệm Nhiên.**" (Ngài Tiêu Diện) Và bài "Tu thiết trai điền, **A Nan** nhưn duyên khởi, cứu khổ **Quán Âm, thị hiện Tiêu Diện Quý**..." Bồ-tát Địa Tạng được vị sám chủ thỉnh nhiều lần hơn, bởi vì Ngài trong vai trò thăm viếng và hướng dẫn siêu độ cho chúng sanh trong địa ngục.

Sở dĩ nghi thức Trai Đàn Chấn Tế, được có đến cả trăm bài văn ngắn, dài như vậy, là vì được phát xuất từ 3 tư tưởng lớn: **tâm đại Từ Bi của chư Tăng, phát nguyện lớn, siêu độ, bạt độ.**

Nói khác hơn, cứu vớt con người còn sống, được lên khỏi vực sâu cả chục mét, còn dễ hơn. Cứu vớt các vong linh được ra khỏi địa ngục, chốn u minh, tăm tối, rất là khó! Bởi vì thân vô hình, luân lung linh như mây, như gió nhưng, tâm thức vẫn cảm nhận mọi thứ khổ đau, đói khát, lạnh lùng. Tất cả do lúc sanh tiền, con người đã tạo nhiều tội ác, chưa có tâm thanh tịnh, còn nhiều tham, sân, si, ác kiến, đố kỵ, ngã mạn, ngã sở, v.v... Chính đó là Nga quỷ đói, địa ngục khổ, xiềng xích trói buộc, do tự thân của mỗi người tạo ra. Trong lúc sống trên đời có thân tướng đẹp, tài, mắt tinh anh, phương tiện



sống còn từ khả dĩ, đến giàu sang... mà không ngộ được đạo lý giác ngộ vô ngã, không ăn hiền, ở lành, không nghe lọt tai đạo lý giải thoát của Phật, không tạo đạo đức nhân bản (hiền hòa nhân hậu). Huống hồ bên kia cõi chết bị mang thân Cô hồn, Nga quỷ, vong linh... do đang còn nguyên hiện những định nghiệp ác nói trên trong tâm thức. Chính là "**Lá chắn đen tối**", làm sao có thể nghe được lời kinh, thấy được pháp thân Phật và Tăng! Nhất hạng bị chết đột xuất (vô thường) bởi: bom đạn, máy bay, thuyền bè, tai nạn xe cộ, trúng gió, lộn thuốc, ngã té, chiến tranh, huyết áp, v.v... Nếu vốn đang có tâm thanh tịnh trong sáng, thì tự siêu thoát. Bằng không, lại càng khổ đau, tăm tối, cho nên cứ ở mãi nơi cõi u minh, run rẩy trong tăm tối đó cả trăm năm, ngàn năm, bị đói khát, khổ đau, lạnh lùng! Qua đây, cho ta thấy hằng trăm bài sám thỉnh, tác bạch, lời kinh, tiếng kệ, thần chú và chư Tăng tán, tụng, xướng ngôn, pháp ngữ, lễ lạy, bắt Ân, Thủ xích xuống bàn, vang vọng, là những tiếng nói, âm điệu đánh thức

tâm ý Cô hồn, Nga quỷ trở về thực tại, suốt 4 tiếng đồng hồ của nghi thức Siêu độ, 5 tiếng Bạt độ trong nghi thức Trai Đàn Chấn Tế. Chính là những phương tiện tối thẳng, có kỹ thuật trong việc cứu vớt (độ) vô số Cô hồn, oan hồn, Nga quỷ, vong linh được thoát khỏi các cảnh địa ngục tối tăm, siêu lên các cõi trên (Tịnh độ, Nhân, Thiên) do uy lực của Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng) phải nhân lên gấp 10 lần, mới có thể khai mở tâm thức u tối của vô số Cô hồn, Nga quỷ, hương linh, trở thành trong sáng, tỉnh thức, thấy được Phật, được Tăng, nghe được lời Pháp phát lồ sám hối, là năng lực (chất siêu) làm vượt ra khỏi các cõi địa ngục, Nga quỷ, siêu lên các cõi Phật, Trời, Người, Tiên, Thánh.

C- Khi nào và ai có thể tổ chức Trai Đàn Chấn Tế? Mọi người các giới đều có thể, nếu có đủ khả năng phương tiện, cộng với tâm đại từ, đại bi, đại trí. Ba năng lực này là nền tảng có ra lễ Trai Đàn Chấn Tế siêu độ hay bạt độ. Do vì biết được một cách rõ ràng; các loại Cô hồn, Oan hồn, Nga quỷ, Vong linh trong các cõi địa ngục, vốn là con người, cho nên họ rất đau khổ, đói khát, lạnh lùng cô đơn, nên chỉ luôn mong cầu người sống là bà con, quyến thuộc, đồng hương nghĩ nhớ đến họ mà cho ăn, cho ấm, coi trối cho họ được siêu thoát qua các kinh Địa Tạng, Lương Hoàng Sám, chứ không phải do nghe lóm. Biết được rõ ràng như vậy rồi, tâm cảm thấy xót thương vô cùng, liền ra tay tế độ bất vụ lợi, trong đó không mong cầu phước báo, huống nữa là tiền tài vật chất, lại càng không nghĩ đến. Nhất hạng, khi biết được nơi nào đó có hằng ngàn người bị chết bởi bão lụt, tai nạn tàu, xe, hỏa hoạn, và chiến tranh; như tại Đại Lộ Kinh Hoàng ở Quảng Trị

trong mùa hè đỏ lửa, năm 1972, đã có hằng ngàn dân Việt Bắc-Nam chết tại đó do đánh nhau. Đến mùa Vu Lan 72, chư Tăng GHPGVNTN tỉnh Thừa Thiên Huế, đứng ra tổ chức Trai Đàn Chẩn Tế Bạt độ ngay tại đại lộ Kinh Hoàng ấy.

Nói tóm lại nghi thức Trai Đàn Chẩn Tế, là một nghi thức tối thượng, thượng thừa về hai mặt: Phật tâm và giáo vụ chánh đạo, cộng với tâm biết xót thương các loài âm linh, cô hồn, sẵn sàng dẫn thân cứu khổ, do có tâm đại Từ Bi và trí tuệ. Cho nên, Tăng chủ sám ngồi đàn và tập thể kinh sư, phải là những bậc chơn tu, có đạo cao, đức trọng, uyên thâm Phật pháp, thông đạt những nghi lễ thiền môn, trong đó có Chẩn Tế (không bắt buộc). Và người tổ chức Trai Đàn, bất cứ ai trong Phật giáo (các Đạo khác không có nghi thức này). Nhưng phải là người có tâm từ bi và sự hiểu biết rộng lớn về các kinh như đã nói trên, mà tổ chức Trai Đàn Chẩn Tế, để cứu vớt (siêu độ, bạt độ).

D- Trai Đàn Chẩn Tế là cách Bồ Thí lớn.

Cách thức Trai Đàn trên, được thấy rất phổ biến xưa, nay tại VN. Người tổ chức là Tăng, Ni và Phật tử. Sự tổ chức Trai Đàn này nhằm vào cầu siêu độ, bạt độ cho thân nhân, là ông bà, cha, mẹ, anh, em trong tộc họ hai bên nội, ngoại đã qua đời lâu hay mới, được cầu siêu chung luôn một thể. Nơi Trai Đàn, tại tư gia hay tại một ngôi chùa. Ban kinh sư Huế hay Bình định cho cả 3 miền.

Trong lúc lễ Trai Đàn, gia chủ đem tiền, và các thứ vật chất khác... đến bố thí cho các trẻ em khuyết tật, các cụ già neo đơn, các người nghèo ăn xin. Cũng như mua chim, cá phóng sanh. Bồ thí 3 đối tượng: 1- Nga quý, Cô hồn. 2- Người còn sống. 3- Phóng sanh chim, cá cùng một lúc. Riêng các loài Cô hồn, Nga quý được bố thí cả 2 thứ, tài thí và pháp thí. Kể cả cúng dường chư Tăng, in kinh sách để ấn tống hay đúc chuông, tạo tượng Phật, để hồi hướng công đức cho thân qua đời của mình. Mặc dù Trai Đàn, là nhằm vào siêu độ cho thân nhân quá cố, nhưng các giới Cô hồn, người sống (tàn tật, nghèo khổ...) chim, cá. Tất cả được ân trīm lợi lạc theo. Nhờ công đức đó mà chư Hương linh thân nhân, quyến thuộc của gia chủ được siêu thoát cùng lúc với các loài Cô hồn, Nga quý. Điều này được thấy vua Lương Võ Đế lập Trai Đàn Chẩn Tế, thỉnh chư Tăng tụng niệm, cầu siêu độ cho bà Hy Thị, vợ ông được siêu thoát kiếp Mãng Xà.

E- Thí Thực tại gia.

Người Phật tử tại gia, ai muốn cúng thí thực Cô hồn, cử việc cúng. Nhưng phải thanh tịnh tâm, đọc tụng theo đúng nghi thức Tiểu Môn Sơn, có trong nghi thức tụng niệm, không cần phải tụng kinh Di Đà, Hồng Danh. Chỉ cần tụng Tiểu Môn Sơn, cũng đủ năng lực làm cho Cô hồn được ăn, được siêu. Bởi vì nghi thức Tiểu Môn Sơn, là cơ bản tối thượng của kinh Diêm Khẩu, có đầy đủ Bồ Tát Tiểu Diệm và 13 vị cổ Phật trong đó như đã nói trên. Vật cúng thí chỉ cần một bát cháo lỏng, ly nước là đủ rồi. Muốn thêm các thứ bánh, trái cây... tùy ý, không sao cả. Phải đọc tụng đúng nghi thức Tiểu Môn Sơn, thì các Cô hồn, Nga quý mới ăn, uống được. Nếu van vái không, các loài cõi âm không hưởng được gì. Đã có lòng cúng Cô hồn, nên đọc tụng theo nghi thức Tiểu Môn Sơn. Sẽ được Cô hồn hộ niệm cho thành công các việc.



XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÃ

Kỷ niệm Lễ Động Thổ xây dựng ngày 6/10/2013

*Xây dựng ngôi Chùa Bát Nhã
Hoàng dương Phật pháp xứ người
Lăn chuyển bánh xe giác ngộ
Trong lòng người Việt khắp nơi.*

*Xây dựng ngôi Chùa Bát Nhã
Chăm lo đời sống tâm linh
Thắp sáng ngọn đèn tuệ giác
Yên vui ngự trị lòng mình.*

*Xây dựng ngôi Chùa Bát Nhã
Dưỡng nuôi bảo bọc Tăng Ni
Tổ Thầy kế truyền mạng mạch
Hưng long Đạo Giác - Từ Bi.*

*Xây dựng ngôi Chùa Bát Nhã
Trung tâm văn hóa Rồng Tiên
Gìn giữ phát huy bản sắc
Cháu con tìm gặp Thánh Hiền.*

*Xây dựng ngôi Chùa Bát Nhã
Cho người viễn xứ ly hương
Gặp được bóng hình ngày cũ
Làng quê lữ khách dặm trường.*

*Xây dựng ngôi Chùa Bát Nhã
Cho người bản xứ tựa nương
Một cõi chân tâm mẫu nhiệm
Ở ngay nơi những bình thường.*

THÍCH HẠNH TUỆ

TIN TỨC SINH HOẠT

LỄ KHỞI CÔNG XÂY CHÁNH ĐIỆN CHÙA BÁT NHÃ, THÀNH PHỐ SANTA ANA, CALIFORNIA

SANTA ANA (VB) – Sau hai năm rưỡi nỗ lực và kiên trì theo đuổi các thủ tục và tiến trình vận động xin giấy phép xây dựng Chùa Bát Nhã, vào trưa Chủ Nhật, ngày 6 tháng 10 năm 2013, các nghị viên đại diện Hội Đồng Thành Phố Santa Ana, Quận Cam, California, Hoa Kỳ, đã chính thức công bố giấy phép cho xây chánh điện Chùa Bát Nhã trong buổi Lễ Động Thổ tại Chùa Bát Nhã, với sự quang lâm của chư tôn đức Tăng, Ni, và sự hiện diện của các giới chức dân cử tiểu bang California, thành phố Santa Ana, thành phố Westminster, đại diện các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí, và đồng hương Phật Tử Việt tại Quận Cam.

Chương trình bắt đầu với phần nghi lễ cầu nguyện cho việc xây dựng ngôi chánh điện được thành tựu viên mãn do chư tôn đức Tăng, Ni chủ trì tại lễ đài buổi lễ.

Phần chào quốc kỳ và hát quốc ca Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ, chào Phật kỳ Phật Giáo Thế Giới và hát bài Phật Giáo Việt Nam, và phút mặc niệm được điều hợp bởi Đại Đức Thích Đồng Trực.

Trong phần phát biểu khai mạc, Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH kiêm Viện Chủ Chùa Bát

Nhã, đã bày tỏ lòng tri ân sâu xa đối với chư tôn đức Tăng, Ni đã quang lâm chứng minh, và chân thành cảm tạ quý đại diện giới chức dân cử tiểu bang, thành phố Santa Ana, thành phố Westminster, các hội đoàn, đoàn thể, tổ chức, cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí và đồng hương Phật tử đã hoan hỷ tham dự. Hòa Thượng cũng cho biết trong nhiều năm qua, Chùa Bát Nhã ngày càng trở nên chật hẹp trước sự tham gia sinh hoạt đông đảo của đồng hương Phật tử. Hòa Thượng nói rằng thậm chí Chùa không có phòng ốc, khu vực sân để các em Gia Đình Phật Tử, thanh niên sinh viên và học sinh Phật tử đến học Việt ngữ bảo vệ tiếng nói và văn hóa Việt, tập võ cường thân kiện thể, và sinh hoạt vui chơi trong những ngày cuối tuần. Ngay cả đến nhu cầu cơ sở đáp ứng với việc tu học của quần chúng Phật tử Chùa cũng gặp phải hoàn cảnh thiếu thốn trầm bề. Hòa Thượng cũng cho biết Ngài mong muốn có cơ sở vật chất để có thể đón tiếp chư tôn trưởng lão lớn tuổi về an dưỡng. Chính vì những nhân duyên động lực ấy mà Hòa Thượng phát tâm quyết chí xây dựng ngôi Tam Bảo Bát Nhã này, và hôm nay ước nguyện đã trở thành hiện thực.

Các nghị viên thành phố Westminster như Thị Trưởng Tạ Đức Trí, Nghị Viên Andy Quách, Nghị Viên



Hình ảnh trong Lễ Động Thổ khởi công xây dựng Chánh Điện Chùa Bát Nhã, Santa Ana. (Photo VB)

Diana Carey, Nghị Viên Sergio Contreras cũng đã lần lượt lên lễ đài phát biểu cảm tưởng. Thị trưởng Trí Tạ cho biết rằng ông rất vui khi thấy Chùa Bát Nhã có giấy phép xây dựng. Ông nói rằng việc xây dựng Chùa Bát Nhã sẽ giúp có nơi trang nghiêm để quần chúng Phật tử về đây tu học Phật Pháp. Ông cũng bày tỏ sự cảm tạ Hòa Thượng Viện Chủ Thích Nguyên Trí đã có công kiến tạo ngôi Chùa Bát Nhã làm nơi sinh hoạt Phật Giáo. Nghị Viên Andy Quách, người mà trong suốt thời gian qua đã giúp Chùa Bát Nhã thực hiện thủ tục và tiến trình xin giấy phép chính thức xây chùa, nói rằng thành phố Westminster hay Santa Ana thì có giới hạn biên cương, nhưng Phật Giáo thì không có. Phật giáo có mặt khắp nơi trong cộng đồng Việt. Ông nói sẵn sàng hỗ trợ và giúp đỡ bất cứ việc gì trong khả năng đối với cộng đồng, cũng như các nghị viên thành phố Santa Ana dù không phải là Phật Giáo vẫn giúp đỡ cho việc xây chùa. Nghị viên Diana Carey, và Gergio Contreras cũng đã bày tỏ niềm vui trong ngày Chùa Bát Nhã có giấy phép xây dựng. Thành viên Hội Đồng Quản Trị Ty Vệ Sinh Thành Phố Midway City Tyler Diệp cũng đã lên chúc mừng Chùa Bát Nhã chính thức khởi công xây dựng và cho biết ông sẽ hoan hỷ hơn nữa khi đến dự lễ khánh thành ngôi chùa này.

Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới, và Hòa Thượng Thích Quảng Tâm đến từ Đài Loan cũng đã lên lễ đài tán dương công đức của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí đã có công trong tiến trình kiến tạo Chùa Bát Nhã để làm nơi tu học cho quần chúng Phật tử và hoằng pháp lợi sinh. Hòa Thượng Thích Quảng Tâm nhân đó đã phát tâm cúng 40,000 đô la cho công trình xây dựng ngôi Tam Bảo Bát Nhã. Hòa Thượng Thích Quảng Tâm cho biết khi đến Chùa Bát Nhã này Hòa Thượng đã cảm phục đức hạnh khiêm cung và hạnh nguyện hoằng pháp lợi sinh của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí. Hòa Thượng cũng kêu gọi Phật tử các giới hãy phát tâm hỗ trợ để hoàn thành việc xây dựng ngôi Chùa Bát Nhã làm lợi lạc cho mọi người.

Thượng Nghị Sĩ Tiểu Bang California địa hạt 34 Lou Correa đã chúng mừng Chùa Bát Nhã có giấy phép xây dựng và trao tặng bằng tường lục ghi nhận công đức đóng góp cho cộng đồng Việt Nam tại Little Saigon của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí.

Tiến Sĩ Huỳnh Tấn Lê, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, và cô Bảo Trâm đã giới thiệu các nghị viên thành phố Santa Ana lên lễ đài để công bố giấy phép chính thức cho xây dựng Chùa Bát Nhã. Các nghị viên Vincent



Sarmiento, Michele Martinez, và David Benavides đã lần lượt phát biểu cảm tưởng vui mừng trước việc Chùa Bát Nhã đã có giấy phép xây dựng sau 2 năm rưỡi nỗ lực để vượt qua bao nhiêu khó khăn trong thủ tục và tiến trình xin giấy phép.

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí đã trao tặng các nghị viên Santa Ana và Westminster mỗi người một bó hoa để bày tỏ sự cảm ơn của Chùa Bát Nhã đối với sự giúp đỡ bấy lâu nay của các nghị viên của hai thành phố này.

Buổi lễ động thổ đã diễn ra dưới ánh nắng chửa chang tại miền Nam California vào đầu mùa thu. Chiếc xe ủi đất thật dềnh dàng đã nổ máy chuyển động và xúc những miếng đất đầu tiên trên nền Chùa Bát Nhã cũ mở đầu cho công trình xây dựng diễn ra tại đây. Mọi người đều vỗ tay hoan nghênh và vui mừng vì biết chắc rằng không lâu nữa nơi này sẽ có mặt một ngôi chánh điện trang nghiêm, một ngôi chùa khang trang mang sắc thái văn hóa truyền thống Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Trong phần giới thiệu chư tôn đức Tăng, Ni gồm có Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHNK; HT Thích Chơn Thành, Phó Thượng Thủ GHPGVN Trên Thế Giới; HT Thích Phước Thuận, thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHNK; HT Thích Quảng Tâm đến từ Đài Loan; HT Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK; HT Thích Minh Tuyền, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK; HT Thích Minh Hối, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kiến Thiết GHPGVNTNHNK; HT Thích Thiện Long, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kinh Tế Tài Chánh GHPGVNTNHNK; HT Thích Nhật Quang; HT Thích Giác Sĩ; TT Thích Tịnh Giác đến từ Úc; TT Thích Thánh Minh; TT Thích Tuệ Uy; TT Thích Quảng Đạo đến từ Chùa Khánh Anh, Pháp Quốc; Ni Trưởng Thích Như Tịnh; Ni Sư Thích Diệu Tánh, Tổng Thủ Quỹ GHPGVNTNHNK, v.v... Về phía cộng đồng Việt gồm có Thị Trưởng Westminster Trí Tạ và các nghị viên Andy Quách, Diana Carey, Sergio Contreras; Ông Phát Bùi; Bác Sĩ Võ Đình Hữu, Chủ Tịch Cộng Đồng Pomona; Luật Sư Nguyễn Xuân Nghĩa, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Nam California; Ông Phan Kỳ Nhơn, UB Chặng Cộng Sản và Tay Sai; Tiến Sĩ Phạm Kim Long, Ủy Viên Giáo Dục Quận Cam; v.v...

Sau lễ là phần văn nghệ giúp vui mừng ngày động thổ xây cất chùa với sự đóng góp của nhiều ca nhạc sĩ tên tuổi được mến mộ. Chùa cũng đã thiết đãi cơm chay với những món ăn ngon miệng như bún, cơm, chè, trái cây, v.v... Đồng hương vừa ăn trưa vừa thưởng thức văn nghệ. (Việt Báo)



Sinh nhật

VĨNH HẢO



Optimized by www.ImageOptimizer.net

Lâu lắm rồi, những mấy mươi năm trước, mình được sinh ra.

Từ ngày lọt lòng năm ấy, rồi đến "thôi nôi" năm kế tiếp, rồi đến những sinh nhật chẳng nhớ gì cả, rồi đến những sinh nhật có nhớ mà làm như quên, rồi đến những sinh nhật có nhớ cũng như không, rồi đến sinh nhật đã quên mà người khác lại nhắc, rồi đến những sinh nhật ai cũng nhắc, rồi đến những sinh nhật ai cũng quên, rồi đến sinh nhật đứng một mình bên song cửa lặng lẽ nhìn mây bay, rồi đến sinh nhật suốt ngày ngồi trên máy bay sau đó chọn rộn loay hoay chuyện nhập trại, rồi đến những sinh nhật không ai nhớ hoặc nhớ mà không dám nhắc, rồi đến những sinh nhật cố gắng quên và trốn tránh mọi người, rồi đến những sinh nhật đơn giản, đơn giản, thật đơn giản... cho đến nay, hể đến sinh nhật thì mình vẫn cứ bồn khoăn, vẫn cứ nghĩ ngợi, ưu tư, vẫn cứ mang cảm giác như là có một điều gì, một cái gì đã sinh ra, vừa sinh ra, sắp sinh ra. Sao hôm qua và ngày mai mình lại không nghĩ về điều ấy, hoặc có nghĩ mà không rõ nét, không thấy quan trọng như là đúng vào sinh nhật? Có lẽ chỉ là một thứ ảo giác mà gia đình và xã hội đã uốn nắn thành một thông lệ, một thói quen. Không phải chỉ đơn giản là thói quen trong thông lệ, mà còn là thói quen trong tư tưởng, trong cảm giác. Vâng, có một thông lệ của đồng tư tưởng sinh nhật.

Nó cho mình một cảm giác mơ hồ, rồi cảm giác mơ hồ ấy lại khơi dậy một thứ tư tưởng nào đó. Ở mặt ngoài thì là một thứ cảm giác hơi hợt như là niềm vui hôm nay là ngày đặc biệt của mình (những ngày khác là ngày của người ta hoặc là ngày vui của chung mọi người), hoặc niềm vui được người khác quan tâm chúc tụng, hoặc nỗi buồn mình già thêm một tuổi mà chẳng làm được gì, hoặc nỗi buồn là không ai (hay là ít ai) nhớ đến sinh nhật mình, hoặc nỗi buồn là tại sao cái người đặc biệt

ấy lại đặc biệt không nhớ cái ngày đặc biệt của người đặc biệt như mình; nhưng bên trong thì âm ỉ, lờ mờ một cái gì, tờ tờ như là một hoài niệm, cũng không hẳn là hoài niệm đơn giản như là nhớ lại những sinh nhật đã qua, mà là một thứ cảm hoài mang mang... Cũng không hẳn là cảm hoài nữa. Cảm hoài là cảm xúc dâng dậy từ một sự hoài niệm với một vài kỷ niệm nào đó trong dĩ vãng. Những kỷ niệm ấy có lịch sử của chúng, và có hình ảnh của chúng. Đàng này, cái hoài niệm dường như lại đi lui lại thật xa, vượt khỏi những ngày, những tháng, những năm được ghi tính trên lịch, hoặc được ghi nhớ trong ký ức... Nó tìm tòi, cố nhớ lại một cái gì, một lẽ gì, hiện hữu trước khi sinh ra, hiện hữu trước tất cả mọi sinh nhật.

Tại sao mình lại sinh ra nhỉ? Đừng vội trả lời rằng cha mẹ muốn vậy. Đừng vội nói rằng ý Chúa. Đừng vội trả lời là nhân quả, nhân duyên, nghiệp báo...

Mục đích sinh ra đời của mình là gì nhỉ? Đừng vội trả lời sinh ra để sống. Đừng vội trả lời sinh ra để làm con của ba má. Đừng vội trả lời sinh ra để làm ba má những người con. Đừng vội trả lời sinh ra để làm người yêu của người yêu mình, người yêu của người mình yêu, người yêu của người không yêu mình, người yêu của người mình không yêu. Đừng vội trả lời sinh ra để làm ông này, bà nọ. Đừng vội trả lời sinh ra để đi làm kiếm tiền mà tiêu xài cho sướng. Đừng vội trả lời sinh ra để hưởng thụ những gì gia đình và xã hội đã cung cấp cho mình. Đừng vội trả lời sinh ra để ngồi không mà tận hưởng những quyền lợi của bao nhiêu người khác dâng hiến. Đừng vội trả lời sinh ra để phục vụ, cung phụng người khác, tập thể khác. Đừng vội trả lời sinh ra để làm vua, làm chúa, làm kẻ lãnh đạo, làm kẻ bất lương, làm kẻ bất nhân, làm kẻ vô tình, làm kẻ vô tâm, làm kẻ vô liêm sỉ... (tại sao

những tính từ này lại thường đi theo với những danh từ kia trong một đất nước khổn khổ?). Đừng vội trả lời sinh ra để cứu mang một thứ trọng nhiệm nào đó. Đừng vội trả lời sinh ra để làm vui kẻ khác...

Mỗi người có một câu trả lời cho sự sinh ra của mình. Câu trả lời ấy, không hẳn là đúng đâu. Nếu không biết được ý nghĩa của sự chưa sinh, của cái chưa sinh, của lúc chưa sinh, thì không thể nào hiểu được ý nghĩa của cái sinh.

Trước sinh nhật của hôm nay, tôi là gì nhỉ? Là ngày hôm qua, hôm kia, hôm nọ... Những ngày trước đó, tôi chẳng khác hôm nay là bao. Nhưng hôm nay, đúng ngày sinh nhật, tôi nhìn lại tôi, nhìn lại con đường tôi đã kinh qua, lại nhìn con đường tôi sắp bước đến. Rất khác. Cái khác là ở khoảng cách thật xa. Nhưng không có cái gần, sẽ chẳng bao giờ có được cái xa ấy cả. Vậy con đường sau lưng hay con đường trước mặt, chẳng qua cũng chỉ là cái được sinh ra từ cái chưa sinh ra. Nếu đã sinh ra rồi thì không còn được sinh ra nữa. Nếu chưa sinh ra mà không chịu được sinh ra bởi cái chưa sinh, thì cũng không được sinh ra. Vậy, phải luôn sẵn sàng như thể mình chưa sinh ra, phải luôn sẵn sàng để bước qua cái cửa sinh, thì mình mới có thể được sinh ra một cách mới mẻ, trong từng giây phút, mà không bị vướng vào "đường xưa lối cũ" của cuộc đời.

Lịch sử của con người, hay xã hội, vẫn được ghi bằng những cái đã sinh ra. Nhưng con người muôn thuở, dường như chẳng bao giờ thấy được cái chưa sinh ra của chính mình. Mà chính cái chưa sinh ấy lại mới là cái làm nên những lịch sử muôn hình vạn trạng của trần gian này.

Tôi ngồi đây, nhân sáng sớm của ngày sinh, nhìn lui về quá khứ, thật xa, thật xa, muốn tự vấn một điều.

Tại sao tôi sinh ra?

Chuyến xe cuối cùng

Tôi là một tài xế taxi. Không nhiều tài xế nhận làm việc ca đêm. Riêng tôi, vì cuộc hôn nhân mới tan vỡ nên tôi đồng ý. Và vị khách của đêm cuối năm ấy để lại trong tôi một ấn tượng đặc biệt.

Tôi nhận được lời nhắn vào lúc 2:30 sáng. Tôi dừng xe, xung quanh vẫn tối đen, chỉ trừ ánh đèn hắt ra từ một cửa sổ nhỏ ở tầng trệt. Bình thường, cũng như mọi tài xế taxi khác, tôi chỉ bấm còi một hai lần, đợi một chút, nếu vẫn chưa thấy khách ra thì lái xe đi. Nhưng không hiểu tại sao lần này, tôi lại ra khỏi xe, bước lên bậc tam cấp. Không khéo người ta cần mình giúp, tôi nghĩ vậy và gõ cửa.

"Xin chờ một phút," một giọng nói run rẩy cất lên. Sau một lát yên lặng, cửa mở. Một bà cụ nhỏ bé đứng trước mặt tôi, mặc một chiếc váy hoa, đội mũ nhỏ có mạng che mặt. Chiếc valy nhỏ đặt dưới chân.

Căn phòng phía sau lưng cụ trông như không có ai ở đã nhiều năm. Tất cả đồ đạc đều được phủ ga trắng.

"Cậu mang đồ ra xe giúp tôi được không?" Bà cụ hỏi. Một tay tôi nhắc chiếc valy lên, nó còn nhẹ bẫng, còn tay kia thì khuyếch ra cho bà cụ vịn. Chúng tôi đi rất chậm ra xe.

"Cậu tốt quá!" Bà cụ nói nhẹ nhàng mắt không nhìn vào tôi, tựa như đang nói với một ai khác.

Khi chúng tôi vào xe, bà đưa cho tôi địa chỉ cần tới và nói:

"Cậu có thể đi xuyên qua khu chợ cũ được không?"

"Nhưng đó không phải là đường ngắn nhất, cụ ạ!"

"Tôi không vội mà!" Ngừng lại một lát, bà nói tiếp, "Tôi đang đến viện dưỡng lão!"

Mắt bà long lanh: "Thế cũng

tốt! Đẳng nào thì bác sĩ cũng nói rằng tôi không còn sống được bao lâu nữa."

Tôi tắt đồng hồ đo cây số và hỏi:

"Đầu tiên cụ muốn cháu đưa đi đâu?"

Hai tiếng đồng hồ, chúng tôi đi lòng vòng quanh thành phố. Bà cụ chỉ cho tôi tòa nhà bà từng làm việc, khu chung cư vợ chồng bà đã thuê khi họ mới cưới. Bà bảo tôi dừng lại trước một cửa hàng nội thất nơi trước đây là sân nhảy, bà vẫn đến khiêu vũ

chúng ta đi thôi.

Chúng tôi tới địa chỉ mà bà cụ đưa cho tôi mà không nói thêm câu nào. Đó là một viện điều dưỡng dành cho những người già không nơi nương tựa. Hai người hộ lý và một chiếc xe lăn đã chờ sẵn ngoài cổng. Bà cụ dừng bước, vừa rút ví ra, vừa hỏi tôi, dịu dàng:

"Tôi phải trả cậu bao nhiêu?"

"Không gì cả, cụ ạ!" Tôi nói.

"Cậu cũng phải kiếm sống mà!" Bà cụ hỏi, giọng vẫn dịu dàng, tuyệt nhiên không có chút ngạc nhiên nào.

"Sẽ còn những hành khách khác mà cụ." Tôi trả lời.

Bất giác, tôi cúi xuống ôm lấy bà cụ. Bà cũng ôm chặt tôi.

"Cậu đã cho tôi rất nhiều!"

Bà cụ nói, "Cám ơn cậu."

Tôi siết nhẹ tay bà cụ rồi quay ra. Trời vẫn còn mờ tối. Sau lưng tôi, cánh cửa viện điều dưỡng đã đóng lại. Đó cũng là âm thanh khép lại một cuộc đời.

Cả ngày hôm đó tôi không đón thêm một hành khách nào nữa, tôi lái xe đi lang thang, đắm chìm trong suy nghĩ, rồi bản khoán tự hỏi:

"Điều gì sẽ xảy ra nếu bà cụ gặp một tài xế dữ dằn, hoặc đang nóng vội trên chuyến xe cuối cùng? Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi bóp còi rồi bỏ đi hoặc từ chối tuyến đường đặc biệt của bà cụ? Và bất giác tôi cảm thấy mình hạnh phúc xiết bao... Ít ra tôi hiểu rằng sự cô đơn trong trái tim của một người từng bất hạnh như tôi vẫn còn rất nhiều yêu thương, và vì thế mọi cánh cửa vẫn chưa hề khép lại."

Trịnh Gia Mỹ sưu tầm



khi còn thiếu nữ. Thình thoảng bà bảo tôi đi chậm qua một tòa nhà hay một góc phố đặc-biệt-nào-đó dừng lại trong bóng tối và im lặng.

Khi những ánh mặt trời đầu tiên xuất hiện phía chân trời, bà cụ đột nhiên nói Tôi mệt rồi,